



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 45/2025
Từ 24/11 - 28/11/2025

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ VỀ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Ngày 28/11/2025, thay mặt Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trần Cẩm Tú đã ký ban hành Kết luận số 221-KL/T của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp.



Ảnh minh họa: Trung tâm phục vụ hành chính công phường Tân An - tỉnh Bắc Ninh.

Kết luận nêu rõ: Tại phiên họp ngày 28/11/2025, sau khi nghe Báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp tháng 11/2025 (Báo cáo số 565-BC/BTCTW, ngày 27/11/2025), Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Cơ bản thống nhất với Báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp tháng 11/2025. Bộ Chính trị, Ban Bí thư ghi nhận và biểu dương các cấp ủy, tổ chức đảng, Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Ban Tổ chức Trung ương, các bộ, ngành, các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy xã, phường, đặc khu... đã tiếp tục nỗ lực, khắc phục khó khăn, kịp thời hướng dẫn, xử lý, tháo gỡ vướng mắc phát sinh, góp phần bảo đảm bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp hoạt động ổn định, thông suốt và ngày càng tốt hơn.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

2. Yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai kịp thời, hiệu quả các kết luận, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

Yêu cầu các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, các đồng chí bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ phải quán xuyên và trực tiếp chỉ đạo những nhiệm vụ, nội dung công việc của bộ, ngành, địa phương mình được phân công; tăng cường đi cơ sở nắm tình hình, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời chỉ đạo giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh, nhất là việc xử lý trụ sở, tài sản công, bảo đảm các công việc được triển khai đúng tiến độ và đáp ứng yêu cầu chất lượng.

3. Giao Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo các bộ, ngành tiếp tục phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan khẩn trương rà soát toàn bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo từng ngành, từng lĩnh vực để kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật bảo đảm sát thực tiễn và khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, chưa phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Trong đó, ưu tiên các lĩnh vực: Tài chính - ngân sách; đất đai và quy hoạch; cải cách hành chính và chuyển đổi số; phát triển khoa học, công nghệ; tổ chức bộ máy, cán bộ, chế độ, chính sách; giáo dục, đào tạo, y tế; đặc biệt chú trọng hiện đại hoá hạ tầng số, nâng cao năng lực cán bộ cấp xã và sắp xếp hợp lý đội ngũ theo yêu cầu nhiệm vụ mới.

4. Yêu cầu Đảng uỷ Chính phủ chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng ở Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết, xử lý các kiến nghị cụ thể của các cơ quan, đơn vị, địa phương, hoàn thành trong năm 2025. Đối với những nội dung chưa thể giải quyết ngay, phải có phương án phân công, lộ trình thời gian cụ thể và thông tin đầy đủ đến các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Yêu cầu các cấp uỷ, cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong, khẩn trương hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu, tiến độ. Các tỉnh uỷ, thành uỷ phối hợp Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ khẩn trương sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập cấp xã (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường liên cấp) và các trạm y tế cấp xã, hoàn thành dứt điểm trước ngày 31/12/2025.

5. Giao Ban Tổ chức Trung ương tiếp tục chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ đánh giá kỹ tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp, nhất là việc tổ chức thực hiện các chủ trương, định hướng về tổ chức bộ máy, cán bộ, phân cấp, phân quyền, phân loại đơn vị hành chính... báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư để chỉ đạo.

Nguồn: dangcongsan.vn

CHĂM LO Y TẾ, GIÁO DỤC LÀ MỤC TIÊU, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Sáng ngày 25/11/2025, Quốc hội thảo luận tại tổ về chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035; chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035.

Phát biểu tại thảo luận tổ, Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định, y tế và giáo dục là những trụ cột quan trọng của xã hội. Đây không chỉ là mục tiêu, mà còn là động lực phát triển nguồn nhân lực - một trong 3 trọng tâm đột phá. Mục tiêu là chăm lo cho con người, có nguồn nhân lực tốt, sức khỏe và bản lĩnh, tư duy kiến thức, tri thức để xây dựng và phát triển đất nước.

Về tên gọi của chương trình, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh “mục tiêu quốc gia” đã phản ánh trách nhiệm của toàn xã hội, không gói trong phạm vi một ngành. Tuy nhiên, Tổng Bí thư lưu ý, hiện có nhiều chương trình mục tiêu quốc gia bị chồng chéo, nguồn lực phân tán, nhiều đề án, nhiều ban quản lý... mà kết quả không như mong muốn. Vì vậy, cần xem xét lại phạm vi, tránh trùng lặp, xác định rõ cơ quan chủ trì.

Trong y tế và giáo dục, Tổng Bí thư nhấn mạnh 3 yếu tố cần đầu tư đồng bộ, đó là cơ sở hạ tầng; đội ngũ thầy cô, thầy thuốc; chương trình đào tạo. Cơ sở hạ tầng phải đảm bảo. Đội ngũ phải chuẩn, được đào tạo bài bản, có đạo đức, nhân cách. Chương trình đào tạo phải luôn cập nhật, chuyên sâu, phù hợp tốc độ thay đổi của tri thức khoa học.

Nói về từng lĩnh vực, với y tế, Tổng Bí thư yêu cầu, chương trình phải xác định rõ đến giai đoạn 2030-2035 ngành phải đạt kết quả gì vượt trội, chứ không chỉ là những nhiệm vụ thường xuyên; trong đó, cần coi trọng chăm sóc sức khỏe ban đầu và dự phòng. Hiện công tác y tế còn nặng về khám chữa bệnh - tức là xử lý hậu quả vì dự phòng yếu.

Tổng Bí thư đặt ra yêu cầu, cần có giải pháp, kế hoạch để xử lý dứt điểm những bệnh truyền nhiễm, như lao, sốt rét, viêm gan... không để tồn tại kéo dài, gây tổn kém cho cả hệ thống. Đồng thời, phải giải quyết nguyên nhân căn cơ nền tảng của bệnh tật như môi trường ô nhiễm, nước sạch, vệ sinh an toàn thực phẩm, bởi nếu không xử lý các vấn đề căn cơ nêu trên thì "xây bao nhiêu viện, đào tạo bao bác sĩ cũng không thể đủ".

Đối với giáo dục, Tổng Bí thư khẳng định, mục tiêu phát triển đất nước gắn chặt với giáo dục và khoa học công nghệ. Từ bậc mầm non đến sau đại học phải là một chu trình đào tạo liên tục, tạo ra nguồn nhân lực có năng suất cao. Không đầu tư đầy đủ cho giáo dục thì khó có thể tạo ra nền tảng cho khoa học công nghệ và phát triển quốc gia.

Bên cạnh đó, Tổng Bí thư bày tỏ trăn trở trước tình trạng phân tán điểm trường gây lãng phí hiện nay: Có nơi rất ít học sinh nhưng lại nhiều giáo viên; cá biệt có điểm trường 5-6 học sinh nhưng có đến 10 thầy cô. Từ thực tế này, Tổng Bí thư gợi mở việc tính toán mô hình phù hợp hơn như việc gom điểm trường, phát triển trường nội trú để học sinh được học trong

môi trường tốt hơn và sử dụng hiệu quả nguồn lực. Ở vùng biên giới, cơ sở vật chất còn thiếu, tỉ lệ kiên cố hóa chưa thực chất, Tổng Bí thư yêu cầu cần ưu tiên đầu tư đúng và đạt chuẩn.

Đẩy mạnh phân cấp, cơ chế phân bổ vốn linh hoạt

Cũng tại thảo luận tổ, cho ý kiến về chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn nhấn mạnh, việc xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục là nhiệm vụ chiến lược, đòi hỏi sự đầu tư lớn về nguồn lực và thời gian. Mục tiêu cuối cùng phải nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn cho rằng, giai đoạn hiện nay chịu sự tác động mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI) và nhu cầu nhân lực chất lượng cao. Do đó, giải pháp không chỉ dừng lại ở việc dạy tốt, học tốt theo cách truyền thống mà phải là một cuộc cách mạng về tư duy và công cụ để giáo dục, đào tạo phát triển. Do đó, chương trình cần có tầm nhìn dài hạn, dự báo được xu hướng phát triển của xã hội, thị trường lao động trong tương lai. Chương trình phải xác định rõ trọng tâm, phạm vi, tránh dàn trải, “cái gì có thể xã hội hóa được thì xã hội hóa”. Các chương trình mục tiêu quốc gia cần phải giải quyết vấn đề cốt lõi, cấp bách có tính đột phá của ngành giáo dục. Bên cạnh đó phải đảm bảo nguồn lực, cơ chế tài chính, quản lý, kiểm tra, giám sát, đảm bảo trong quá trình thực hiện không có thất thoát, không có tiêu cực.

Chủ tịch Quốc hội đồng tình với các ý kiến của các đại biểu về cơ chế phân bổ vốn linh hoạt, cho phép địa phương chủ động điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế, đúng như tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là Tổng Bí thư Tô Lâm đó là “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”; Trung ương kiến tạo và giám sát. Cần phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, điều hành giữa Trung ương và địa phương, giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan; Quốc hội sẽ giám sát việc thực thi.

Chủ tịch Quốc hội đưa ra các giải pháp cần lưu ý như củng cố và đổi mới y tế cơ sở. Đây là nền tảng nâng cao năng lực trạm y tế xã, phường, cung cấp trang thiết bị chẩn đoán cơ bản như siêu âm, xét nghiệm nhanh và thuốc thiết yếu để người dân tin tưởng khám, chữa bệnh tại trạm y tế, không lên bệnh viện tuyến trên; đẩy mạnh y tế dự phòng, bao gồm kiểm soát bệnh không lây nhiễm, tiêm chủng mở rộng, giáo dục lối sống vệ sinh môi trường, nâng cao sức khỏe nhân dân trên tinh thần “phòng bệnh hơn chữa bệnh”, đây là nguyên tắc cốt lõi để giảm gánh nặng bệnh tật.

Chủ tịch Quốc hội cũng yêu cầu, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số, đột phá là phát triển nguồn nhân lực y tế bởi con người là yếu tố quyết định chất lượng dịch vụ y tế, bao gồm đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, chế độ đãi ngộ, nâng cao y đức, tài chính.

Nguồn: baohinhphu.vn

TIẾP TỤC HOÀN THIỆN CƠ SỞ PHÁP LÝ, ĐẢM BẢO CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ, VƯỢT TRỘI CHO PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tại phiên họp thứ 51 diễn ra vào chiều ngày 24/11/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Xây dựng, phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành siêu đô thị lớn nhất tại Đông Nam Á

Tờ trình của Chính phủ do Bộ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng trình bày cho biết, mục tiêu xây dựng và ban hành Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý, đảm bảo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, chặt chẽ, khả thi, hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong thu hút nhà đầu tư chiến lược, huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh, đáp ứng yêu cầu, định hướng phát triển Thành phố sau hợp nhất; khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thi hành Nghị quyết số 98/2023/QH15 để xây dựng, phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành siêu đô thị lớn nhất tại Đông Nam Á với vị trí, vai trò là đầu tàu dẫn dắt, hạt nhân, động lực tăng trưởng của Vùng Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên quan điểm là bảo đảm tuân thủ các quy định của Hiến pháp 2013; phù hợp với các Nghị quyết của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 31 -NQ/TW và Nghị quyết 24-NQ/TW; phù hợp với cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết; bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc.

Đồng thời, chỉ quy định một số cơ chế, chính sách phù hợp, thực sự cần thiết đối với yêu cầu phát triển của Thành phố thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành; tiếp tục kế thừa các cơ chế, chính sách đã được Quốc hội cho phép tại Nghị quyết số 98/2023/QH15; bổ sung các cơ chế, chính sách phù hợp đang được thí điểm tại một số địa phương.

Tăng cường phân cấp, ủy quyền cho Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tăng tính chủ động, sáng tạo, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đảm bảo nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố. Việc thí điểm ban hành các chính sách mới phải được đồng thuận của người dân và doanh nghiệp; bảo đảm sự ổn định cho sự phát triển kinh tế, xã hội của Thành phố, không ảnh hưởng lớn đến môi trường đầu tư, kinh doanh.

Cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phải có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với bối cảnh thực tiễn phát triển của địa phương và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của Nhà nước, tạo động lực, đột phá mới cho Thành phố Hồ Chí Minh, từng

bước giải quyết các điểm nghẽn, thách thức và đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới; đảm bảo tính tương đồng với các chính sách của một số tỉnh, thành phố lớn khác trong cả nước.

Về phạm vi điều chỉnh, dự thảo Nghị quyết cơ bản giữ nguyên phạm vi điều chỉnh như Nghị quyết số 98/2023/QH15 hiện hành (quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh về quản lý đầu tư; tài chính, ngân sách nhà nước; quản lý đô thị, tài nguyên, môi trường; danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố; quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; tổ chức bộ máy của chính quyền Thành phố), đồng thời, bổ sung quy định về thành lập Khu thương mại tự do Thành phố Hồ Chí Minh và bỏ nội dung liên quan thành phố Thủ Đức do đã kết thúc hoạt động từ ngày 01/7/2025 khi triển khai việc tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

Đối tượng áp dụng là: Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Dự thảo Nghị quyết có bố cục gồm 3 điều: Điều 1 quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội (gồm 8 khoản, sửa đổi, bổ sung 06 điều, bổ sung 01 điều của Nghị quyết số 98/2023/QH15). Điều 2 quy định về hiệu lực thi hành. Điều 3 quy định về điều khoản chuyển tiếp.

Việc bổ sung quy định về thành lập Khu thương mại tự do Thành phố Hồ Chí Minh là cần thiết

Về thành lập Khu Thương mại tự do Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng cho hay, trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt, các mô hình khu thương mại tự do, khu phi thuế quan, khu tài chính đặc biệt đã chứng minh hiệu quả trong việc thu hút đầu tư chất lượng cao, phát triển dịch vụ hiện đại và thúc đẩy đổi mới sáng tạo tại nhiều quốc gia.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành (Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Hải quan, Luật Thuế, Luật Quản lý ngoại thương...) chưa có quy định về một mô hình tích hợp, có tính thử nghiệm thể chế tổng hợp, kết hợp giữa khu phi thuế quan, khu công nghiệp, khu logistics, khu thương mại - dịch vụ và trung tâm tài chính với cơ chế quản lý, chính sách ưu đãi vượt trội và được phân quyền mạnh mẽ cho địa phương.

Do đó, việc bổ sung quy định về thành lập Khu thương mại tự do Thành phố Hồ Chí Minh là cần thiết nhằm tạo không gian thể chế đặc thù, vượt trội, góp phần đưa Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế của khu vực, đồng thời, tạo cơ sở pháp lý để Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thí điểm mô hình mới, kiểm nghiệm chính sách trước khi nhân rộng ra các địa phương khác.

Xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, dự thảo Nghị quyết bổ sung Điều 7a quy định thiết lập khung pháp lý đầy đủ cho mô hình Khu thương mại tự do, bao gồm: vị trí, cơ cấu khu chức năng, cơ chế quản lý, thẩm quyền, chính sách đất đai, ưu đãi đầu tư, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cơ chế hải quan đặc thù.

Các điểm đặc thù, vượt trội so với quy định hiện hành bao gồm: Chính sách về thẩm quyền và thủ tục thành lập khác với các khu công nghiệp, khu kinh tế hiện nay do Thủ tướng Chính phủ quyết định, quy định mới trao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định thành lập, mở rộng, điều chỉnh ranh giới Khu thương mại tự do, coi đây là quyết định điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung Thành phố. Đồng thời, Hội đồng nhân dân Thành phố quy định trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng, điều chỉnh ranh giới Khu thương mại tự do. Cách thiết kế này tăng tính chủ động và linh hoạt của địa phương.

Bên cạnh đó, về chính sách về mô hình tổ chức và cơ chế quản lý, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trực tiếp đối với Khu thương mại tự do, quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác trong Khu thương mại tự do, tương tự mô hình “một đầu mối” hành chính. Quy định này đơn giản hóa bộ máy, rút ngắn quy trình xử lý, khắc phục tình trạng phân tán thẩm quyền giữa các sở ngành.

Nguồn: [quochoi.vn](#)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: THỂ CHẾ THÔNG THOÁNG, HẠ TẦNG THÔNG SUỐT, QUẢN TRỊ THÔNG MINH, CÁCH LÀM THÔNG DỤNG CHO TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Ngày 25/11/2025, tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong chương trình dự Diễn đàn Kinh tế mùa Thu 2025, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã tiếp lãnh đạo các tập đoàn, doanh nghiệp quốc tế trong lĩnh vực tài chính.

Tại cuộc gặp, các đại biểu đã trao đổi về tiềm năng, cơ hội, chia sẻ tầm nhìn, khẳng định cam kết hợp tác, đề xuất một số chương trình, dự án cụ thể, đồng thời nêu một số kiến nghị, nhằm góp phần xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành một trung tâm tài chính quốc tế hàng đầu trong khu vực, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững của Việt Nam.

Thời gian qua, thứ hạng của Thành phố Hồ Chí Minh trong Chỉ số Các trung tâm Tài chính Toàn cầu (GFCI 38) được cải thiện từ vị trí 98 lên 95, với điểm số đạt 664. Tuy nhiên, để tiếp tục nâng cao vị thế, Việt Nam cần tập trung vào bốn trụ cột chính: Chính sách, hạ tầng, nguồn nhân lực và các chương trình liên tục cải thiện thứ hạng của trung tâm tài chính quốc tế trong thời gian tới.

Phát biểu tại cuộc gặp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ, Việt Nam là nước đang phát triển, nền kinh tế đang chuyển đổi, nên rất cần vốn. Muốn có vốn, phải có “4 thông” gồm: Thể chế thông thoáng, hạ tầng thông suốt, quản trị thông minh, cách làm thông dụng. Đồng thời, cùng với các động lực truyền thống (đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng), phải thúc

đẩy các động lực phát triển mới, trong đó có kinh tế số, xanh, tuần hoàn, tri thức, phát triển hạ tầng dữ liệu, phát triển AI...

Việt Nam rất coi trọng trí tuệ của các nhà đầu tư nhưng đồng thời, các bên liên quan cũng phải tiết kiệm thời gian, hành động nhanh hơn, quyết đoán kịp thời hơn, sớm hơn; tinh thần “đã nói là làm, đã cam kết phải thực hiện, đã làm đã thực hiện phải có sản phẩm, hiệu quả cụ thể, cân đong đo đếm được”; Nhà nước kiến tạo, doanh nghiệp tiên phong, công tư đồng hành, đất nước phát triển, doanh nghiệp và người dân được thụ hưởng.

Khẳng định trước mắt còn rất nhiều khó khăn, bởi “cái gì mới cũng khó khăn cả”, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính mong các nhà đầu tư, tập đoàn, doanh nghiệp, đối tác quốc tế tiếp tục cổ vũ, hỗ trợ, đồng hành với Việt Nam, để “biến không thành có, biến khó thành dễ, biến không thể thành có thể”.

Đề cập những vấn đề kiến nghị của nhà đầu tư, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho biết phía Việt Nam đều đã và đang giải quyết. Trong đó, khẳng định vấn đề cung ứng điện không đáng lo ngại, năm 2023 có tình trạng thiếu hụt điện cục bộ là do vấn đề điều hành còn tổng nguồn không thiếu. Chính phủ đã có điều chỉnh trong chính sách, chỉ đạo, điều hành để bảo đảm cung ứng đủ điện cho phát triển kinh tế nói chung, cho các nhà đầu tư nói riêng.

Tiếp thu các ý kiến và bày tỏ tin tưởng vào sự hợp tác của các doanh nghiệp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính mong các chủ thể liên quan bắt tay vào công việc, với tinh thần “Cùng lắng nghe và thấu hiểu giữa doanh nghiệp với Nhà nước và người dân; cùng chia sẻ tầm nhìn và hành động để hợp tác, hỗ trợ nhau cùng phát triển nhanh và bền vững; cùng làm, cùng thắng, cùng hưởng, cùng phát triển; cùng chung niềm vui, hạnh phúc và sự tự hào”. Chính phủ Việt Nam cam kết tạo thuận lợi nhất cho nhà đầu tư và luôn lắng nghe, thấu hiểu, hành động có kết quả để nhà đầu tư hoạt động hiệu quả, thành công tại Việt Nam với tinh thần “lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ”.

Cam kết mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam

Được biết, thời gian qua, Chính phủ Việt Nam khẳng định cam kết mạnh mẽ trong việc hỗ trợ phát triển Trung tâm Tài chính Quốc tế (IFC) tại Thành phố Hồ Chí Minh với mục tiêu trở thành trung tâm tài chính cấp khu vực vào năm 2035 và vươn tầm toàn cầu vào năm 2045.

Về chính sách, thể chế, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 222/2025/QH15, tạo khung pháp lý đặc biệt cho Trung tâm Tài chính Quốc tế, bao gồm cơ chế ngoại hối tự do, miễn kiểm soát ngoại hối cho các thành viên 100% vốn nước ngoài, và ưu đãi thuế hấp dẫn như thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 30 năm cho lĩnh vực ưu tiên, miễn thuế thu nhập cá nhân đến năm 2030 cho chuyên gia cao cấp.

Hiện nay Bộ Tài chính chủ trì phối hợp cùng với các bộ, ngành đã trình dự thảo các nghị định của Chính phủ để triển khai Nghị quyết của Quốc hội. Song song với đó, để vận hành, Chính phủ sẽ tiếp tục hoàn thiện các chính sách cạnh tranh, minh bạch, phù hợp tiêu chuẩn quốc tế, và khuyến khích đầu tư vào fintech, thị trường vốn, và tài chính xanh.

Về hạ tầng, Việt Nam đang đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng hiện đại (Thành phố Hồ Chí Minh đã có các dự toán ban đầu với tổng vốn 7 tỷ USD cho trung tâm tài chính quốc tế

tại khu vực Sài Gòn, Bến Thành và Thủ Thiêm, bắt đầu hoạt động từ năm 2026 và hoàn thành trong 5 năm). Các dự án trọng điểm bao gồm trung tâm dữ liệu, tuyến metro, thí điểm các hạ tầng số - hạ tầng kỹ thuật, phát triển đô thị thông minh. Ngoài ra, cần tiếp tục đầu tư cho các dự án hạ tầng giao thông - đô thị, trường học quốc tế, bệnh viện và không gian văn hóa nhằm tạo môi trường an toàn, kết nối cao cho các hoạt động của Trung tâm Tài chính Quốc tế.

Về nguồn nhân lực, Việt Nam ưu tiên xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các chương trình đào tạo tiêu chuẩn quốc tế, hợp tác với các trường đại học và tổ chức quốc tế; phát triển chương trình đào tạo tài chính - ngân hàng tiêu chuẩn quốc tế, tập trung vào kỹ năng số, khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học (STEM) và thành thạo ngôn ngữ tiếng Anh. Các chính sách visa dài hạn lên đến 10 năm và miễn giấy phép lao động cho chuyên gia nước ngoài sẽ giúp thu hút tài năng toàn cầu, đồng thời nâng cao kỹ năng số và ngôn ngữ cho lao động địa phương.

Về các chương trình nâng cao thứ hạng, Chính phủ sẽ tiếp tục chỉ đạo triển khai các chương trình liên tục, bao gồm hợp tác quốc tế với các trung tâm tài chính như Trung tâm Tài chính Quốc tế Dubai (DIFC), Trung tâm Tài chính Quốc tế Astana (AIFC), và các đối tác Anh Quốc để chia sẻ kinh nghiệm. Chính phủ cũng sẽ chỉ đạo các thí điểm có kiểm soát (sandbox) trong các lĩnh vực trọng điểm như công nghệ tài chính (fintech), chiến lược tài chính xanh, và cải cách thể chế để đẩy mạnh thứ hạng GFCL, hướng tới tích hợp sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu qua các hiệp định thương mại tự do như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực.

Nguồn: baochinhphu.vn

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, PHÁP LUẬT PHẢI LÀ “ĐỘT PHÁ CỦA ĐỘT PHÁ” TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Ngày 22/11/2025, phát biểu tại Diễn đàn xây dựng pháp luật lần thứ nhất do Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, Trưởng Ban Tổ chức Diễn đàn chủ trì, với chủ đề “Hoàn thiện thể chế, pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng nhấn mạnh, việc tổ chức diễn đàn là sáng kiến kịp thời, cần thiết, thể hiện tinh thần đổi mới, đồng hành của Quốc hội với Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương trong hoàn thiện thể chế.

Diễn đàn là dịp để Chính phủ lắng nghe ý kiến của Quốc hội, các ban, bộ, ngành ở Trung ương và địa phương, các chuyên gia, nhà khoa học và cộng đồng doanh nghiệp chia sẻ, trao đổi và đề xuất những giải pháp nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật trong thời gian tới.

Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (2021 - 2026), công tác lập pháp được Quốc hội đặc biệt quan tâm, đổi mới mạnh mẽ về tư duy, phương pháp và phương thức thực hiện (từ công tác chuẩn bị tổ chức kỳ họp của Quốc hội, việc cho ý kiến các dự án luật, pháp lệnh, nghị

quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tổ chức các hội nghị đại biểu Quốc hội chuyên trách đến hoạt động thẩm tra, giám sát chuyên đề và chất vấn về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật), qua đó tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác này.

Các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua trong nhiệm kỳ khóa XV đã kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối tại các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 27-NQ/TW và 7 nghị quyết có ý nghĩa chiến lược của Bộ Chính trị trên hầu hết các lĩnh vực then chốt của đất nước.

Từ đó, tạo cơ sở pháp lý thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn về thể chế, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng cho biết, thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn xác định công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật là khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu; chủ động, trách nhiệm, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong công tác xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật; chủ động đề xuất những chính sách lớn, then chốt trong cải cách pháp luật; tập trung đổi mới mạnh mẽ tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 66-NQ/TW.

Cụ thể, Chính phủ đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, tập trung xây dựng bảo đảm tiến độ, chất lượng khối lượng lớn các dự án luật, nghị quyết trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.

Bên cạnh đó, hoàn thiện, đổi mới quy trình xây dựng pháp luật bảo đảm tính chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả; quán triệt yêu cầu luật chỉ quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền Quốc hội, không luật hóa các nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ, các bộ, ngành để bảo đảm tính linh hoạt và ổn định; quy định rõ cơ quan trình “chịu trách nhiệm đến cùng” trong quy trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; rút gọn quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm kịp thời, đáp ứng nhanh yêu cầu thực tiễn.

Đẩy mạnh công tác rà soát, kịp thời phát hiện, xử lý những khó khăn, vướng mắc có nguyên nhân do quy định của pháp luật; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

7 định hướng lớn trong hoàn thiện thể chế, pháp luật thời gian tới

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng cho biết, trong thời gian tới, trước yêu cầu đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững và hiện thực hóa khát vọng đến năm 2045 trở thành nước phát triển, có thu nhập cao... công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật tiếp tục giữ vai trò then chốt, có tính chất quyết định.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng nêu 7 nhóm nhiệm vụ trọng tâm để tiếp tục đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật:

Thứ nhất, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật. Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và yêu cầu thực tiễn để chủ động đề xuất các lĩnh vực cần ưu tiên trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Chú trọng ưu tiên hoàn thiện khung khổ pháp lý cho một số ngành, lĩnh vực then chốt như: kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng, đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ, thực hiện chuyển đổi số.

Thứ hai, phối hợp với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuẩn bị thật kỹ “Định hướng Chương trình lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI”; tiếp tục đẩy mạnh công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực, kịp thời phát hiện, xử lý những quy định mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với thực tiễn; tăng cường phân cấp, phân quyền, tạo sự chủ động cho các cơ quan, đơn vị.

Thứ ba, tập trung nghiên cứu, xây dựng Đề án “Hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”.

Thứ tư, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật nói chung và quy trình lập pháp nói riêng, phù hợp với quan điểm đổi mới tư duy xây dựng pháp luật và định hướng hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Thứ năm, thường xuyên đánh giá hiệu quả pháp luật sau ban hành; tăng cường năng lực phản ứng chính sách trong quá trình thi hành pháp luật.

Thứ sáu, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng các nền tảng số, trí tuệ nhân tạo trên cả 3 lĩnh vực: xây dựng pháp luật; truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật; thực thi pháp luật.

Thứ bảy, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực làm công tác tham mưu xây dựng pháp luật có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư cách đạo đức tốt, thành thạo chuyên môn, có kinh nghiệm thực tiễn, bảo đảm tương xứng với tính chất và tầm quan trọng của công tác này.

Nguồn: quochoi.vn

HOÀN THIỆN DỰ THẢO QUY CHẾ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Ngày 25/11/2025, tại trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng chủ trì cuộc họp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ cho ý kiến hoàn thiện về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật.

Khắc phục bất cập trong vận hành Hệ thống tiếp nhận kiến nghị

Thứ trưởng Bộ Tư pháp Phan Chí Hiếu, cơ quan chủ trì dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho biết, ngày 05/02/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 244/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “Ứng dụng công nghệ số trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật”, trong đó giao Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định Quy chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở Quyết định số 244/QĐ-TTg, ngày 16/6/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công điện số 89/CD-TTg yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố thực hiện ngay một số nội dung để triển khai Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật.

Theo Thứ trưởng Bộ Tư pháp Phan Chí Hiếu, việc thực hiện Công điện số 89/CD-TTg đã mang lại hiệu quả tích cực trong việc quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống, trong đó, đặc biệt là đã giúp quá trình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống minh bạch, rõ ràng hơn, góp phần nâng cao trách nhiệm và tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị của các cơ quan; củng cố niềm tin và sự tín nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với Hệ thống, với bộ máy hành chính nhà nước.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện Công điện và quản lý, vận hành Hệ thống cho thấy vẫn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc như: Thiếu tính thống nhất trong quá trình xử lý kiến nghị; chưa xác định rõ ràng, đầy đủ trách nhiệm, đầu mối, quy trình xử lý; vẫn còn tình trạng không xử lý triệt để các kiến nghị, phản ánh; việc gửi phản ánh, kiến nghị trong một số trường hợp của tổ chức, cá nhân không theo yêu cầu nhưng chưa có đủ cơ sở pháp lý để từ chối...

Một trong các nguyên nhân dẫn đến khó khăn, vướng mắc nêu trên là do chưa có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh cụ thể, đồng bộ hoạt động tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật của các Bộ, ngành, địa phương.

Từ đó, Bộ Tư pháp thấy rằng việc trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật là cần thiết, phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Bộ Tư pháp đã chủ trì nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quyết định; lấy ý kiến đóng góp của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, cơ quan có liên quan; công khai trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp để lấy ý kiến góp ý..., từ đó nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Quyết định.

Dự thảo Quyết định nhấn mạnh, Quy chế quy định về nguyên tắc, quy trình, cơ chế phối hợp, trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định của văn bản quy phạm pháp luật có mâu thuẫn, chồng chéo; không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật, tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; hạn chế

việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật.

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc gửi và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật.

Tại cuộc họp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã đưa ra các ý kiến đóng góp với dự thảo, về cơ bản các ý kiến đóng góp của các Bộ, cơ quan đã được Bộ Tư pháp tiếp thu để hoàn thiện. Các Bộ, cơ quan đều nhấn mạnh việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật là rất cần thiết.

Hoàn thiện quy trình, bảo đảm rõ trách nhiệm trong xử lý phản ánh, kiến nghị

Phát biểu kết luận cuộc họp, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng hoan nghênh các ý kiến đóng góp của các Bộ, cơ quan; phần lớn ý kiến đã thống nhất với dự thảo, vì vậy Bộ Tư pháp cần tiếp thu những ý kiến xác đáng để hoàn thiện dự thảo quyết định.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng lưu ý cần tính đến phân cấp khi tổ chức thực hiện, bởi hiện nay chính quyền hai cấp đang hoạt động, nhiều nhiệm vụ được phân cấp xuống địa phương. Đối với những kiến nghị liên quan đến chồng chéo pháp luật được gửi lên Hệ thống, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng giao Bộ Tư pháp tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý. Về nhân sự phụ trách công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; giao thẩm quyền cho người đứng đầu cơ quan quyết định, nhằm bảo đảm rõ trách nhiệm và hiệu quả thực hiện.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ MAI VĂN CHÍNH KHẢO SÁT VÀ LÀM VIỆC VỀ THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP TẠI TÂY NINH

Ngày 24/11/2025, tiếp tục chương trình công tác tại Tây Ninh, Phó Thủ tướng Chính phủ Mai Văn Chính đã đi kiểm tra, khảo sát và làm việc về thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp của xã Lương Hòa và Mỹ Yên.

Xã Lương Hoà được hình thành trên cơ sở sáp nhập hai xã Lương Hòa và Tân Bửu, với tổng diện tích sau sáp nhập là 62,16 km² và dân số 22.837 người. Xã có vị trí địa lý, giao thông thuận lợi, kết nối với các trục đường ĐT 830, 830C, 830D tạo thuận lợi cho việc phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

Toàn xã có 13/13 ấp, nhà văn hóa các ấp được xây dựng kiên cố, đảm bảo cho sinh hoạt của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Xã có 2 điểm trạm y tế; 2 trường mẫu giáo, 2 trường tiểu

học, 1 trường Trung học cơ sở và 1 Trường Trung học phổ thông, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn.

Tổng số cán bộ, công chức được tỉnh giao tạm thời là 62/87 biên chế. Từ ngày 01/7/2025 đến nay, xã đã giải quyết chế độ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP cho 14 cán bộ, công chức; 03 nhân viên nghỉ chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Về phương tiện, trang thiết bị làm việc: Cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số máy tính cấu hình yếu, do tận dụng lại các máy móc, thiết bị làm việc từ đơn vị cũ chuyển về nên có một số máy móc thiết bị đã hết hạn sử dụng, hư hỏng... Ủy ban nhân dân xã sẽ cân đối kinh phí để trang bị đảm bảo cho cán bộ, công chức thực hiện tốt nhiệm vụ.

Tình hình triển khai xử lý, chuyển đổi công năng và mục đích sử dụng của các trụ sở dời dư sau khi hợp nhất, sáp nhập: Xã không có trụ sở dời dư sau sáp nhập.

Đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công được bố trí đảm bảo đúng tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công xã được cải tạo, sửa chữa kịp thời, được trang bị đầy đủ thiết bị và vận hành ổn định, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp liên tục, không gián đoạn.

Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 21/11: Tổng số hồ sơ xã tiếp nhận: 4.695 hồ sơ (trong đó: mới tiếp nhận: 4.695; trực tuyến: 4.339 hồ sơ đạt tỷ lệ 92,41%; trực tiếp: 356 hồ sơ đạt tỷ lệ 7,59%). Tỷ lệ số hóa đầu vào và đầu ra 4945/4945 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%; thanh toán trực tuyến 3.453/4.383 hồ sơ có phí, lệ phí, đạt tỷ lệ 78,78%.

Xã Mỹ Yên là đơn vị hành chính mới được hình thành từ hợp nhất 3 xã: Long Hiệp, Mỹ Yên và Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Với diện tích 29,23 km² và dân số 49.964 người. Có vị trí địa lý, giao thông thuận lợi, có các tuyến giao thông quan trọng huyết mạch kết nối với khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, vùng Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh gồm tuyến Quốc lộ 1 và nút giao nối 03 cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, Bến Lức - Long Thành và Vành đai 3 tạo điều kiện rất thuận lợi cho giao thông liên vùng, ngoài ra trên địa bàn xã Mỹ Yên còn có các tuyến đường Tỉnh lộ 830C, 830D,... là các trục đường chính kết nối liên xã trong tỉnh và ngoài tỉnh.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, về trụ sở làm việc, cơ sở vật chất của xã được trang bị cơ bản đầy đủ, đáp ứng yêu cầu về điều kiện và không gian làm việc cho cán bộ, công chức và nhân viên hành chính công; đồng thời, tổ chức bộ máy chính quyền cấp xã đã được kiện toàn và vận hành ổn định, với công tác phân công, giao việc rõ ràng, đảm bảo hoạt động thông suốt, phục vụ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Phát biểu ý kiến tại buổi làm việc, Phó Thủ tướng Chính phủ Mai Văn Chính phủ đánh giá cao việc chính quyền địa phương các xã trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế địa phương, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, đời sống người dân được nâng

lên rõ rệt, cơ sở hạ tầng xã hội phát triển với đầy đủ nhà văn hóa, trạm y tế, và hệ thống trường học từ mầm non đến trung học phổ thông.

Bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp sau khi đi vào hoạt động về cơ bản ổn định, thông suốt, duy trì hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, công tác giải quyết thủ tục hành chính hiệu quả, không để tồn đọng hồ sơ. Các xã đẩy mạnh chuyển đổi số, số hóa đầu vào và đầu ra đạt 100%, tình hình an ninh trật tự được đảm bảo.

Tuy nhiên, trong thời gian tới, Phó Thủ tướng Chính phủ Mai Văn Chính yêu cầu tiếp tục kiện toàn cơ cấu cán bộ đúng người, đúng việc, tăng cường tập huấn cho cán bộ và hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Sớm quy hoạch lại trung tâm hành chính và các khu vực chức năng.

Chú trọng bảo vệ môi trường, cân đối ngân sách, đảm bảo an sinh xã hội song song với tăng trưởng kinh tế, đoàn kết, minh bạch và quyết liệt trong thực thi nhiệm vụ.

Phó Thủ tướng Chính phủ Mai Văn Chính cũng đề nghị các xã tiếp tục khắc phục khó khăn, kịp thời báo cáo vướng mắc trong quá trình vận hành bộ máy, trên tinh thần hoạt động thông suốt, hiệu quả, gần dân, sát dân, phục vụ tốt cho người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: nhandan.vn

ĐỀ XUẤT TRẢ LƯƠNG CÔNG CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIẾN TỚI BỎ BIÊN CHẾ “SUỐT ĐỜI”

Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định vị trí việc làm công chức. Dự thảo Nghị định gồm 04 chương, 17 điều, quy định về vị trí việc làm công chức, áp dụng đối với cơ quan quản lý công chức, cơ quan sử dụng công chức. Dự thảo Nghị định lược bỏ toàn bộ các nội dung liên quan đến biên chế công chức.

Bộ Nội vụ cho biết, dự thảo Nghị định được xây dựng bảo đảm đúng với quy định mới của Luật Cán bộ, công chức năm 2025; là căn cứ quan trọng để trả lương và đổi mới công tác tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng công chức theo vị trí việc làm. Đồng thời, có cơ chế cạnh tranh để nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và tiến tới bỏ chế độ biên chế “suốt đời”.

Chính phủ sẽ ban hành khung danh mục vị trí việc làm thống nhất

Điểm mới đáng chú ý trong dự thảo Nghị định là Chính phủ sẽ ban hành danh mục vị trí việc làm khung, mẫu bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm thống nhất. Các cơ quan, tổ chức căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, xác định vị trí việc làm cụ thể để sử dụng tại cơ quan, tổ chức mình. Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực không phải ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý như quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP.

Dự thảo Nghị định quy định danh mục vị trí việc làm gồm 6 nhóm: (1) vị trí lãnh đạo, quản lý; (2) chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành (thực hiện tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện chức năng tham mưu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực); (3) chuyên môn, nghiệp vụ dùng chung (thực hiện tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện chức năng tổng hợp hoặc về công tác quản trị nội bộ); (4) hỗ trợ, phục vụ; (5) vị trí công chức chuyên môn của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; (6) vị trí công chức cấp xã, phường, đặc khu. Kèm theo đó là mẫu bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng loại vị trí, từ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia cao cấp đến chuyên viên, cán sự, nhân viên.

Về thực hiện xây dựng vị trí việc làm, dự thảo Nghị định quy định:

Ở Trung ương: Căn cứ danh mục vị trí việc làm khung theo quy định của Chính phủ và chức năng, nhiệm vụ theo quy định của cấp có thẩm quyền, các Bộ, ngành Trung ương xác định vị trí việc làm công chức sử dụng trong các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý, làm căn cứ tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và xác định biên chế.

Ở địa phương: Căn cứ danh mục vị trí việc làm khung theo quy định của Chính phủ và chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025; các Nghị định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, ngành cho địa phương; Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, vị trí địa lý, tính chất, quy mô, cơ cấu dân số, tốc độ phát triển kinh tế và đô thị hóa, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội..., Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định vị trí việc làm công chức sử dụng trong các cơ quan chuyên môn, cơ quan, tổ chức hành chính khác và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý, làm căn cứ tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và xác định biên chế.

Bổ sung quy định xếp ngạch công chức và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm

Dự thảo Nghị định bổ sung quy định xếp ngạch công chức và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm, theo đó quy định việc xếp ngạch công chức và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm tương ứng với cơ cấu tổ chức của các cơ quan ở Trung ương và địa phương, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Việc xếp ngạch công chức theo nguyên tắc công chức được bố trí vào vị trí việc làm nào thì xếp ngạch tương ứng theo vị trí việc làm đó. Trường hợp công chức được bố trí vào vị trí việc làm được xếp ngạch có thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ thấp hơn ngạch hiện giữ thì phải xếp xuống ngạch tương ứng với vị trí việc làm được bố trí. Trường hợp được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý được xếp ngạch có thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ thấp hơn ngạch hiện giữ thì tiếp tục được giữ ngạch hiện giữ. Việc xếp ngạch công chức theo vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý không áp dụng đối với người được giao quyền cấp trưởng.

Ngoài ra, Dự thảo Nghị định bổ sung quy định về chiến lược phát triển nhân lực quốc gia và yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số. Đối với cơ quan, tổ chức ở địa phương còn

phải căn cứ vào vị trí địa lý; tính chất, quy mô, cơ cấu dân số; tốc độ phát triển kinh tế và đô thị hóa; chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; tình hình an ninh - trật tự của địa phương.

Đồng thời, dự thảo cũng bổ sung quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương trong việc kết nối, cập nhật, chia sẻ dữ liệu về vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Nguồn: [baochinhphu.vn](#)

GIẢI QUYẾT DỨT ĐIỂM KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC Ở CẤP XÃ KHI VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Phó Thủ tướng Phạm Thị Thanh Trà, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp ký công văn 171/CV-BCĐ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc ở cấp xã khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

Công văn nêu: Thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới và ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm tại cuộc họp Bộ Chính trị ngày 14/11/2025, Ban Chỉ đạo của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung, khẩn trương chỉ đạo, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc ở cấp xã khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, tập trung vào một số nội dung.

Khẩn trương tháo gỡ vướng mắc trong phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền

Cụ thể, về tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, các địa phương tiếp tục đánh giá tính khả thi và khả năng thực hiện pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền ở cấp xã để kịp thời điều chỉnh, hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, ban hành văn bản mới phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và yêu cầu của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Đối với các nhiệm vụ thuộc cấp huyện trước đây đã được phân định thẩm quyền cho cấp xã tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, trường hợp có vướng mắc, khó khăn, giao UBND cấp tỉnh chủ động linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành và phân công rõ trách nhiệm cho các cơ quan, tổ chức có liên quan kịp thời tháo gỡ khó khăn và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền, có văn bản đề nghị Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện sát sao, đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khắc phục ngay những vướng mắc, bất cập, tăng cường toàn diện cho cấp xã, bảo đảm đến hết năm 2025 không còn có khó khăn, vướng mắc liên quan đến nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền ở địa phương.

Về kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở cấp xã, cấp ủy, chính quyền địa phương xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách trước mắt và lâu dài, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, cơ bản tháo gỡ khó khăn xong cuối tháng 12/2025 theo chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm.

Khẩn trương chỉ đạo hoàn thiện tổ chức bộ máy, sắp xếp, thành lập mới các đơn vị sự nghiệp công lập ở cấp xã theo đúng chủ trương của Trung ương, quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

Tiếp tục tập trung bổ sung, bố trí đủ cán bộ, công chức chuyên môn ở cấp xã để tăng cường năng lực quản lý, điều hành và chất lượng phục vụ người dân ở cơ sở, chuyển mạnh từ trạng thái thụ động sang chủ động, từ quản lý sang quản trị và kiến tạo, phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống nhân dân.

Chủ động triển khai thực hiện các biện pháp như tuyển dụng, điều động, luân chuyển hoặc ký hợp đồng lao động để làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Nội vụ để bổ sung nhân lực có chuyên môn ở cấp xã (nhất là nhân lực có kinh nghiệm về quản lý đất đai, quy hoạch, xây dựng, tài chính, công nghệ thông tin, quản lý giáo dục, y tế...).

Tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; nghiên cứu có chính sách hỗ trợ phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương cho cán bộ, công chức phải di chuyển công tác xa đến trung tâm hành chính mới trong những năm đầu.

Về cơ sở vật chất, trụ sở và tài sản công, các địa phương tiếp tục rà soát, thống kê, sắp xếp, bố trí, xử lý trụ sở, tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; cải tạo, mua sắm tài sản công theo quy định và hướng dẫn của Trung ương, bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị cho cấp xã hoạt động.

Về trang thiết bị, phương tiện làm việc và hạ tầng công nghệ thông tin, Ban Chỉ đạo yêu cầu khắc phục triệt để tình trạng thiếu trang thiết bị, phương tiện làm việc, nhất là điều kiện về đường truyền, tín hiệu kết nối; hoàn thiện hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số bảo đảm kết nối thông suốt giữa các cấp chính quyền địa phương; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhất là thủ tục hành chính nội bộ; tập trung chuyển đổi số, chuẩn hóa quy trình công việc, bảo đảm giải quyết nhanh gọn, công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Ban Chỉ đạo yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương chỉ đạo thực hiện, giải quyết dứt điểm đến hết tháng 12/2025.

Nguồn: moha.gov.vn

ĐỀ XUẤT 9 NHÓM GIAO DỊCH BẮT BUỘC CÔNG CHỨNG

Ngày 26/11/2025, Thứ trưởng Tư pháp Phan Chí Hiếu chủ trì họp Tổ soạn thảo dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng. Việc sửa đổi nhằm thể chế hóa kịp thời các chủ trương, đường lối của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, cải cách tối đa thủ tục hành chính, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

Sử dụng dữ liệu thay văn bản giấy trong hồ sơ yêu cầu công chứng

Theo báo cáo của Cục Bổ trợ tư pháp, việc sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng năm 2024 tập trung vào một số quy định liên quan đến đơn vị hành chính cấp huyện, quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về công chứng, quy định về cơ sở dữ liệu công chứng, quy định liên quan đến giao dịch phải công chứng, việc sử dụng dữ liệu thay văn bản giấy trong hồ sơ yêu cầu công chứng.

Dự luật sẽ sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục công chứng theo hướng sử dụng dữ liệu thay văn bản giấy trong hồ sơ yêu cầu công chứng. Cụ thể, quy định theo hướng trường hợp tổ chức hành nghề công chứng đã khai thác được thông tin của các giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu công chứng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu khác theo quy định của pháp luật thì người yêu cầu công chứng không phải nộp các giấy tờ này nhưng phải nộp phí khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật để tổ chức hành nghề công chứng khai thác dữ liệu.

Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu khác phải bảo đảm đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung; trường hợp công chứng viên căn cứ vào các dữ liệu này để thực hiện công chứng mà dữ liệu không bảo đảm an toàn, đầy đủ, kịp thời thì công chứng viên không phải chịu trách nhiệm đối với văn bản công chứng đó.

Quy định rõ 9 giao dịch phải công chứng

Về các quy định sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến giao dịch phải công chứng, cơ quan chủ trì soạn thảo sửa đổi, bổ sung theo hướng bổ sung quy định về giao dịch phải công chứng. Các giao dịch phải công chứng gồm:

Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các bên tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản;

Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp;

Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở, trừ trường hợp tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở

thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở;

Văn bản tặng cho bất động sản, trừ trường hợp được đăng ký theo quy định của luật; hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các bên tham gia giao dịch là cá nhân;

Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; văn bản thừa kế về nhà ở;

Văn bản lựa chọn người giám hộ;

Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ;

Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng;

Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh.

Thứ trưởng Tư pháp Phan Chí Hiếu đề nghị tổ soạn thảo rà soát lại các nội dung cụ thể trong dự thảo với quy định về đơn vị hành chính cấp huyện/địa bàn cấp huyện để phù hợp mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; rà soát, bỏ bớt các giao dịch bắt buộc phải công chứng, chuyển từ công chứng bắt buộc sang công chứng tự nguyện, chuyển từ công chứng sang chứng thực; sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến cơ sở dữ liệu công chứng bảo đảm phù hợp Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; các thủ tục, trình tự công chứng...

Nguồn: nhandan.vn

ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CỦA VIỆT NAM

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang dự thảo Nghị định quy định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam.

Dự thảo Nghị định này quy định việc người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam, bao gồm:

a) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục; các trường hợp người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động;

b) Quyền và trách nhiệm của người nước ngoài; quyền và trách nhiệm của cơ sở giáo dục;

c) Thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động;

d) Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc quản lý người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục.

Các nội dung không được quy định tại Nghị định này sẽ thực hiện theo quy định chung về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Trường hợp điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Nguyên tắc quản lý người nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục

Theo dự thảo, nhà nước tôn trọng và tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ trong việc quyết định nhu cầu, lựa chọn, đàm phán, ký kết hợp đồng, thỏa thuận hợp tác và tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Việc quản lý người nước ngoài trong cơ sở giáo dục được thực hiện thống nhất, có sự phối hợp giữa cơ sở giáo dục và các cơ quan quản lý giáo dục, cơ quan quản lý lao động, cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh và chính quyền địa phương.

Việc tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài phải căn cứ vào nhu cầu thực tế, phù hợp với vị trí việc làm, chuyên môn và nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học; bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng và không phân biệt đối xử trong quá trình thực hiện.

Các trường hợp người nước ngoài vào làm việc tại cơ sở giáo dục

Dự thảo nêu rõ, người nước ngoài vào làm việc tại cơ sở giáo dục không thuộc diện cấp giấy phép lao động trong các trường hợp sau:

a) Người nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu, chuyển giao chương trình giáo dục quốc tế bao gồm: giảng dạy trong các chương trình liên kết giáo dục, liên kết đào tạo đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt; tham gia các dự án, đề tài, chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo hoặc các dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ký kết;

b) Người nước ngoài đảm nhiệm các chức danh hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, trưởng khoa, phó trưởng khoa, giám đốc, phó giám đốc hoặc các chức danh và tương đương.

c) Người nước ngoài được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế cử sang Việt Nam làm việc giảng dạy, quản lý, điều hành tại cơ sở giáo dục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức liên chính phủ đề nghị thành lập tại Việt Nam hoặc tại các cơ sở, tổ chức được thành lập theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc đã ký kết;

d) Tình nguyện viên hoặc chuyên gia tình nguyện người nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hình thức tự nguyện và không hưởng lương theo quy định của pháp luật Việt Nam thực hiện một trong các công việc sau:

Tham gia các dự án, chương trình hợp tác về giáo dục và đào tạo do nước ngoài viện trợ không hoàn lại và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc ký kết và có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam;

Tham gia các dự án, chương trình hợp tác về giáo dục và đào tạo giữa cơ sở giáo dục nước ngoài và cơ sở giáo dục của Việt Nam thông qua văn bản hợp tác, chương trình liên kết đào tạo;

đ) Người nước ngoài có trình độ thạc sĩ trở lên được mời tham gia giảng dạy hoặc nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực STEM, kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh tại các cơ sở giáo dục Việt Nam hoặc các lĩnh vực khác theo nhu cầu của cơ sở giáo dục;

e) Người nước ngoài có trình độ tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ được mời làm việc, giảng dạy, nghiên cứu, tư vấn, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục.

Nguồn: moet.gov.vn

RÀ SOÁT, CHUẨN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC

Ngày 27/11/2025, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Tịnh, Tổ phó Tổ Công tác liên ngành làm việc với đại diện Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất nội dung Công văn hướng dẫn và biểu mẫu gửi kèm về rà soát, chuẩn hóa thủ tục hành chính trên phạm vi toàn quốc.

Theo Thông báo số 53-TB/TGV ngày 23/11/2025 của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Bộ Tư pháp được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ xây dựng biểu mẫu thống kê, rà soát toàn bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, ngành, địa phương.

Bên cạnh đó, căn cứ Thông báo số 118/TB-BTP ngày 26/11/2025 về kết luận của Bộ trưởng Tư pháp Nguyễn Hải Ninh, Tổ trưởng Tổ Công tác liên ngành tại Phiên họp ngày 26/11/2025 của Tổ Công tác liên ngành rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên phạm vi toàn quốc, Bộ Tư pháp tổ chức cuộc họp thống nhất nội dung Công văn hướng dẫn và biểu mẫu gửi kèm về rà soát, chuẩn hóa thủ tục hành chính trên phạm vi toàn quốc.

Tại cuộc họp, các bên thống nhất nội dung Công văn hướng dẫn chung của Bộ Tư pháp để gửi các bộ, ngành, địa phương; thống nhất nội dung và cách thức thể hiện các biểu mẫu.

Căn cứ kết quả cuộc họp, các bên sẽ trình Bộ trưởng Tư pháp Nguyễn Hải Ninh, Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành ký ban hành Công văn hướng dẫn chung của Bộ Tư pháp để gửi các bộ, ngành, địa phương thực hiện thống nhất việc rà soát, chuẩn hóa thủ tục hành chính trên phạm vi toàn quốc.

Nguồn: [nhandan.vn](#)

ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE ĐIỆN TỬ, RÚT NGẮN THỜI GIAN CẤP MỚI XUỐNG CÒN 5 NGÀY

Ngày 28/11/2025, Cục Cảnh sát Giao thông (Bộ Công an) thông tin Bộ Công an đang lấy ý kiến đóng góp đối với dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2025/TT-BCA quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Những thay đổi này tập trung vào mục tiêu giảm thủ tục hành chính, đẩy mạnh sử dụng dữ liệu điện tử và rút ngắn đáng kể thời gian giải quyết hồ sơ.

Theo dự thảo, giấy phép lái xe sẽ được cấp dưới dạng điện tử, tự động tích hợp trên hệ thống dữ liệu để phục vụ việc tra cứu và kiểm tra khi cần thiết. Lực lượng Cảnh sát Giao thông sẽ kiểm tra Giấy phép lái xe điện tử thay vì yêu cầu xuất trình bản giấy. Trường hợp người dân có nhu cầu sử dụng bản vật lý, Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET vẫn sẽ được in và cung cấp sau khi đăng ký và nộp lệ phí theo quy định.

Một điểm thay đổi đáng chú ý là việc bỏ hẳn mẫu đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe. Những thông tin trước đây người dân phải kê khai thủ công sẽ được hệ thống tự động lấy từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về trật tự, an toàn giao thông. Khi thực hiện thủ tục, người dân có thể sử dụng ảnh tự chụp hoặc ảnh có sẵn trong dữ liệu thẻ căn cước. Công dân đã có định danh điện tử mức độ 2 còn có thể thực hiện toàn bộ quá trình đổi Giấy phép lái xe trên môi trường trực tuyến thông qua các ứng dụng định danh quốc gia hoặc ứng dụng giao thông VneTraffic.

Hệ thống cũng sẽ kích hoạt cơ chế nhắc tự động: trước một tháng khi Giấy phép lái xe hết hạn, ứng dụng gửi thông báo cho chủ tài khoản và cập nhật kết quả khám sức khỏe điện tử sau khi người dân hoàn thành khám theo quy định. Đến thời điểm hết hạn, Giấy phép lái xe sẽ được tự động cấp đổi và gia hạn mới mà không yêu cầu người dân phải đến cơ quan chức năng.

Dự thảo đưa ra lộ trình rút ngắn mạnh thời gian giải quyết hồ sơ. Thời gian cấp mới Giấy phép lái xe dự kiến giảm từ 7 ngày xuống còn 4,5 ngày; thời gian đổi Giấy phép lái xe giảm từ 5 ngày xuống còn 3,5 ngày. Việc tích hợp dữ liệu điện tử cũng được rút từ 3 ngày xuống còn 2 ngày. Đáng chú ý, sau hai giờ kể từ khi kết thúc hội đồng sát hạch, thí sinh đạt yêu cầu sẽ được hình thành mã số giấy phép lái xe trên hệ thống.

Không chỉ thay đổi về thủ tục, dự thảo Thông tư còn điều chỉnh nội dung sát hạch theo hướng tăng tính thực tiễn và siết chặt các lỗi nguy hiểm. Với sát hạch lái xe ô tô, phần thi mô

phông tình huống dự kiến được loại bỏ; thay vào đó, số lượng bài sát hạch thực hành trên đường sẽ được tăng lên. Thời gian thực hành được quy định thống nhất là 15 phút.

Ở sát hạch mô tô, dự thảo bổ sung bài hình tổng hợp nhằm đánh giá toàn diện hơn khả năng điều khiển xe và xử lý tình huống của người dự thi. Nhiều lỗi tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông cũng được đưa vào danh mục lỗi đình chỉ nhằm nâng cao yêu cầu về kỹ năng lái xe an toàn.

Theo Cục Cảnh sát Giao thông, các sửa đổi lần này hướng đến mục tiêu hiện đại hóa quy trình cấp đổi Giấy phép lái xe, giảm tối đa giấy tờ và thao tác thủ công, đồng thời nâng cao chất lượng sát hạch để góp phần kéo giảm tai nạn giao thông. Dự thảo đang được lấy ý kiến để hoàn thiện trước khi ban hành.

Nguồn: vietnamplus.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG**THÀNH PHỐ HÀ NỘI: PHÊ DUYỆT iHANOI
LÀ NỀN TẢNG SỐ THỐNG NHẤT PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN**

Ngày 27/11/2025, Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội đã phê duyệt nền tảng Công dân Thủ đô số - iHanoi là nền tảng số thống nhất phục vụ người dân, doanh nghiệp và hỗ trợ điều hành đô thị của thành phố Hà Nội.

Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội cũng thông qua Quy định nội dung chi, mức chi khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; ban hành Quy định nội dung chi, mức chi công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật, kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

* Về chủ trương phát triển Nền tảng siêu ứng dụng iHanoi phục vụ người dân, doanh nghiệp và hỗ trợ điều hành đô thị thông minh trên địa bàn thành phố Hà Nội, Nghị quyết nêu nội dung chính như sau:

Mục tiêu nhằm xây dựng và phát triển nền tảng iHanoi là nền tảng số thống nhất, siêu ứng dụng (Super App) tích hợp đa dịch vụ, kết nối toàn bộ hoạt động hành chính, kinh tế, xã hội, dân sinh của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội.

Nghị quyết này quy định định hướng, nguyên tắc, chức năng, cơ chế tổ chức, quản lý và nguồn lực phát triển nền tảng iHanoi.

Đối tượng áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, người dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố.

Nghị quyết xác định nền tảng iHanoi là nền tảng số thống nhất của thành phố Hà Nội, là cổng dịch vụ số duy nhất phục vụ người dân, doanh nghiệp và hỗ trợ điều hành đô thị thông minh. Nền tảng này là hạ tầng số mở, đa kênh, tích hợp, chia sẻ và kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của thành phố và quốc gia, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, hiệu quả và bảo mật.

Chức năng, nhiệm vụ của nền tảng iHanoi, nhằm cung cấp đầy đủ, toàn diện dịch vụ công trực tuyến và tiện ích hành chính công; tiếp nhận, xử lý, phản hồi phản ánh, kiến nghị, góp ý của người dân, doanh nghiệp; tăng cường tương tác hai chiều giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp; kết nối cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố, khu dân cư; hỗ trợ thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật, góp phần xây dựng, củng cố thiết chế dân chủ ở cơ sở.

iHanoi cung cấp thông tin, dữ liệu, công cụ phân tích, hỗ trợ chỉ đạo điều hành cho chính quyền các cấp trên địa bàn thành phố; tích hợp và cung cấp các tiện ích số, dịch vụ đô thị

thông minh trong các lĩnh vực giao thông, y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch, môi trường, an sinh xã hội và các lĩnh vực thiết yếu khác.

Nền tảng iHanoi liên thông, kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, bộ, ngành, địa phương khác theo quy định; bảo đảm chia sẻ dữ liệu thống nhất, đồng bộ, hiệu quả; phát triển hồ sơ số cá nhân hóa, ví điện tử, kho ứng dụng tích hợp (mini app) phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

Nền tảng này tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển dịch vụ số trên nền tảng mở, thông qua hệ sinh thái API và dữ liệu dùng chung, bảo đảm công bằng, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh, phù hợp quy định pháp luật.

iHanoi phát triển dữ liệu mở, các công cụ phân tích đô thị, bảng điều khiển (dashboard) phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo; tăng cường công khai, minh bạch dữ liệu phục vụ giám sát của cộng đồng.

* Về Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ chuyển trả kết quả, hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến; nội dung chi, mức chi hỗ trợ cấp mới và gia hạn chứng thư chữ ký số đối với cá nhân thực hiện giao dịch điện tử trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ứng dụng VNeID và ứng dụng Công dân Thủ đô số (iHanoi); nội dung chi, mức chi hỗ trợ phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND thành phố trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Nghị quyết cũng quy định nội dung chi, mức chi thuê chuyên gia tư vấn chuyển đổi số, tái cấu trúc quy trình dịch vụ công số.

Đối tượng là các sở, ban, ngành, Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; đơn vị cung cấp dịch vụ tiếp nhận, luân chuyển, chuyển trả kết quả, hồ sơ đến tổ chức, cá nhân; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

* Về quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Thông tư 09/2023/TT-BTC.

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: TẬP TRUNG XỬ LÝ DỨT ĐIỂM CÁC HỒ SƠ HÀNH CHÍNH TRỄ HẠN

Ngày 25/11/2025, đồng chí Nguyễn Mạnh Cường, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc với Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh về kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2025.

Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh cho biết, từ ngày 01/7 đến 3/11/2025, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố đã tiếp nhận 1.822.341 hồ sơ. Trong số này, 1.686.294 hồ sơ đã được giải quyết và trả kết quả, trong đó 1.604.216 hồ sơ được xử lý đúng hạn, đạt 95,13%. Tuy nhiên vẫn còn 82.078 hồ sơ trễ hạn, chiếm 4,87%.

Tại cấp xã, hệ thống ghi nhận 1.254.070 hồ sơ. Các địa phương đã giải quyết 1.201.080 hồ sơ, trong đó 1.192.665 hồ sơ đúng hạn, đạt 99,30%, chỉ có 8.415 hồ sơ trễ hạn, tương đương 0,7%. Trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận 12.391 phản ánh, kiến nghị liên quan thủ tục hành chính, trong đó đã xử lý 11.638 trường hợp, số còn lại đang được giải quyết.

Ngoài ra, tiến độ giải ngân mới đạt 67.251 tỷ đồng, chưa đến 57% kế hoạch.

Sở Nội vụ cũng nêu nhiều tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính như tiến độ thực hiện mệnh lệnh hành chính, từ ngày 01/7 đến 12/11/2025, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao 3.574 nhiệm vụ cho 80 cơ quan, đơn vị. Trong số này, 2.578 nhiệm vụ đã hoàn thành (72,13%), nhưng có đến 1.681 nhiệm vụ hoàn thành trễ hạn, chiếm tỷ lệ 65,20%.

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính trễ hạn vẫn còn đáng lưu ý. Trên tổng số hơn 1,82 triệu hồ sơ, số hồ sơ trễ hạn là 89.485 hồ sơ, chiếm 4,9%. Bên cạnh đó, hạ tầng công nghệ thông tin cấp xã sau sắp xếp mới chỉ đáp ứng mức thiết yếu, chưa được trang bị đầy đủ và đồng bộ; nhiều đơn vị còn thiếu thiết bị chuyên dụng phục vụ hội nghị trực tuyến.

Để nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, Sở Nội vụ đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã tập trung xử lý dứt điểm các hồ sơ trễ hạn, đồng thời tăng cường theo dõi, đôn đốc tiến độ giải quyết hồ sơ để hạn chế phát sinh trễ hạn mới. Các cơ quan phải thực hiện nghiêm việc tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đúng thời gian quy định, đồng bộ đầy đủ kết quả lên hệ thống một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Kết luận buổi làm việc, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Nguyễn Mạnh Cường nhấn mạnh yêu cầu đánh giá đúng, thực chất các chỉ số cải cách hành chính, đặc biệt là chỉ số hài lòng, khối lượng công việc và tiến độ xử lý hồ sơ.

Bên cạnh đó, đối với các nhiệm vụ cải cách hành chính, đồng chí đề nghị rà soát toàn diện, phải làm đến cùng, việc nào sót phải thực hiện cho xong, việc nào cần phân đầu phải tập trung, ai chậm phải chịu trách nhiệm.

Nguồn: sggp.org.vn

LẠNG SƠN: 10 KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025

Trong năm 2025, với tinh thần chủ động, sáng tạo và quyết liệt trong hành động, công tác cải cách hành chính của tỉnh tiếp tục có nhiều bước chuyển rõ rệt. Hệ thống chính quyền từng bước được hiện đại hóa, các thủ tục hành chính được cắt giảm thời hạn giải quyết, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng quản trị, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững. Dưới đây là một số kết quả nổi bật trong công tác cải cách hành chính năm qua do Sở Nội vụ tổng hợp.

1. Hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp

Đây là kết quả quan trọng và có tác động sâu sắc nhất trong năm, với việc sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (giảm 5 sở) và là sáp nhập 194 đơn vị hành chính cấp xã xuống còn 65 đơn vị.

2. Vượt chỉ tiêu về cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính

Trong năm 2025, tỉnh đã phê duyệt cắt giảm thời gian giải quyết đối với 135 thủ tục hành chính (vượt kế hoạch 53 thủ tục), tổng thời gian cắt giảm 3.314,5/6.227,5 ngày, đạt 30,29%, vượt 0,29% so với kế hoạch. Việc cắt giảm thời gian quyết thủ tục hành chính đã trực tiếp giảm chi phí, tiết kiệm thời gian cho người dân, doanh nghiệp, thể hiện quyết tâm xây dựng một nền hành chính phục vụ, hiện đại, minh bạch.

3. Đột phá trong xây dựng và triển khai các nền tảng số

Năm 2025 ghi dấu ấn với việc triển khai các dự án công nghệ quan trọng như Đề án thí điểm xây dựng Cửa khẩu thông minh, Nền tảng quản lý doanh nghiệp và Nền tảng trợ lý ảo (Chatbot) hỗ trợ công chức, thể hiện vai trò tiên phong về chuyển đổi số.

4. Đạt kết quả ấn tượng về thu ngân sách nhà nước

Ước thực hiện 11 tháng đầu năm 2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 15.574 tỷ đồng, bằng 145,7% dự toán giao, cho thấy hiệu quả cao trong quản lý, điều hành kinh tế gắn với cải cách hành chính.

5. Duy trì tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn ở mức gần như tuyệt đối

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính các cấp được giải quyết đúng và trước hạn đạt mức cao (trên 99%), thể hiện sự chuyển biến mạnh mẽ về kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm trong thực thi công vụ.

6. Hoàn thiện nhanh chóng hành lang pháp lý cho mô hình hoạt động mới

Để đảm bảo tính đồng bộ, chỉ trong 10 tháng đầu năm, HĐND và UBND tỉnh đã ban hành 480 văn bản quy phạm pháp luật, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho bộ máy mới sau sắp xếp đi vào hoạt động ổn định.

7. Hiện đại hóa 100% bộ phận một cửa cấp xã sau sắp xếp

Toàn bộ 65/65 trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã (sau sáp nhập) đã được đầu tư hạ tầng, trang thiết bị hiện đại và kết nối vào hệ thống phần mềm một cửa điện tử liên thông của tỉnh, đảm bảo chất lượng phục vụ đồng đều tại cơ sở.

8. Tập trung nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cấp xã

Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quy mô lớn, tiêu biểu là lớp tập huấn trực tuyến cho trên 2.700 cán bộ, công chức cấp xã để đáp ứng ngay yêu cầu nhiệm vụ sau khi triển khai mô hình chính quyền 2 cấp.

9. Thực hiện hiệu quả phương châm hành động của năm

Quán triệt sâu rộng phương châm “Siết chặt kỷ cương, tăng cường trách nhiệm, quyết liệt hành động, tăng tốc bứt phá” trong toàn hệ thống chính trị, tạo ra khí thế làm việc mới, quyết liệt và hiệu quả hơn.

10. Đưa việc ký số và xử lý văn bản điện tử trở thành hoạt động thường nhật

100% văn bản (trừ văn bản mật) được luân chuyển và ký số trên môi trường mạng với hơn 27.565 chứng thư số đang hoạt động cho thấy sự trưởng thành và ứng dụng sâu rộng của chính quyền số vào thực tiễn công việc.

Nguồn: baolangson.vn

ĐIỆN BIÊN: CHÚ TRỌNG XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

Tỉnh Điện Biên có 19 dân tộc anh em cùng sinh sống; trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm hơn 82%. Nhằm đáp ứng với yêu cầu phát triển, những năm qua, việc xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số được địa phương đặc biệt chú trọng.

Tỉnh ủy Điện Biên đã ban hành nghị quyết lãnh đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch giai đoạn và hàng năm về ‘Phát triển đội ngũ cán bộ công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới của tỉnh Điện Biên’ để lãnh đạo và tổ chức thực hiện.

Trong nhiệm kỳ 2020 – 2025 và nhiệm kỳ 2025 – 2030, cấp ủy tỉnh có 53 ủy viên thì cán bộ người dân tộc thiểu số đều chiếm tỉ lệ trên 30%; Trong Ban thường vụ Tỉnh ủy, cán bộ người dân tộc thiểu số cả 2 nhiệm kỳ đều đạt khoảng 40%. Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương hầu hết cũng đều có cán bộ chủ chốt là người dân tộc thiểu số.

Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương từng bước được nâng lên, góp phần quan trọng trong lãnh đạo, điều hành, thực thi nhiệm vụ, nhất là tại các địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

Ông Cao Đăng Hạnh, Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy Điện Biên cho biết, công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức người dân tộc thiểu số luôn được quan tâm; các quy định, chính sách ưu tiên cán bộ người dân tộc thiểu số trong tuyển dụng, sử dụng luôn đảm bảo.

Từ năm 2021 đến nay, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã tuyển dụng 625 công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ khoảng 73%.

Trong nhiệm kỳ này, Ban Tổ chức Tỉnh ủy Điện Biên xác định tham mưu xây dựng nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về xây dựng đội ngũ cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ khoa học công nghệ trong giai đoạn 2025 - 2030 và thời gian tiếp theo.

“Đây sẽ là cơ sở, là tiền đề quan trọng, vững chắc để tổ chức thực hiện một cách bài bản, khoa học, giúp bổ sung, xây dựng và tạo nguồn cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng, phát triển tỉnh Điện Biên và địa phương cơ sở trong thời gian tới”, ông Cao Đăng Hạnh nhấn mạnh.

Nguồn: vov.vn

THÁI NGUYÊN: CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Từ ngày 01/7/2025, thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Thành Công rất đông người dân, doanh nghiệp đến làm thủ tục hành chính. Nhờ thực hiện đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp, việc giải quyết thủ tục hành chính được nhanh chóng, mức độ hài lòng của người dân được nâng lên.

Đồng chí Nguyễn Văn Dương, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Thành Công, cho biết: Gần 7.000 thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết đúng hạn từ ngày 01/7/2025 đến nay cho thấy nỗ lực của cán bộ, công chức xã. Việc công khai, minh bạch trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính được địa phương coi là “chìa khóa” củng cố niềm tin của người dân.

Không chỉ niêm yết công khai tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công, thủ tục hành chính còn được đăng tải trên trang thông tin, Fanpage của xã Thành Công và gửi đến các tổ công nghệ số cộng đồng để người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận.

Thần Sa là xã vùng cao còn khó khăn nhưng địa phương vẫn dành nguồn lực đầu tư về hạ tầng, trang thiết bị, nhân lực cho Trung tâm Phục vụ hành chính công. Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được được niêm yết công khai. Thái độ tiếp đón, quy trình tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức đều có sự kiểm tra, giám sát.

Mô hình điểm “Chính quyền thân thiện, nhân dân phát huy quyền làm chủ” đang từng bước phát huy, mang lại những chuyển biến rõ nét trong vận hành bộ máy hành chính địa phương. Từ ngày 01/7/2025 đến nay, xã Thần Sa tiếp nhận và giải quyết 1.187 hồ sơ, trong đó, trực tuyến 866 hồ sơ, trực tiếp 321 hồ sơ, số hóa gần 100%.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thần Sa Lương Thị Mỹ Chải cho biết: Việc niêm yết công khai thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện cơ chế “một

cửa” và “một cửa liên thông” hiện đại đã mang lại những lợi ích thiết thực cho người dân. Không chỉ rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giúp người dân nắm bắt quy trình, thủ tục giải quyết mà còn góp phần giảm bớt tiêu cực khi xử lý công việc cho người dân.

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hiện có 16 sở, ban ngành, doanh nghiệp thực hiện tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trong đó có 13 cơ quan thuộc tỉnh; 2 cơ quan theo ngành dọc và 1 doanh nghiệp, với tổng số 1.838 thủ tục hành chính được thực hiện.

Đồng chí Nguyễn Thị Hòa, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, chia sẻ: Trung tâm đề cao sự công khai, minh bạch trong quy trình tiếp nhận, xử lý và trả kết quả thủ tục hành chính cho người dân bằng cách đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và những quy định chặt chẽ.

Đến nay, gần 100% thủ tục hành chính tiếp nhận tại Trung tâm được giải quyết đúng và trước hạn, có sở, ngành đạt 100%; 100% đánh giá hài lòng về sự phục vụ của các cơ quan; tỷ lệ số hóa, hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt cao. Toàn tỉnh hiện có hơn 2.000 dịch vụ công trực tuyến và 1.800 thủ tục phi địa giới hành chính, giúp người dân ở bất kỳ địa bàn nào cũng có thể truy cập và sử dụng dịch vụ công dễ dàng.

Từ thực tế có thể thấy, việc công khai, minh bạch thủ tục hành chính được các đơn vị, địa phương toàn tỉnh quan tâm và thực hiện. Những “điểm nghẽn”, những bất cập trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân trên địa bàn tỉnh dần được tháo gỡ, tỷ lệ hài lòng của người dân và doanh nghiệp được nâng cao.

Nguồn: baothainguyen.vn

BẮC NINH: NGƯỜI DÂN THỰC HIỆN 9 DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN QUA VNEID

Theo Công an tỉnh Bắc Ninh, bắt đầu từ ngày 28/11/2025, người dân tỉnh Bắc Ninh thực hiện 9 dịch vụ công mới trực tuyến liên quan đến cư trú qua tài khoản định danh điện tử VNeID mức độ 2 mà không cần phải đến cơ quan công an để giải quyết trực tiếp.

9 dịch vụ công mới trên ứng dụng VNeID gồm: Xác nhận thông tin cư trú; khai báo tạm vắng; xóa đăng ký thường trú; điều chỉnh thông tin cư trú trong cơ sở dữ liệu cư trú; xác nhận số chứng minh thư nhân dân 9 số và số định danh cá nhân; cấp lại thẻ căn cước; dịch vụ công liên thông đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế; dịch vụ công liên thông đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - giải quyết mai táng phí, tử tuất và dịch vụ công liên thông đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú.

Theo hướng dẫn mới nhất từ Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Công an tỉnh), công dân có tài khoản định danh điện tử mức độ 2 sử dụng điện thoại thông minh,

máy tính kết nối mạng internet, sau khi đăng nhập tài khoản VNeID cá nhân, người dân truy cập vào mục “Thủ tục hành chính” tìm kiếm thủ tục liên quan, bấm để thao tác thực hiện.

Tỉnh Bắc Ninh có hơn 2 triệu người có tài khoản định danh điện tử VNeID mức độ 2, đạt gần 76%. Tỷ lệ người dân đăng ký và được cấp tài khoản định danh điện tử mức 2 tiếp tục tăng cao. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi để người dân sử dụng đầy đủ các tính năng, tiện ích trên môi trường số, đặc biệt là các dịch vụ công trực tuyến.

Ứng dụng VNeID được xây dựng trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử, kết nối với các cơ quan hành chính nhà nước và các tổ chức xã hội.

Việc mở rộng các dịch vụ này giúp người dân Bắc Ninh có tài khoản định danh mức 2 dễ dàng thực hiện thủ tục mọi lúc, mọi nơi, góp phần nâng cao chất lượng cải cách hành chính và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

Nguồn: baobacninh.tv.vn

HẢI PHÒNG: TĂNG CƯỜNG CÁN BỘ ĐỂ KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG THỪA, THIẾU CỤC BỘ

Sau khi triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Thành phố Hải Phòng đã từng bước vận hành ổn định, hiệu quả, bảo đảm tính liên tục trong quản lý nhà nước và phục vụ nhân dân.

Thành phố bám sát chỉ đạo của Trung ương, chủ động rà soát, sắp xếp và bố trí cán bộ, công chức theo vị trí việc làm, đồng thời điều động, biệt phái, tăng cường nhân lực từ các sở, ngành và địa phương lân cận để khắc phục tình trạng thừa, thiếu cục bộ tại nhiều xã, phường, đặc khu.

Theo Sở Nội vụ, sau sáp nhập, toàn thành phố đã hoàn thành rà soát và bố trí 346 vị trí tại cơ sở, đồng thời điều động 91 công chức, viên chức biệt phái và 91 trường hợp khác theo đề xuất của Ủy ban Nhân dân cấp xã. Bên cạnh đó, nhân sự về công nghệ thông tin, chuyển đổi số từ Viettel và VNPT Hải Phòng đã được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính và quản trị điện tử.

Đến nay, biên chế cấp xã cơ bản đáp ứng yêu cầu, mỗi lĩnh vực công tác đều có ít nhất một công chức chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

Hải Phòng xác định việc điều động, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức với nguyên tắc ưu tiên là đảm bảo đủ số lượng công chức. Tại mỗi xã, phường, đặc khu có tối thiểu có 1 công chức chuyên môn có năng lực, kinh nghiệm ở các lĩnh vực cần thiết như quy hoạch, xây dựng, kiến trúc, giao thông, quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường....

Tuy nhiên, một số xã, phường vẫn còn thiếu cán bộ chuyên môn. Ví dụ như tại phường Thành Đông, trong tổng số 43 cán bộ được giao, hiện còn thiếu 6 công chức ở các lĩnh vực quản lý đất đai, tài chính, quy hoạch đô thị.

Ông Đinh Phú Hiếu, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Vĩnh Thuận chia sẻ sau hợp nhất, biên chế xã được giao là 38 cán bộ, công chức. Hiện nay, toàn xã có 29 cán bộ, công chức còn thiếu 9 cán bộ, công chức ở các lĩnh vực như đất đai, xây dựng, đầu tư, tài chính, quản lý ngân sách.

Thành phố Hải Phòng đã điều động, biệt phái 8 công chức cho chính quyền xã. Địa phương đã liên hệ và chủ động tìm nguồn nhân lực để điều động và bổ sung công chức có chuyên môn trong các lĩnh vực như quản lý đất đai, tài chính và ngân sách, quy hoạch,...để xây dựng và phát triển kinh tế ở địa phương theo đúng mục tiêu của chính quyền địa phương hai cấp.

Ông Đỗ Huy Chính, Phó Giám đốc Sở Nội vụ cho biết sau 3 đợt điều động, nhu cầu bổ sung công chức chuyên môn về quản lý đất đai, tài chính, ngân sách, quy hoạch vẫn tiếp tục. Đến nay, theo đề nghị của Ủy ban Nhân dân các xã, phường, đặc khu, có tổng số 54 hồ sơ viên chức/37 xã, phường, đặc khu có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tiếp nhận vào làm công chức. Sở Nội vụ đã tổng hợp, đề xuất Ủy ban Nhân dân thành phố cho ý kiến thống nhất để thực hiện tiếp nhận những viên chức theo quy định.

Trong thời gian tới, Thành phố Hải Phòng sẽ tiếp tục tăng cường luân chuyển, điều động, biệt phái cán bộ, công chức theo hướng linh hoạt, gắn với nhu cầu thực tế và vị trí việc làm, năng lực của từng cá nhân; tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng nhân lực tại cấp cơ sở, bảo đảm đội ngũ công chức, viên chức được bố trí đúng người, đúng việc, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thành phố cũng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản trị, quản lý công chức viên chức qua đó nâng cao hiệu suất làm việc và chất lượng phục vụ người dân.

Việc luân chuyển, điều động không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả công vụ mà còn tạo điều kiện để cán bộ rèn luyện, trưởng thành; đảm bảo không để trống các vị trí, lĩnh vực quan trọng và kịp thời bổ sung lực lượng cho các địa phương có nhu cầu cấp bách. Người được luân chuyển, điều động phải đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm công tác và phù hợp với yêu cầu vị trí mới.

Việc điều động, biệt phái cán bộ thể hiện sự quyết tâm của thành phố trong việc kiện toàn tổ chức bộ máy, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của thành phố và kỳ vọng của nhân dân trong giai đoạn mới.

Nguồn: vietnamplus

THANH HÓA: TĂNG TỐC LÀM GIÀU, LÀM SẠCH DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Thống kê đến ngày 21/11/2025, toàn tỉnh Thanh Hóa đã thu thập được 881.690/1.136.185 thửa đất, đạt tỷ lệ 77,6%. Trong số này, mới có 39.063 thửa đất được đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, xếp thứ 29/34 tỉnh, thành phố trên cả nước về số lượng thửa đất đã hoàn thành đồng bộ.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế và thúc đẩy tiến độ trong giai đoạn tiếp theo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa yêu cầu các sở, ngành, địa phương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường tập trung cao độ cho nhiệm vụ này, coi đây là nội dung trọng tâm trong thời gian tới.

Theo đó, tỉnh Thanh Hóa thành lập 10 tổ công tác trực tiếp xuống cơ sở để phối hợp, hướng dẫn và hỗ trợ triển khai chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai. Thành phần các tổ công tác gồm cán bộ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh cùng lực lượng tăng cường từ các đơn vị liên quan. Mỗi tổ sẽ phụ trách hỗ trợ, kiểm tra và đôn đốc tại 16 đơn vị cấp xã cho đến khi chiến dịch kết thúc.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp chặt chẽ với công an và các cơ quan liên quan trong việc bố trí cán bộ tham gia tổ công tác; đồng thời chịu trách nhiệm hướng dẫn cụ thể về quy trình, nghiệp vụ.

Các cán bộ được phân công sẽ trực tiếp hỗ trợ địa phương thu thập, rà soát và cập nhật thông tin liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cước công dân hoặc căn cước của người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và thống nhất khi đưa vào hệ thống dữ liệu chung.

Nguồn: nhandan.vn

NGHỆ AN: BẢO ĐẢM BỐ TRÍ CÁN BỘ PHÙ HỢP VỚI VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Nghệ An nỗ lực hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý và bố trí cán bộ phù hợp với vị trí việc làm đến 2025. Để giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc ở cấp xã khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An đã yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban Nhân dân các xã, phường khẩn trương rà soát, tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền; bảo đảm đến hết năm 2025 Nghệ An không còn khó khăn, vướng mắc liên quan đến phân cấp, phân quyền ở địa phương.

Theo đó, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu phương án giải quyết dứt điểm khó khăn về tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở cấp xã.

Đây là nhiệm vụ được xác định mang tính trọng tâm, cấp bách, tác động trực tiếp đến hiệu quả quản lý nhà nước tại cơ sở. Tình yêu cầu đến cuối tháng 12/2025, việc kiện toàn đội ngũ phải cơ bản hoàn tất, khắc phục tình trạng thừa, thiếu cục bộ và bảo đảm bố trí cán bộ phù hợp với vị trí việc làm.

Đối với lĩnh vực tài chính - tài sản công, Sở Tài chính giải quyết những vướng mắc liên quan đến cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị và quản lý tài sản công theo đúng quy định của Trung ương.

Mục tiêu đặt ra là bảo đảm các xã, phường có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu công tác; hạn chế tình trạng thiếu hoặc xuống cấp trụ sở, phương tiện, trang thiết bị phục vụ hoạt động thường xuyên của chính quyền cơ sở.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu phương án hoàn thiện hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin, bảo đảm kết nối thông suốt giữa các cấp chính quyền.

Tình yêu cầu đẩy nhanh tiến độ nâng cấp hệ thống dữ liệu số, trang thiết bị máy tính, đường truyền và phần mềm quản lý; tạo điều kiện thúc đẩy giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến, nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

Đối với nhiệm vụ trước đây thuộc thẩm quyền cấp huyện nhưng nay đã phân định về cấp xã, Ủy ban nhân dân tỉnh khẳng định sẽ chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, kịp thời tháo gỡ khi phát sinh khó khăn. Trách nhiệm của từng sở, ngành sẽ được quy định rõ ràng, tránh tình trạng chồng chéo hoặc đùn đẩy trong xử lý công việc.

Trước đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã thành lập 4 tổ công tác để định kỳ kiểm tra, hướng dẫn và đôn đốc việc tháo gỡ khó khăn cho các xã, phường. Qua kiểm tra thực tế, các tổ công tác đã phát hiện nhiều tồn tại cần sớm giải quyết như tình trạng thiếu công chức chuyên môn ở một số lĩnh vực trọng yếu (đất đai, xây dựng, y tế, giáo dục, công nghệ thông tin...) gây ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng thực thi nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, công tác tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính trực tuyến mức độ cao vẫn đạt tỷ lệ thấp do hạ tầng chưa đồng bộ, lỗi kỹ thuật phần mềm và hạn chế về thiết bị.

Nhiều địa phương phản ánh tình trạng thiếu cơ sở vật chất, phương tiện làm việc; chênh lệch về diện tích và chất lượng trụ sở sau sắp xếp đơn vị hành chính. Việc đầu tư hạ tầng giao thông cho các xã gặp nhiều khó khăn; năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ thôn, xóm thiếu đồng đều...

Nguồn: vietnamplus.vn

QUẢNG TRỊ: KIẾN TOÀN CÁN BỘ SAU ĐẠI HỘI, ĐẢM BẢO VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Sau Đại hội, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị rà soát chất lượng cán bộ cấp cơ sở, đánh giá toàn diện vận hành chính quyền địa phương 2 cấp. Bên cạnh sắp xếp lại cán bộ cơ sở theo đúng năng lực sở trường, tỉnh Quảng Trị tổ chức tập huấn chuyên môn giúp nâng cao năng lực cán bộ đáp ứng nhu cầu phục vụ nhân dân tại cơ sở.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị vừa tổ chức hội nghị đánh giá tình hình hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp. Sau hơn 4 tháng đi vào hoạt động, bộ máy cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể cấp xã được kiện toàn, vận hành ổn định. Mô hình chính quyền địa phương 2 cấp bước đầu phát huy hiệu quả trong quản lý, điều hành và phục vụ nhân dân.

Tuy nhiên, từ thực tiễn vận hành cũng phát sinh một số vấn đề vướng mắc cần sớm tháo gỡ như thiếu những công chức ở một số lĩnh vực chuyên ngành. Bên cạnh đó, hạ tầng và trang thiết bị về trụ sở, phương tiện làm việc, thiết bị công nghệ thông tin còn thiếu, chất lượng chưa ổn định; công tác quy hoạch, định hướng phát triển của từng địa phương còn khó khăn.

Nhiều địa phương kiến nghị cần nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, đánh giá, kiện toàn, hoàn thiện tổ chức bộ máy. Trong đó, việc rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ phù hợp với cơ cấu, vị trí việc làm là vấn đề quan trọng. Ông Nguyễn Văn Tứ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị nêu vấn đề: “Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, nhiệm vụ của cấp xã tăng lên rất nhiều, đặc biệt ở các phòng chuyên môn. Tại phòng Kinh tế, khối lượng công việc rất lớn đòi hỏi các chuyên viên phải có trình độ chuyên môn chuyên sâu như về đầu tư xây dựng cơ bản, tài chính, đất đai. Trong quá trình thực hiện xuất hiện khó khăn, vướng mắc liên quan trình độ chuyên môn của cán bộ công chức trong thực thi công vụ”.

Cán bộ cấp xã là những người gần dân nhất, trực tiếp giải quyết công việc hằng ngày của người dân. Trong vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, chất lượng đội ngũ cán bộ có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả của bộ máy chính quyền cơ sở. Do đó, việc mở các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng hành chính, kỹ năng số, kỹ năng giao tiếp công vụ phải được coi trọng, thực hiện thường xuyên bằng một lộ trình, đề án căn cơ, khoa học. Qua đó, giúp cán bộ cấp xã không chỉ nắm vững nghiệp vụ chuyên môn mà còn có khả năng thích ứng linh hoạt với yêu cầu quản trị hiện đại.

Vừa qua, tỉnh Quảng Trị đã tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở. Các lớp tập huấn tập trung vào các nội dung như cập nhật kiến thức pháp luật, nâng cao nghiệp vụ về hộ tịch, quốc tịch và chứng thực khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp; bồi dưỡng nghiệp vụ công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp cho cán bộ cấp xã; nâng cao năng lực cán bộ cơ sở ở khu vực miền núi trong thực hiện các chính sách thuộc chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc thiểu số và miền núi...

Bà Phạm Thị Hân, Bí thư Đảng ủy phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị cho biết, từ khi đi vào vận hành đến nay, Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Đồng Hới đã tiếp nhận hơn 4.000 hồ sơ thủ tục hành chính, tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 100%. Mặc dù khối lượng công việc lớn nhưng tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn ngày càng tăng, khẳng định hiệu quả của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp gắn với cải cách hành chính. Tuy nhiên, từ thực tế việc sáp nhập cơ học đã dẫn đến việc thiếu thừa cục bộ trong đội ngũ cán bộ, có nơi dư cán bộ cùng chuyên môn nhưng thiếu cán bộ ở lĩnh vực thiết yếu như đất đai, xây dựng, tài chính, môi trường. Nhiều cán bộ cơ sở chỉ quen thực hiện theo chỉ đạo, chưa bắt kịp yêu cầu mới, chưa chủ động trong công việc.

Bà Phạm Thị Hân cho rằng, ngoài công tác tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn thì cán bộ, công chức phải không ngừng tự học, tự rèn, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được công việc trong giai đoạn mới. “Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, coi đây là nhân tố quyết định hiệu quả của bộ máy chính quyền cơ sở. Rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ phù hợp với cơ cấu, vị trí việc làm nhằm phát huy năng lực sở trường, góp phần nâng cao chất lượng thực thi nhiệm vụ. Cán bộ xã, phường cần chuyển biến mạnh mẽ tư duy từ thừa hành sang chủ động tham mưu, đề xuất xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm”.

Ngay sau Đại hội Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy Quảng Trị đã ban hành Chương trình hành động về phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng công tác cán bộ. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị ban hành các Đề án cụ thể nhằm tạo dấu ấn, sức bật mới về công tác cán bộ trong nhiệm kỳ như Đề án Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các chức danh lãnh đạo chủ chốt nhiệm kỳ 2025 - 2030, 2026 - 2031; Đề án kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, địa phương gắn với tạo nguồn cán bộ nữ, cán bộ trẻ; Đổi mới một số khâu trong quy trình bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử; thí điểm thực hiện thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý và Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Nguyễn Chiến Thắng, Phó Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị cho biết, yêu cầu đặt ra cho đội ngũ cán bộ Quảng Trị là phải năng động, sáng tạo, hành động quyết liệt hơn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và biết chủ động hội nhập. Mỗi cán bộ không chỉ cần giỏi nghiệp vụ mà còn phải có tư duy chiến lược, kỹ năng hội nhập, am hiểu chuyển đổi số để theo kịp xu thế phát triển. Theo ông Nguyễn Chiến Thắng, mục tiêu của tỉnh Quảng Trị là xây dựng đội ngũ cán bộ “giỏi về chuyên môn, thạo về công nghệ và gần gũi Nhân dân”: “Chú trọng tạo môi trường để cán bộ dám đổi mới, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Cùng với đó, Quảng Trị sẽ xây dựng cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, đồng thời kịp thời khen thưởng, động viên những cán bộ tận tụy, sáng tạo, có đóng góp thiết thực cho sự phát triển của tỉnh”.

Nguồn: vov.vn

“CHÌA KHÓA” VẬN HÀNH THÔNG SUỐT, KIẾN TẠO MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk xác định việc bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã trước mắt và lâu dài là “chìa khóa” vận hành ổn định chính quyền địa phương 2 cấp.

Trong khi những bất cập về cơ sở vật chất đang dần được tháo gỡ, các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk xác định việc bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã trước mắt và lâu dài là “chìa khóa” vận hành ổn định, thông suốt, kiến tạo của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Tiếp tục hỗ trợ chuyên môn cho cấp xã

Tỉnh ủy Quảng Ngãi ban hành Công văn Số 16-TB/TU đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm rà soát, bố trí cán bộ, công chức tại địa phương hợp lý, đúng chuyên môn, chuyên ngành, sở trường và kinh nghiệm công tác, phát huy tối đa năng lực đội ngũ cán bộ, công chức hiện có; rà soát, cung cấp thông tin cán bộ, công chức chuyên môn, chuyên ngành thừa, thiếu so với nhu cầu, vị trí việc làm để cấp có thẩm quyền điều chuyển công chức giữa các địa phương cho phù hợp thực tiễn nhiệm vụ, bảo đảm đúng người, đúng việc, đúng chuyên môn nghiệp vụ theo Kết luận số 183-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Bên cạnh đó chủ động, tăng cường kết nối, hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ giữa các xã, phường, đặc khu; liên hệ, thống nhất trao đổi, lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức ở các xã, phường, đặc khu dồi dư để đề nghị tiếp nhận về công tác tại địa phương còn thiếu.

Các sở, ban, ngành tiếp tục duy trì Tổ tiếp nhận và giải quyết khó khăn, vướng mắc; biệt phái cán bộ, công chức hỗ trợ, giúp đỡ xã, phường, đặc khu về chuyên môn, nghiệp vụ tập trung vào xã, phường, đặc khu có kiến nghị, đề nghị hỗ trợ; đồng thời, quan tâm biệt phái cán bộ, công chức có chuyên môn lĩnh vực địa chính, tài nguyên môi trường, tài chính... về các xã, phường nhất là địa phương có công trình trọng điểm quốc gia và của tỉnh.

Về giải pháp lâu dài, Tỉnh ủy Quảng Ngãi giao Đảng ủy Ủy ban Nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên bố trí nguồn kinh phí để đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn đối với công chức liên quan lĩnh vực chuyên môn đang thiếu và khó khăn ở cơ sở như công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kỹ năng số, tài chính, đầu tư, địa chính, xây dựng, tư pháp... bảo đảm cho cấp xã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của các lĩnh vực đòi hỏi chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương cấp xã.

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cấp xã

Tỉnh Gia Lai xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ là nhiệm vụ trọng tâm để mô hình chính quyền địa phương 2 cấp vận hành hiệu quả.

Theo đó, Gia Lai tiếp tục cử khoảng 5% công chức, viên chức của các sở, ngành luân phiên tăng cường về cấp xã tối đa 6 tháng. Song song đó, các đợt tăng cường ngắn hạn từ 1

đến 2 tuần được duy trì nhằm hỗ trợ kịp thời cho xã, phường đang thiếu công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ.

Tỉnh ưu tiên bố trí cán bộ có chuyên môn sâu ở những lĩnh vực then chốt như, tài chính, kế toán, kinh tế, xây dựng, đất đai, nông nghiệp, công nghệ thông tin, giáo dục-đào tạo và y tế. Đây là những vị trí đòi hỏi nghiệp vụ cao, trong khi nhiều địa phương vừa sáp nhập còn thiếu nguồn nhân lực phù hợp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Phạm Anh Tuấn cho biết trong những tháng đầu triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đội ngũ cán bộ sở, ngành gần như không có ngày nghỉ cuối tuần.

Tận dụng thời gian thứ Bảy, Chủ nhật, các đơn vị tổ chức tập huấn, đào tạo cho cán bộ cấp xã về quy trình nghiệp vụ, số hóa hồ sơ, xây dựng hệ thống tài liệu dùng chung và thậm chí xây dựng kho kiến thức cho AI để cán bộ cấp xã có thể tra cứu, hỏi đáp khi gặp vướng mắc trong xử lý công việc.

Cùng với đó, nhiều sở, ngành cử đoàn công tác xuống cơ sở trực tiếp hướng dẫn, “cầm tay chỉ việc,” nhất là tại xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Mỗi cán bộ chuyên trách được phân công hỗ trợ khoảng 7 buổi/xã, tập trung vào lĩnh vực thiếu nhân sự như khoáng sản, đất đai, môi trường, công nghệ thông tin... Cách làm này bước đầu giúp tháo gỡ nhiều khó khăn cho các địa phương trong giai đoạn vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Thông qua quá trình hỗ trợ trực tiếp, cán bộ xã có cơ hội học tập, tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn. Đây được xem là hình thức đào tạo tại chỗ hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực đội ngũ ngay từ cơ sở.

Việc bồi dưỡng, đào tạo, sắp xếp nhân sự chính quyền địa phương 2 cấp của tỉnh thời gian tới hướng đến phải bảo đảm bộ máy vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, mới phải tốt hơn cũ, nói đi đôi với làm, đoàn kết thống nhất vì nhân dân phục vụ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai Phạm Anh Tuấn cho biết thêm.

Trước yêu cầu cấp bách về cơ chế, chính sách để tháo gỡ khó khăn trong thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, nhất là về yếu tố con người, tỉnh Đắk Lắk đã và đang thực hiện nhiều giải pháp.

Tỉnh ủy Đắk Lắk ban hành Đề án số 01-ĐA/TU ngày 9/10/2025 về “bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã” được kỳ vọng góp phần khơi thông điểm nghẽn trong tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

Theo Đề án, tỉnh Đắk Lắk có 64 xã, phường còn thiếu 619 cán bộ, công chức so với số biên chế được giao ở các vị trí chuyên môn, nghiệp vụ, trong đó xã, phường thiếu nhiều nhất là phường Cư Bao thiếu 29 cán bộ, công chức. Trong khi đó, có 33 xã, phường thừa 182 cán bộ, công chức so với số biên chế được giao ở các vị trí chuyên môn, nghiệp vụ.

Để quyết vấn đề nhân lực cho cấp xã, tỉnh Đắk Lắk thực hiện luân chuyển, điều động, biệt phái, tăng cường công chức, viên chức thuộc sở, ban, ngành và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh về công tác tại các xã, phường.

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, sở, ban, ngành và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh triển khai rà soát, đánh giá năng lực cán bộ thuộc diện quản lý để thực hiện luân chuyển, điều động, biệt phái, tăng cường từ 5-7% (công chức, viên chức hiện có và có quy hoạch lãnh đạo cấp phòng các sở, ban, ngành tỉnh trở lên), có kinh nghiệm, năng lực, triển vọng phát triển về bố trí các vị trí lãnh đạo quản lý cấp xã, lãnh đạo ban, phòng chuyên môn (cấp phó/cấp trưởng) hoặc công chức chuyên môn các xã, phường còn thiếu, nhất là vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk Trương Ngọc Tuấn cho biết Đề án số 01-ĐA/TU là chủ trương lớn của Tỉnh ủy nhằm tháo gỡ điểm nghẽn về nhân lực cho chính quyền cấp xã. Nhất là chủ trương tăng cường từ 5-7% công chức, viên chức hiện có và có quy hoạch lãnh đạo cấp phòng các sở, ban, ngành tỉnh trở lên để về bố trí các vị trí lãnh đạo quản lý cấp xã.

Tính đến giữa tháng 11/2025, có các Sở Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch biệt phái cán bộ về các xã, phường theo Đề án số 01-ĐA/TU.

Nguồn: vietnamnet.vn

VĨNH LONG: ĐỐI THOẠI, GIẢI QUYẾT CÁC KIẾN NGHỊ TRONG THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Ngày 27/11/2025, Thường trực Tỉnh ủy Vĩnh Long tổ chức Hội nghị đối thoại với Đảng ủy các xã, phường về giải quyết các kiến nghị trong thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Hội nghị được tổ chức trực tiếp kết hợp trực tuyến đến 124 Đảng ủy xã, phường trong toàn tỉnh.

Tại hội nghị, đại diện Đảng ủy các xã, phường trong tỉnh đã phản ánh những thuận lợi, vướng mắc trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, trong đó tập trung đề nghị tháo gỡ khó khăn về thủ tục hành chính, nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và kinh phí hoạt động, chế độ chính sách.

Theo đó, sau hơn 4 tháng triển khai, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh bước đầu vận hành ổn định, tạo chuyển biến rõ rệt trong tinh gọn bộ máy, cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức được điều động, tăng cường, phân công, bố trí về các xã, phường trên địa bàn tỉnh là 44.817 người; trong đó, cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh được điều động, bố trí về cấp xã là 245 người. Hiện nay, cấp xã, phường được bố trí từ 50-62 biên chế.

Tuy nhiên, thực tiễn quá trình vận hành mô hình mới cũng đặt ra nhiều khó khăn, nhất là về tổ chức bộ máy, nhân sự, cơ sở vật chất, hệ thống văn bản hướng dẫn, kinh phí và công tác giải quyết thủ tục hành chính. Nhân sự ở một số nơi còn thiếu, chất lượng chưa đồng đều; hệ thống văn bản hướng dẫn mô hình 2 cấp chưa hoàn chỉnh; phân cấp, phân quyền chưa rõ ràng; tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm ban hành chậm. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, hạ

tăng công nghệ thông tin, trang thiết bị còn thiếu và chưa đồng bộ; kinh phí hoạt động hạn chế; nhiều lĩnh vực chuyên môn tiếp tục phát sinh vướng mắc, nhất là đất đai, môi trường, đăng ký hộ tịch - hộ khẩu, giải quyết thủ tục hành chính, xây dựng cơ bản, an ninh trật tự... Chuyển đổi số còn chậm, người dân chưa quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dữ liệu liên thông chưa đồng bộ.

Nguyên nhân chính là do mô hình mới triển khai trong thời gian ngắn, khối lượng công việc tăng đột biến, hệ thống pháp lý chưa hoàn thiện, nguồn lực cơ sở còn hạn chế; kỹ năng, tư duy số của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu; công tác phối hợp giữa một số ngành với địa phương đôi lúc chưa nhịp nhàng.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Vĩnh Long Hồ Thị Hoàng Yến đề nghị, các sở, ngành, địa phương tập trung xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc trong tổ chức vận hành, đảm bảo bộ máy hoạt động thông suốt, hiệu quả. Các sở, ngành tỉnh tiếp tục đồng hành, hỗ trợ cơ sở giải quyết kịp thời các nội dung thuộc thẩm quyền; rà soát, đề xuất ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn cần thiết; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ xã, phường.

Các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số; hoàn thiện hệ thống phần mềm, bảo đảm dữ liệu liên thông, vận hành ổn định, qua đó khắc phục kịp thời các vướng mắc về đất đai, môi trường, giao thông, hộ tịch, thủ tục hành chính. Cùng đó, các địa phương tiếp tục phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công trực tuyến.

Nguồn: baomoi.com

ĐỒNG NAI: LỰC LƯỢNG “4 TRONG 1” KHÔNG THỂ THIẾU TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ngày 24/11/2025, Ủy ban nhân dân xã Dầu Giây (tỉnh Đồng Nai) tổ chức chương trình đối thoại với thanh niên về cải cách hành chính xã năm 2025 với chủ đề “Thanh niên Dầu Giây - Tiên phong chuyển đổi số đồng hành cải cách hành chính”.

Phát biểu khai mạc, ông Mai Văn Hiền - Chủ tịch xã Dầu Giây cho biết, năm 2025 là năm bản lề trong quá trình đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số trên địa bàn. Trong đó, thanh niên là lực lượng tiên phong, là cánh tay nối dài của chính quyền số.

“Các bạn là thế hệ trẻ năng động, sáng tạo, am hiểu công nghệ góp phần quan trọng trong việc đưa chuyển đổi số đi vào đời sống, giúp người dân tiếp cận dễ dàng hơn với các dịch vụ công trực tuyến, hiện thực hóa mục tiêu Chính quyền thân thiện - Xã hội số phát triển - Công dân số đồng hành”, ông Mai Văn Hiền chia sẻ.

Tại buổi đối thoại, bà Nguyễn Phạm Phi Vân, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội xã Dầu Giây chia sẻ nhiều thông tin đáng chú ý về kết quả cải cách hành chính và nhấn mạnh vai trò

của thanh niên trong tiến trình cải cách hành chính và chuyển đổi số. Trong đó, thanh niên chính là lực lượng “4 trong 1” được xem là nòng cốt quyết định tốc độ thay đổi cải cách hành chính của địa phương.

Cụ thể, thanh niên là lực lượng tiên phong tiếp cận công nghệ và chủ động chuyển sang nộp hồ sơ trực tuyến, tạo thói quen hành chính hiện đại.

Đoàn viên thanh niên cũng là tuyên truyền viên tích cực, trở thành “cầu nối số” giúp người dân, nhất là người lớn tuổi, sử dụng dịch vụ công và các ứng dụng trực tuyến. Bên cạnh đó, thanh niên đồng hành cùng chính quyền, phản ánh bất cập, đề xuất sáng kiến và tham gia xây dựng chính quyền số.

Đồng thời, họ là nhân tố xây dựng văn hóa công vụ hiện đại, góp phần hình thành hình ảnh nền hành chính minh bạch, phục vụ.

Đặt câu hỏi tại buổi đối thoại, em Hà Bích Ngọc (học sinh Trung học phổ thông Dầu Giây) bày tỏ băn khoăn về vấn đề bảo mật thông tin trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến. “Người dân rất quan tâm dữ liệu cá nhân được lưu trữ và xử lý ra sao, có đảm bảo an toàn hay không khi nộp hồ sơ trên các nền tảng số”, em Hà Bích Ngọc hỏi.

Trả lời vấn đề này, đại diện Ủy ban nhân dân xã khẳng định việc bảo vệ dữ liệu cá nhân là yêu cầu bắt buộc trong xây dựng chính quyền số. Các hệ thống, nền tảng phục vụ dịch vụ công đều được vận hành theo tiêu chuẩn an toàn thông tin, dữ liệu được mã hóa, phân quyền truy cập và sao lưu định kỳ.

Em Nguyễn Minh Quang (đoàn viên ấp 9/4) đặt vấn đề về việc nhiều bạn trẻ muốn làm thủ tục trực tuyến nhưng còn lúng túng, nhất là khi phải đính kèm nhiều loại giấy tờ. Nếu có hệ thống hỗ trợ nhắc việc, tự động kiểm tra thiếu sót sẽ thuận lợi hơn.

Giải đáp thắc mắc, ông Nguyễn Lê Trường Sơn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cho biết, xã đang phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công để rà soát, chuẩn hóa quy trình, tiến tới cắt giảm tối đa các bước không cần thiết. Giúp các thủ tục được đơn giản và tối ưu thủ tục thủ tục hành chính.

Ông Trần Ngọc Hưng, Giám đốc Viettel Thống Nhất cho rằng, để công cuộc chuyển đổi số tại cơ sở thực sự bứt phá, ba trụ cột hạ tầng số - nền tảng số - nhân lực số phải được kết nối chặt chẽ với nhau. Trong đó, thanh niên chính là yếu tố quyết định tốc độ lan tỏa. “Là những người trẻ am hiểu công nghệ, thanh niên có thể lan tỏa kỹ năng số cho người thân trong gia đình, đặc biệt là hướng dẫn người lớn tuổi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Đoàn viên luôn là những ngọn cờ đi đầu, giúp chính quyền xã vững bước trong kỷ nguyên số”, Giám đốc Viettel Thống Nhất chia sẻ.

Ông Cao Tiên Sỹ, Bí thư xã Dầu Giây nhấn mạnh, vai trò tiên phong của thanh niên trong cải cách hành chính và chuyển đổi số, khi các bạn trẻ chủ động nêu nhiều vấn đề thực tiễn, từ đơn giản hóa thủ tục, nộp hồ sơ trực tuyến đến hỗ trợ người lớn tuổi tiếp cận công nghệ. Với tinh thần sáng tạo, xung kích và trách nhiệm, thế hệ trẻ xã Dầu Giây sẽ tiếp tục đồng hành cùng chính quyền, đưa các dịch vụ công trực tuyến đến gần người dân hơn.

Nguồn: vietnamnet.vn

PHÁT HUY VAI TRÒ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TRONG MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kiểm soát quyền lực nhà nước được xác định là trụ cột bảo đảm tính dân chủ, pháp quyền và liêm chính của bộ máy công quyền. Kiểm soát quyền lực nhà nước hiệu quả đòi hỏi sự tham gia của nhiều chủ thể, trong đó có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thông qua chức năng giám sát, phản biện xã hội. Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã hiến định việc mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh - xã), vì vậy, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong kiểm soát quyền lực nhà nước ở cấp địa phương càng trở nên quan trọng.

Sự cần thiết tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Khái lược về kiểm soát quyền lực nhà nước

Trong khoa học chính trị, “quyền lực” là một khái niệm trung tâm, được tiếp cận dưới nhiều góc độ. Theo Max Weber - nhà xã hội học, nhà sử học người Đức: quyền lực là “khả năng của một cá nhân hay tổ chức buộc người khác phải tuân theo ý chí của mình, bất kể họ có đồng thuận hay không”⁽¹⁾. Từ góc nhìn luật học, quyền lực được hiểu là năng lực của một chủ thể áp đặt ý chí, điều khiển hành vi và định đoạt kết quả hành động của chủ thể khác trong khuôn khổ xã hội có tổ chức⁽²⁾.

Nhà nước, xét về bản chất, là thiết chế quyền lực công do nhân dân lập ra qua bầu cử và được nhân dân ủy thác quyền lực chính trị nhằm điều hành, bảo đảm trật tự và thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Quyền lực khi được thể chế hóa bằng hiến pháp và pháp luật, trở thành quyền lực nhà nước - một dạng quyền lực công mang tính pháp lý, được bảo đảm thực thi thông qua hệ thống cơ quan nhà nước và các công cụ cưỡng chế hợp pháp⁽³⁾. Quyền lực nói chung, quyền lực nhà nước nói riêng có bản chất trung tính, nhưng dễ bị chủ thể nắm quyền lạm dụng nếu thiếu cơ chế kiểm soát hữu hiệu⁽⁴⁾.

Kiểm soát quyền lực nhà nước được xem là tổng thể các nguyên tắc, cơ chế và công cụ nhằm giám sát, giới hạn, điều chỉnh việc thực thi quyền lực nhà nước, bảo đảm rằng quyền lực do nhân dân ủy thác được sử dụng đúng mục đích, trong giới hạn và vì lợi ích công⁽⁵⁾. Đây không chỉ là vấn đề kỹ thuật tổ chức quyền lực mà còn là biểu hiện của nền quản trị dân chủ và pháp quyền hiện đại, trong đó người dân giữ vai trò trung tâm, là chủ thể tối cao của quyền lực⁽⁶⁾.

Nhìn từ phương diện cấu trúc, quyền lực nhà nước có thể được kiểm soát thông qua ba cơ chế cơ bản: (i) Kiểm soát theo chiều ngang - giữa các cơ quan nắm giữ quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, dựa trên nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau; (ii) Kiểm soát theo chiều dọc - giữa trung ương và địa phương, thể hiện qua mối quan hệ giám sát, thanh tra, kiểm tra và giải trình trong hệ thống hành chính; (iii) Kiểm soát từ bên ngoài - được thực hiện bởi các tổ chức xã hội, báo chí, doanh nghiệp, công dân và cộng đồng, với mục tiêu phản biện và thúc đẩy tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của bộ máy công quyền⁽⁷⁾. Trong ba cơ chế này, kiểm soát quyền lực nhà nước từ bên ngoài (hay từ xã hội) đóng vai trò đặc biệt trên thế giới hiện nay - khi yêu cầu dân chủ hóa đời sống chính trị và nâng cao năng lực giám sát của người dân trở thành xu thế tất yếu của quản trị hiện đại ở mọi quốc gia⁽⁸⁾. Cần lưu ý, kiểm soát quyền lực nhà nước từ xã hội không làm suy yếu quyền lực nhà nước, trái lại, giúp tăng cường tính chính danh và hiệu quả của nhà nước, vì quyền lực mà nhà nước sử dụng chỉ có thể được xem là chính đáng khi chủ thể sử dụng quyền lực được giám sát và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Sự cần thiết phải tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp ở nước ta

Ở Việt Nam, tư tưởng về kiểm soát quyền lực đã được khẳng định xuyên suốt trong các văn kiện của Đảng, được Nhà nước thể chế hoá trong Hiến pháp và pháp luật. Nguyên tắc về kiểm soát quyền lực đã được cụ thể hóa trong Văn kiện Đại hội XII (2016), trong đó yêu cầu xác định rõ cơ chế kiểm soát quyền lực nói chung, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và các cấp chính quyền⁽⁹⁾. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước, nâng cao trách nhiệm giải trình, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực⁽¹⁰⁾. Điều 2 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) nêu rõ: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”. Như vậy, có thể khẳng định, trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kiểm soát quyền lực đã được Đảng và Nhà nước quan tâm. Điều này phù hợp với quan điểm phổ biến của cộng đồng quốc tế xem kiểm soát quyền lực như là công cụ cốt lõi để bảo đảm dân chủ, liêm chính và hiệu quả quản trị công.

Kể từ Hiến pháp năm 2013, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được nhìn nhận như thiết chế giám sát quyền lực trong hệ thống kiểm soát quyền lực nhà nước, cả ở cấp trung ương và địa phương. Vai trò này đã được hiến định tại Điều 9 Hiến pháp năm 2013 (từ trước khi sửa đổi, bổ sung năm 2025), khi Mặt trận được giao thực hiện “giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước”. Tuy nhiên, việc triển khai quy định trong thực tiễn còn nhiều hạn chế do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan⁽¹¹⁾.

Việc tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp (tỉnh - xã) được Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) hiến định là một bước tiến quan trọng trong cải cách thể chế quản trị quốc gia ở nước ta. Mô hình này hướng tới tinh gọn bộ máy, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia. Tuy nhiên, việc rút gọn tầng nấc trung gian hành chính cũng đồng nghĩa với việc giảm bớt một

cấp kiểm soát bên trong (cấp huyện), gây tiềm ẩn rủi ro với việc kiểm soát quyền lực nhà nước tại cấp cơ sở nếu không có thiết kế bổ sung từ cơ chế kiểm soát bên ngoài⁽¹²⁾. Trong bối cảnh đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần được củng cố để trở thành thiết chế giám sát quyền lực hiệu quả, góp phần bảo đảm hiệu lực và hiệu quả kiểm soát quyền lực nhà nước, đặc biệt ở cấp địa phương.

Thực trạng vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong kiểm soát quyền lực nhà nước ở cấp địa phương

Cơ sở chính trị, pháp lý và công cụ

Trong hệ thống kiểm soát quyền lực ở Việt Nam, bên cạnh cơ chế kiểm soát bên trong bộ máy nhà nước (kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, kiểm soát tư pháp, giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương), Hiến pháp và pháp luật thừa nhận vai trò kiểm soát từ xã hội, đặc biệt là thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Điều 9 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội,...”. Ngày 12/12/2013, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 217-QĐ/TW, “Về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”, đã chỉ rõ: “Giám sát và phản biện xã hội” là giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội⁽¹³⁾. Tiếp đó, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 218-QĐ/TW, về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền⁽¹⁴⁾. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước”⁽¹⁵⁾.

Như vậy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với công cụ cốt lõi để tham gia kiểm soát quyền lực nhà nước, là phản biện xã hội và giám sát xã hội, trong đó, phản biện xã hội thể hiện ở việc Mặt trận Tổ quốc góp ý, thẩm định xã hội đối với dự thảo chủ trương, chính sách, đề án, văn bản quy phạm của Đảng và Nhà nước trước khi ban hành, nhằm phòng ngừa rủi ro chính sách, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và phù hợp thực tiễn. Trong khi đó, giám sát xã hội thể hiện ở việc Mặt trận Tổ quốc theo dõi, đánh giá quá trình thực thi chính sách, pháp luật của các cơ quan nhà nước, qua đó phát hiện vi phạm, kiến nghị sửa chữa, xử lý trách nhiệm và cải cách thủ tục. Hai chức năng này tạo ra “vòng phản hồi chính sách” dựa trên bằng chứng, phù hợp với xu thế quốc tế về xây dựng chính quyền mở và trách nhiệm xã hội⁽¹⁶⁾.

Việc hiến định mô hình chính quyền địa phương hai cấp trong Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) là bước cải cách thể chế quan trọng, giúp tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực điều hành và tiết kiệm chi phí, làm thay đổi đáng kể cấu trúc quyền lực nhà nước ở cấp địa phương. Mô hình này cũng đặt ra thách thức về bảo đảm hiệu quả của cơ chế kiểm soát quyền lực ở cấp địa phương, nhất là trong quan hệ giữa các cơ quan

chính quyền địa phương và giữa chính quyền với nhân dân. Trong bối cảnh đó, yêu cầu củng cố cơ chế giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của các chủ thể ngoài nhà nước khác trở nên cấp thiết. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần được củng cố để đóng vai trò trung tâm trong cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên ngoài bộ máy nhà nước, thông qua việc thực hiện hiệu quả chức năng giám sát, phản biện xã hội đã được hiến định tại Điều 9 Hiến pháp năm 2013. Nhìn rộng hơn khi không còn cấp huyện, cần củng cố vai trò kết nối giữa chính quyền và người dân tại cơ sở của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã hội nhằm phản ánh kịp thời, đầy đủ ý kiến, nguyện vọng của người dân và giúp cảnh báo sớm nguy cơ vi phạm pháp luật của bộ máy công quyền.

Những thành tựu, hạn chế

Với tính chất là tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho các tầng lớp nhân dân, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng trong việc kiểm soát quyền lực nhà nước ở cấp địa phương. Thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về giám sát và phản biện xã hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tiến hành giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương các cấp, thông qua nhiều hình thức. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam còn thường xuyên tổ chức lấy ý kiến của nhân dân góp ý xây dựng các dự thảo luật. Qua quá trình giám sát, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã kịp thời phát hiện những yếu kém, sai sót, thiếu trách nhiệm trong quản lý, điều hành và thực thi nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, gây phiền hà và thiệt hại cho nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp; đồng thời phát hiện những chính sách, pháp luật chưa hợp lý, thiếu khả thi để đưa ra những kiến nghị sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn⁽¹⁷⁾.

Vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày càng được khẳng định thông qua việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên các cấp đã tổ chức góp ý, phản ánh, kiến nghị với hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp về dự thảo các chủ trương, chính sách, đề án liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân và tổ chức, doanh nghiệp. Những phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong thời gian qua được dư luận đánh giá cao, nhiều nội dung phản biện được cơ quan chủ trì soạn thảo của ủy ban nhân dân, các sở, ngành tiếp thu trong quá trình chỉnh lý⁽¹⁸⁾. Các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Mặt trận Tổ quốc ở cấp địa phương từng bước nâng cao hiệu quả công tác phản biện xã hội, như Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh... Với vai trò là “tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em và giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em” (Điều 77, Luật Trẻ em năm 2016), Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã triển khai hiệu quả các hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em ở cấp địa phương, đã thành lập 27 hội đồng trẻ em cấp tỉnh, 64 hội đồng trẻ em cấp huyện, 26 hội đồng trẻ em cấp xã⁽¹⁹⁾. Cùng với việc tổ chức các kỳ họp định kỳ, nhiều tỉnh, thành phố đã tổ chức hội nghị, gặp mặt, đối thoại trực tiếp giữa hội đồng trẻ em với lãnh đạo tỉnh ủy, hội đồng nhân dân tỉnh, tạo cơ hội cho các em trực tiếp đề xuất các ý kiến, kiến nghị tới các lãnh đạo⁽²⁰⁾. Một số ý kiến, kiến nghị liên quan đến trẻ em được các đoàn đại biểu

Quốc hội, hội đồng nhân dân tỉnh kiến nghị các sở, ngành, các tổ chức đoàn thể quan tâm giải quyết. Mô hình phiên họp giả định “Quốc hội trẻ em” được tổ chức (năm 2023, 2024) mang lại những kết quả thiết thực, là cơ sở để các cấp ban hành chính sách⁽²¹⁾.

Tuy nhiên, xét tổng quát, hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức thành viên vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu, kỳ vọng của nhân dân, cụ thể như sau:

Một là, phạm vi đối tượng, nội dung giám sát và phản biện xã hội chưa đầy đủ, toàn diện. Trong thực tế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên còn xảy ra tình trạng “bỏ trống” việc giám sát một số lĩnh vực quan trọng, như hoạt động quản lý, điều hành của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân và các cơ quan tư pháp.

Hai là, hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên ở nhiều nơi còn mang tính hình thức, chất lượng, hiệu quả chưa cao. Ý kiến phản biện xã hội chưa bao quát hết các dự thảo chính sách, pháp luật, đề án quan trọng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

Ba là, sự phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc các cấp với các tổ chức thành viên; giữa chủ thể phản biện (Mặt trận Tổ quốc) với các cơ quan, tổ chức nhận sự phản biện (ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân các cấp) chưa tốt. Nhiều kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc đối với các cơ quan nhà nước địa phương chưa được tiếp thu và phản hồi kịp thời.

Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, tồn tại nêu trên, bao gồm:

Thứ nhất, vị trí, vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đôi lúc còn bị xem nhẹ. Mặt trận và các tổ chức thành viên ở một số địa phương chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa của hoạt động giám sát, phản biện xã hội, chưa coi trọng quyền giám sát, phản biện của chính mình, dẫn đến hoạt động giám sát, phản biện chỉ gói gọn trong chương trình làm việc của Mặt trận Tổ quốc, chưa phát huy sức mạnh tổng hợp các tổ chức thành viên; hoạt động giám sát có lúc còn có biểu hiện ngại va chạm.

Thứ hai, khung pháp luật về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên hiện còn thiếu nhiều nội dung cần thiết, trong khi một số quy định còn ở mức nguyên tắc, chưa được hướng dẫn chi tiết, khiến cho việc áp dụng, tổ chức thực hiện gặp nhiều khó khăn. Cụ thể:

Còn tồn tại khoảng trống về phạm vi và thẩm quyền: Hiến pháp năm 2013 và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ghi nhận chức năng “giám sát, phản biện xã hội” của Mặt trận Tổ quốc nhưng chưa xác định rõ phạm vi, đối tượng, giới hạn và thẩm quyền giám sát, phản biện theo từng lĩnh vực (lập pháp, hành pháp, tư pháp; tài chính - ngân sách; quy hoạch - đất đai; dịch vụ công cơ bản..), dẫn đến tình trạng ở mỗi địa phương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có cách hiểu và vận dụng khác nhau. Vị thế pháp lý và tư cách tham gia giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc trong các quy trình trọng yếu (xây dựng văn bản quy phạm, lập - thẩm định dự án đầu tư công, quyết định chủ trương quy hoạch...) chưa được

luật hóa như một chủ thể có quyền tham vấn bắt buộc, dẫn đến tình trạng phản biện diễn ra muộn (cuối quy trình) và mất tính thời sự (“đúng thời điểm”).

Pháp luật chưa quy định quy trình thống nhất về lập kế hoạch, lựa chọn chủ đề, thu thập bằng chứng, phương pháp đánh giá tác động, chuẩn hóa báo cáo, mốc thời hạn phản hồi bắt buộc của cơ quan nhà nước đối với kiến nghị giám sát và ý kiến phản biện của Mặt trận Tổ quốc. Bên cạnh đó, việc thiếu chuẩn dữ liệu và cơ chế truy cập thông tin của các cơ quan nhà nước cũng làm giảm chất lượng bằng chứng và tính thuyết phục của hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam⁽²²⁾.

Thứ ba, mặc dù Hiến pháp đã hiến định vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc đối với các cơ quan trong bộ máy nhà nước, song việc bảo đảm nguồn lực cán bộ và tài chính cho hoạt động này của Mặt trận Tổ quốc chưa được coi trọng. Cơ chế tài chính hiện hành chưa bảo đảm để của Mặt trận Tổ quốc thực hiện hoạt động giám sát, phản biện chủ động, thường xuyên. Giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc có phạm vi rộng, yêu cầu cao, đòi hỏi phải có cán bộ am hiểu nhiều lĩnh vực, trong khi nguồn lực con người có hạn. Khi chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp, số lượng cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã còn thiếu, trong khi địa bàn rộng lớn hơn trước, một số đơn vị hành chính mật độ dân số đông, càng làm khó khăn về nguồn nhân lực cho hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc.

Giải pháp tăng cường vai trò kiểm soát quyền lực nhà nước của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Vai trò kiểm soát quyền lực nhà nước của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp là rất cần thiết, cần tập trung thực hiện qua các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục củng cố cơ sở hiến định về kiểm soát quyền lực nhà nước

Xét về mặt vĩ mô, trong bối cảnh Hiến pháp tiếp tục được hoàn thiện, Nhà nước cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung một điều khoản về “kiểm soát quyền lực” vào Chương I của Hiến pháp để bảo đảm cơ chế bảo đảm quyền lực nhà nước được vận hành hiệu quả hơn. Hiện tại, mặc dù đã có quy định về việc kiểm soát của các cơ quan trung ương trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp (Điều 2), song Hiến pháp năm 2013 chưa có một điều khoản riêng về kiểm soát quyền lực nhà nước. Việc bổ sung một điều khoản riêng về kiểm soát quyền lực vào Hiến pháp mang ý nghĩa về phương diện lập hiến và là cơ sở cho toàn bộ hệ thống pháp luật cụ thể hóa các thiết chế kiểm tra, giám sát và phản biện xã hội. Ngoài những khía cạnh khác, nội dung của điều khoản bổ sung Hiến pháp về “kiểm soát quyền lực” nên khẳng định: “Quyền lực nhà nước phải được kiểm soát chặt chẽ bằng các cơ chế bên trong và bên ngoài bộ máy nhà nước”.

Thứ hai, tiếp tục củng cố vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc

Điều 9 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã hiến định quyền giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tuy nhiên, để bảo đảm Mặt trận Tổ quốc có thể thực hiện tốt vai trò đó, các luật chuyên ngành cần quy định rõ quyền giám sát

và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc là một loại hình quyền lực kiểm soát riêng, có tính chất hiến định, đồng thời bổ sung nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trong việc trả lời, giải trình và chịu trách nhiệm trước kiến nghị giám sát và ý kiến phản biện của Mặt trận Tổ quốc. Bên cạnh đó, các luật chuyên ngành cần quy định Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên có quyền yêu cầu tạm đình chỉ những quyết định hành chính, hành vi hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

Thứ ba, củng cố cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước địa phương theo chiều ngang

Trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương vận hành theo mô hình hai cấp, việc phân quyền mạnh hơn cho địa phương đang đi đôi với yêu cầu cấp thiết về thiết lập các cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả theo phương châm: “Địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”. Thực chất nội dung này đòi hỏi củng cố cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước theo chiều ngang, bởi nếu cơ chế này yếu, nguy cơ lạm dụng quyền lực ở địa phương rất dễ xảy ra, đặc biệt khi ủy ban nhân dân vừa là cơ quan quản lý hành chính, vừa trực tiếp điều hành các vấn đề về tài chính, công tác cán bộ, đầu tư công, dịch vụ công...

Để củng cố cơ chế kiểm soát quyền lực theo chiều ngang, cần nâng cao vai trò và năng lực của hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Điều này đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung các luật chuyên ngành theo hướng quy định cụ thể hơn về cơ cấu tổ chức của Mặt trận và các đoàn thể xã hội tương ứng theo từng cấp chính quyền (tỉnh, xã), cũng như làm rõ cơ chế phối hợp, tham gia kiểm tra, giám sát, phản biện đối với hoạt động của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân để lấp những khoảng trống thể chế trong giám sát quyền lực. Bổ sung cơ chế cho phép các tổ chức thực hiện quyền kiến nghị bắt buộc chính quyền địa phương phải lấy ý kiến của cử tri trong quá trình xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách liên quan đến quyền lợi của nhân dân.

Thứ tư, tăng cường năng lực cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cấp địa phương

Cần ban hành một luật riêng về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên nhằm cụ thể hóa các nguyên tắc được ghi nhận trong các nghị quyết của Bộ Chính trị, trong Hiến pháp và Luật Mặt trận Tổ quốc hiện hành. Luật cần quy định rõ các chủ thể được trao quyền giám sát, phạm vi và hình thức giám sát, quy trình phản biện, trách nhiệm giải trình bắt buộc của các cơ quan nhà nước. Việc luật hóa sẽ khắc phục những hạn chế của tình trạng hoạt động giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc hiện nay.

Cần nâng cao năng lực thực thi và chuyên môn hóa hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tại cấp cơ sở. Trong thực tiễn, phần lớn cán bộ Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội tại xã, phường hiện nay thiếu kỹ năng chuyên môn, thiếu công cụ hỗ trợ và không được đào tạo bài bản về kỹ năng giám sát, phản biện, nhất là giám sát trong lĩnh vực hành chính công. Vì vậy, cần bố trí thêm cán bộ cho khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chuyên trách làm công

tác giám sát và phản biện xã hội. Cần thiết lập cơ chế phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc với các thiết chế giám sát khác trong hệ thống chính trị, như thanh tra nhà nước, kiểm toán nhà nước, hội đồng nhân dân các cấp và xây dựng các chương trình giám sát liên ngành, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm, như sử dụng ngân sách, đầu tư công, đất đai, quy hoạch, xây dựng...

Tăng cường việc ứng dụng công nghệ số trong công tác giám sát và phản biện xã hội. Điều này đòi hỏi cần xây dựng các nền tảng trực tuyến để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, cập nhật kết quả giám sát, tình trạng giải quyết, phản hồi của cơ quan nhà nước, thiết lập bản đồ tương tác vấn đề dân sinh nhằm góp phần minh bạch hóa toàn bộ chu trình kiểm soát quyền lực nhà nước của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã hội.

Cần có cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước hợp lý cho các hoạt động giám sát, phản biện xã hội tại cơ sở, gắn với trách nhiệm giải trình, tránh tình trạng “giám sát phụ thuộc vào đối tượng bị giám sát”. Đồng thời, Mặt trận Tổ quốc được trao quyền đánh giá, đề xuất xử lý trách nhiệm đối với những tập thể, cá nhân không hợp tác, không giải trình hoặc cố tình né tránh phản hồi kiến nghị giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Việc tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp là bước đi quan trọng trong cải cách thể chế, góp phần tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước. Trong bối cảnh đó, phải củng cố cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên ngoài hệ thống cơ quan nhà nước, đặc biệt là nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Để bảo đảm kiểm soát quyền lực thực chất, ngoài việc hiến định vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, cần ban hành Luật Giám sát và Phản biện xã hội. Hoàn thiện cơ chế phối hợp, nâng cao năng lực cán bộ và ứng dụng công nghệ trong giám sát, phản biện xã hội. Khi thiết lập được cơ chế kiểm soát quyền lực hài hòa giữa Nhà nước và xã hội sẽ góp phần giúp mô hình chính quyền địa phương hai cấp vận hành hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Nguồn: tapchicongsan.vn

(1) Max Weber (Guenther Roth và Claus Wittich dịch): *Economy and Society* (Tạm dịch: Kinh tế và Xã hội), University of California Press, Berkeley, 1978, tr. 53-54

(2) Robert A. Dahl: *Modern Political Analysis* (Tạm dịch: Phân tích chính trị hiện đại), 7th ed. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall, 2003, tr. 34-36

(3) Xem: Nguyễn Đăng Dung: *Quyền lực nhà nước và cơ chế kiểm soát quyền lực ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2019, tr. 22-24

(4) Joseph Nye: *The Future of Power* (Tạm dịch: Tương lai của quyền lực), PublicAffairs, New York, 2011, tr. 56

(5) Xem: Trần Ngọc Đường: “Kiểm soát quyền lực nhà nước - Một yêu cầu khách quan trong xây dựng Nhà nước pháp quyền”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, 12 (2020), tr. 3-9

(6) Jon Pierre and B. Guy Peters: *Governance, Politics and the State* (Tạm dịch: Quản trị, chính trị và nhà nước), Palgrave Macmillan, London, 2000, tr. 14-15

(7) Mark Bevir: *A Theory of Governance* (Tạm dịch: Lý thuyết về quản trị), University of California Press, Berkeley, 2013, tr. 61-64

(8) Xem: Nguyễn Sĩ Dũng: “Kiểm soát quyền lực trong nhà nước pháp quyền”, *Tạp chí Cộng sản*, 3 (2016), tr. 18-25

(9) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.187

(10) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 233-235

(11) Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam: *Báo cáo giám sát và phản biện xã hội giai đoạn 2018 – 2023*, Hà Nội, 2024

(12) Xem: Nguyễn Hữu Dũng: “Tổ chức chính quyền địa phương hai cấp: Cơ hội và thách thức”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, 10 (2024), tr. 21-29

(13) Bộ Chính trị: Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12-12-2013, ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, *Cổng Thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/quyet-dinh-so-217-qdtw-ngay-12122013-cua-bo-chinh-tri-ban-hanh-quy-che-giam-sat-va-phan-bien-xa-hoi-cua-mat-tran-to-178>

(14) Bộ Chính trị: Quyết định 218-QĐ/TW, ngày 12-12-2013, ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, *Cổng Thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/quyet-dinh-218-qdtw-ngay-12122013-cua-bo-chinh-tri-ban-hanh-quy-dinh-ve-viec-mat-tran-to-quoc-viet-nam-cac-doan-the-chinh-237>

(15) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, *Tlđđ*, tr. 233 – 235

(16) Xem: OECD: *Open Government Review: Enhancing Civic Participation and Accountability* (Tạm dịch: Đánh giá Chính phủ mở: Tăng cường sự tham gia và trách nhiệm giải trình của công dân), OECD Publishing, Paris, 2022, 44 – 47

(17), (18), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Báo cáo số 43/BC-MTTQ-BTT, ngày 25-1-2025, về “Kết quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội năm 2024”

(19) Xem: Ban Bí thư Trung ương Đoàn: Báo cáo về tình hình triển khai Đề án “Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề trẻ em giai đoạn

2023 - 2027” và Kết luận của Ban Bí thư Trung ương Đoàn về việc tăng cường triển khai mô hình “Hội đồng trẻ em” giai đoạn 2023 – 2027

(20) Xem: Hội đồng Đội Trung ương: Báo cáo về tổng kết công tác Đội và phong trào thiếu nhi các năm 2023, 2024

(21) Xem: Ban Bí thư Trung ương Đoàn: Báo cáo về tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi các năm học 2023 - 2024 và năm 2024 – 2025

(22) OECD: *Open Government Review: Enhancing Civic Participation and Accountability* (Tạm dịch: Đánh giá Chính phủ mở: Tăng cường sự tham gia và trách nhiệm giải trình của công dân), OECD Publishing, Paris, 2022, 44 - 47

API - ĐỘT PHÁ THỂ CHẾ CỦA KỸ NGUYÊN DỮ LIỆU

Trong kỷ nguyên số, khi dữ liệu đã trở thành một loại tài nguyên chiến lược mới, cách thức chúng ta khai thác và phân phối tài nguyên này quyết định trực tiếp chất lượng quản trị quốc gia. Và ở trung tâm của sự thay đổi đó là một khái niệm tưởng như chỉ thuộc về giới lập trình: API.

API là gì và vì sao cần một cách gọi dễ hiểu?

API là viết tắt của *Application Programming Interface*, dịch chính xác nhất là Giao diện lập trình mở. Đây là chuẩn kỹ thuật cho phép các hệ thống trao đổi dữ liệu theo một quy tắc chung, an toàn và có kiểm soát.

Để công chúng dễ hình dung, có thể gọi API bằng một cái tên gần gũi hơn là **Cổng kết nối dữ liệu**.

API giống như “cánh cửa” giúp hệ thống này kiểm tra thông tin từ hệ thống khác mà không cần người dân mang theo giấy tờ hay xin xác nhận thủ công. Nói cách khác, API là điều kiện để thực hiện nguyên tắc cơ bản của Chính phủ số: “Khai một lần- dùng nhiều nơi”.

Việt Nam đã làm gì và cơ hội bứt phá nằm ở đâu?

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, Việt Nam đã bắt đầu hình thành những nền tảng quan trọng cho việc kết nối và khai thác dữ liệu trong quản lý nhà nước. Tuy nhiên, bức tranh tổng thể vẫn còn những khoảng trống cần được nhận diện rõ để có thể chuyển từ những nỗ lực đơn lẻ sang một chiến lược quốc gia thống nhất. Có thể khái quát hiện trạng qua ba điểm chính sau đây:

Thứ nhất, khung pháp lý về kết nối và chia sẻ dữ liệu đã bước đầu hình thành. Trong thời gian qua, Chính phủ đã ban hành một số văn bản quan trọng, tạo nền tảng cho việc liên thông và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước. Nổi bật là Nghị định 278/2025/NĐ-CP, quy định việc kết nối và chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong toàn bộ hệ thống chính trị; và Nghị định 194/2025/NĐ-CP, cụ thể hóa Luật Giao dịch điện tử, đặt nền tảng pháp lý cho việc chia sẻ dữ liệu trong cung cấp dịch vụ công. Cùng với đó, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP/VDXP) đã kết nối với hơn 90 bộ, ngành, địa phương và xử lý hàng trăm triệu giao dịch mỗi năm, cho thấy nhu cầu và tiềm năng liên thông dữ liệu đang ngày càng lớn.

Thứ hai, một số lĩnh vực đã chủ động đi trước, đặc biệt là ngành ngân hàng. Đây là ngành đầu tiên ban hành quy định về Open API với Thông tư 64/2024/TT-NHNN, có hiệu lực từ ngày 1/3/2025. Việc định danh và chuẩn hóa API trong một lĩnh vực kinh tế trọng yếu cho thấy API không còn là khái niệm kỹ thuật đơn thuần, mà đang trở thành một thành tố quan trọng của hạ tầng dịch vụ số.

Thứ ba, API vẫn chưa được nhìn nhận đúng tầm như một trụ cột chiến lược quốc gia. Hiện nay, chưa có văn bản ở cấp Chính phủ xác định API như một thiết chế cốt lõi của

Nhà nước số. Việc kết nối dữ liệu giữa các bộ, ngành và địa phương vẫn chủ yếu mang tính tự phát, thiếu chuẩn chung về định dạng, cấu trúc, bảo mật, phân quyền hay cơ chế ghi log (Ghi log là việc hệ thống tự động tạo ra nhật ký hoạt động của hệ thống).

Dữ liệu quốc gia vẫn trong tình trạng phân mảnh, khiến việc liên thông thực chất gặp nhiều hạn chế. Có thể nói, chúng ta đã xây được những “móng nhà” quan trọng, nhưng vẫn thiếu một “bản thiết kế tổng thể” cho hạ tầng kết nối dữ liệu quốc gia- một bản thiết kế mà trong đó API phải giữ vai trò trung tâm.

API tháo gỡ những điểm nghẽn cổ hủ trong quan hệ giữa Nhà nước- người dân- doanh nghiệp

Trong nhiều năm qua, không ít thủ tục hành chính bị kéo dài bởi tình trạng thiếu liên thông dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. API xuất hiện như một công cụ giúp tháo gỡ những điểm nghẽn này, tạo ra sự chuyển biến thực chất trong phục vụ người dân và hỗ trợ doanh nghiệp. Những thay đổi rõ nhất có thể nhìn thấy ở năm khía cạnh sau đây:

1. Chấm dứt tình trạng “xin lại thông tin của chính mình”. Với API, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có thể truy xuất ngay thông tin từ cơ quan quản lý dữ liệu gốc, thay vì yêu cầu người dân tự đi xin xác nhận. Cách làm này rút ngắn thời gian, giảm phiền hà và khắc phục được tư duy hành chính bắt “người dân chứng minh thay cho cơ quan quản lý”.

2. Giảm tối đa yêu cầu nộp giấy tờ bản cứng. Nhiều loại giấy tờ như hộ khẩu, khai sinh, thông tin nhân thân, tình trạng hôn nhân... hoàn toàn có thể được thay bằng dữ liệu số. Khi API được triển khai đầy đủ, việc cầm theo tập hồ sơ giấy trở thành không cần thiết, giúp cả người dân lẫn cơ quan nhà nước làm việc nhanh gọn và chính xác hơn.

3. Quy trình xử lý hồ sơ trở nên tinh gọn, liền mạch. API cho phép các bước xác minh, đối chiếu và kiểm tra thông tin diễn ra tự động ở hậu trường. Người dân chỉ cần nộp hồ sơ một lần, và hệ thống sẽ chuyển tiếp dữ liệu cho các cơ quan liên quan. Đây là bước chuyển quan trọng từ “giải quyết theo từng cửa” sang “xử lý liên thông”.

4. Minh bạch hơn, tiếp xúc trực tiếp ít hơn. Khi dữ liệu được truy xuất qua API, mọi thao tác đều được ghi nhận và có thể kiểm tra lại. Điều này làm giảm các khoản chi phí không chính thức phát sinh từ sự tùy nghi của cán bộ, đồng thời nâng cao mức độ liêm chính và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ.

5. Doanh nghiệp được phục vụ trong môi trường thông suốt. API giúp giảm thời gian chờ đợi, giảm yêu cầu hồ sơ trùng lặp và tăng khả năng tiếp cận dịch vụ công trực tuyến. Qua đó, chi phí tuân thủ của doanh nghiệp giảm đáng kể, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư, kinh doanh và cải thiện thứ hạng năng lực cạnh tranh quốc gia.

API - thiết chế cốt lõi của Nhà nước số

Trong bối cảnh dữ liệu được xem như “tài nguyên mới” của nền kinh tế số, vấn đề không chỉ nằm ở việc thu thập dữ liệu, mà quan trọng hơn là cách thức dữ liệu được khai thác, phân phối và sử dụng trong toàn bộ hệ thống công quyền. Ở góc độ này, API đóng vai trò như hạ

tăng dần truyền giúp dòng dữ liệu quốc gia vận hành thông suốt, an toàn và đúng mục đích. API giúp:

1. Minh bạch hóa quyền lực và giảm độc quyền thông tin. Một trong những rào cản lớn của cải cách hành chính là tình trạng “độc quyền thông tin” ở một số khâu, khiến quy trình xử lý hồ sơ phụ thuộc nhiều vào quyết định chủ quan của cán bộ. API, với cơ chế truy vết và ghi log tự động, giúp mọi thao tác truy cập dữ liệu đều được lưu lại, hạn chế tối đa không gian cho sự tùy nghi.

Theo thông tin chính thức của cơ quan chức năng, tính đến năm 2024, có tới 70% yêu cầu hồ sơ hành chính liên quan đến việc phải xác minh thông tin từ các cơ quan khác. Nếu những bước xác minh này được số hóa bằng API, lượng tiếp xúc trực tiếp giảm mạnh, từ đó giảm nguy cơ phát sinh chi phí không chính thức và tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền.

2. Bảo đảm chính sách đi vào cuộc sống nhanh và đúng hơn. Một khó khăn phổ biến trong thực thi chính sách là tình trạng “luật một đằng, thực tế một nẻo” do quy trình vận hành chậm cập nhật hoặc bị bó cứng bởi thủ tục thủ công. API cho phép đồng bộ hóa tức thời giữa quy định và thực thi: khi văn bản pháp luật thay đổi, các hệ thống có thể được cập nhật tự động, giúp giảm thời gian chuyển tiếp và hạn chế sai sót. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy API là công cụ quan trọng để rút ngắn “độ trễ chính sách”. Ở Estonia- quốc gia dẫn đầu về Chính phủ điện tử- 99% dịch vụ công trực tuyến được vận hành dựa trên hơn 3.000 API, giúp việc cập nhật quy trình gần như diễn ra trong thời gian thực.

3. Tạo liên thông dữ liệu thực chất trong toàn quốc. Việt Nam đang quản lý bốn "tài nguyên dữ liệu lõi": cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu an sinh xã hội, và cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

Hiện nay, mỗi cơ sở dữ liệu đã được xây dựng ở mức độ nhất định nhưng vẫn vận hành khá độc lập. API chính là công cụ cho phép các kho dữ liệu này kết nối thành một hệ sinh thái thống nhất, tạo nền tảng cho các dịch vụ công liên thông. Chỉ riêng cơ sở dữ liệu dân cư đã có hơn 200 triệu bản ghi, và theo Bộ Công an, có thể phục vụ trên 70% thủ tục hành chính nếu được kết nối đầy đủ với các lĩnh vực khác. Điều này cho thấy tiềm năng rất lớn của việc liên thông bằng API.

4. Đáp ứng yêu cầu cập nhật thời gian thực - một trọng tâm trong chỉ đạo của Tổng Bí thư. Trong phát biểu tại Hội nghị Trung ương 14, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh yêu cầu “xây dựng dữ liệu dùng chung, kết nối dân cư- đất đai- an sinh- doanh nghiệp; cập nhật thời gian thực từ cơ sở đến Trung ương”. Để thực hiện yêu cầu này, không có công cụ nào khả thi hơn API. Chỉ API mới cho phép dữ liệu được trao đổi tức thời, theo chuẩn chung, có kiểm soát truy cập và bảo đảm an toàn- bảo mật.

Không có API, liên thông dữ liệu chỉ dừng lại ở mức độ “kết nối hình thức”, còn có API, chúng ta mới có thể tiến tới liên thông thực chất, nơi dữ liệu hỗ trợ ra quyết định kịp thời và chính xác.

Tóm lại, API không chỉ là công nghệ. Đó là thiết chế vận hành của Nhà nước số: làm minh bạch hóa quyền lực, rút ngắn độ trễ chính sách, tạo liên thông dữ liệu thực chất và hiện thực hóa chỉ đạo về cập nhật thời gian thực trong toàn hệ thống. Nói cách khác, API là công cụ giúp “tài nguyên dữ liệu” thực sự phát huy giá trị, trở thành động lực mới cho cải cách hành chính và nâng cao chất lượng quản trị quốc gia.

Để bước vào kỷ nguyên vận hành thông minh - 5 nhiệm vụ trọng tâm Việt Nam cần triển khai

Để API thực sự trở thành hạ tầng dẫn truyền cho “tài nguyên dữ liệu quốc gia”, những nỗ lực rời rạc hiện nay cần được nâng lên thành một chương trình hành động có trọng tâm, trọng điểm. Có thể khái quát 5 nhóm nhiệm vụ lớn sau:

1. *Sớm ban hành Chuẩn API quốc gia.* Trước hết, cần có một Chuẩn API quốc gia làm khung tham chiếu chung cho toàn bộ hệ thống nhà nước. Chuẩn này không chỉ quy định về mặt kỹ thuật (định dạng, cấu trúc, giao thức truyền dữ liệu), mà còn phải bao quát các yêu cầu về bảo mật, phân quyền truy cập, ghi log và giám sát.

Khi mỗi bộ, ngành, địa phương đều thiết kế API theo chuẩn chung, việc kết nối, mở rộng, nâng cấp hệ thống sẽ trở nên dễ dàng hơn, tránh tình trạng “mạnh ai nấy làm”, gây lãng phí và khó liên thông.

2. *Xây dựng Cổng kết nối dữ liệu quốc gia dùng chung.* Song song với chuẩn API, cần hoàn thiện một Cổng kết nối dữ liệu quốc gia thực sự dùng chung cho toàn bộ cơ quan trong hệ thống chính trị. Thay vì mỗi nơi xây một “trục riêng”, Cổng kết nối dữ liệu quốc gia phải đóng vai trò là “xa lộ chính”, nơi các hệ thống dữ liệu ngành, lĩnh vực “ra- vào” theo một cơ chế thống nhất. Đây sẽ là hạ tầng trung tâm để điều phối lưu lượng dữ liệu, kiểm soát an toàn thông tin và tối ưu chi phí đầu tư, vận hành, thay vì dàn trải nguồn lực cho quá nhiều nền tảng phân tán.

3. *Tích hợp yêu cầu API ngay từ khâu thiết kế luật, chính sách.* Một điểm then chốt khác là phải “cài đặt API ngay trong chính sách”. Các luật, pháp lệnh, nghị định- đặc biệt trong các lĩnh vực như đất đai, đầu tư, doanh nghiệp, an sinh xã hội - cần quy định rõ thủ tục nào phải được vận hành trên nền dữ liệu kết nối, cơ quan nào có trách nhiệm cung cấp API, mức độ chia sẻ dữ liệu ra sao. Khi yêu cầu về API được xác lập ngay trong văn bản quy phạm pháp luật, việc xây dựng, vận hành hệ thống thông tin sẽ có căn cứ pháp lý rõ ràng, tránh tình trạng “luật một đằng, hệ thống công nghệ một nẻo”.

4. *Chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu ở các bộ, ngành, địa phương.* API chỉ phát huy hiệu quả nếu dữ liệu phía sau được chuẩn hóa và tin cậy. Vì vậy, một chương trình tổng thể về chuẩn hóa, làm sạch và đồng bộ dữ liệu ở các bộ, ngành, địa phương là điều kiện không thể thiếu. Việc mỗi nơi sử dụng một cấu trúc dữ liệu khác nhau, cách mã hóa khác nhau, thậm chí trùng lặp hoặc thiếu chính xác, sẽ khiến API không thể “đưa tài nguyên dữ liệu vào vận hành” như kỳ vọng.

5. *Đặt an toàn thông tin và quyền riêng tư lên hàng đầu.* Cuối cùng, khi hạ tầng kết nối dữ liệu càng mở và mạnh, nguy cơ rủi ro về an toàn thông tin và xâm phạm quyền riêng tư

càng lớn. Điều này đòi hỏi một khung pháp lý và kỹ thuật chặt chẽ về bảo vệ dữ liệu cá nhân, phân quyền truy cập, mã hóa, giám sát truy vết và xử lý vi phạm. Chỉ khi người dân, doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước cảm thấy yên tâm về mức độ an toàn và minh bạch của hệ thống, API mới có thể được triển khai rộng rãi và bền vững, trở thành nền tảng cho một mô hình quản trị dựa trên dữ liệu.

Cần một Chiến lược API Quốc gia

API hay “cổng kết nối dữ liệu” không chỉ là một thuật ngữ kỹ thuật. Nó là *hạ tầng dẫn truyền* của một thời đại mới, nơi dữ liệu trở thành tài nguyên và vận hành trở thành tự động hóa. Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể, nhưng để tạo ra bước nhảy vọt, cần có một Chiến lược API Quốc gia nhằm thống nhất, tiêu chuẩn hóa và tối ưu hóa việc khai thác tài nguyên dữ liệu. Khi đó, API sẽ trở thành động lực quan trọng để đưa Nhà nước từ mô hình quản lý truyền thống sang mô hình vận hành thông minh, phục vụ người dân tốt hơn và thúc đẩy phát triển quốc gia mạnh hơn.

Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng

Nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

SỬA LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG: GỖ ĐIỀM NGHÈN TỪ THỰC TIỄN

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 không chỉ nhằm giải quyết những bất cập phát sinh trong quá trình chuẩn bị triển khai, mà còn là giải pháp quan trọng để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, khôi phục sản xuất sau thiên tai và tăng cường năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước nhất quán chủ trương xây dựng hệ thống thuế hiện đại, minh bạch, công bằng, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai các chính sách mới luôn có độ trễ nhất định, đòi hỏi cơ quan quản lý phải kịp thời lắng nghe phản ánh từ cơ sở và chủ động điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế. Luật Thuế Giá trị gia tăng số 48/2024/QH15, được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025, là văn bản quan trọng trong việc hoàn thiện chính sách thuế, song trong quá trình chuẩn bị thi hành, nhiều bất cập đã bộc lộ rõ, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, xuất khẩu thức ăn chăn nuôi và điều kiện hoàn thuế.

Những bất cập lớn từ thực tiễn sản xuất và xuất khẩu nông sản

Theo quy định của Luật số 48/2024/QH15, doanh nghiệp phải nộp 5% thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với nông sản mua bán qua khâu thương mại, sau đó được hoàn thuế khi xuất khẩu. Số thuế giá trị gia tăng thu rồi lại hoàn thuế cho những mặt hàng mà phần lớn sản lượng sản xuất ra được dành để xuất khẩu (như cá da trơn, hồ tiêu, cà phê,...) dẫn đến lãng phí thời

gian và động vốn của doanh nghiệp trong khi các tổ chức tín dụng không giải ngân phần thuế này khi cấp vốn lưu động, gây áp lực tài chính và giảm hiệu quả kinh doanh. Nhất là trong bối cảnh nền kinh tế đang chịu tác động nặng nề của thiên tai, đặc biệt là mưa bão, lũ lụt tại nhiều vùng sản xuất lớn, việc phải xoay vòng hàng nghìn tỷ đồng thuế giá trị gia tăng để chờ hoàn khiến doanh nghiệp không thể chủ động nguồn vốn cho thu mua, chế biến và xuất khẩu.

Các hiệp hội ngành hàng đã phản ánh rõ tình trạng này. Theo số liệu ước tính của một số ngành trong lĩnh vực nông nghiệp, chỉ trong 6 tháng cuối năm 2025, số thuế giá trị gia tăng 5% mà doanh nghiệp ngành cà phê phải tạm nộp ước khoảng 5.000 tỷ đồng; ngành lương thực khoảng 2.016 tỷ đồng; ngành hồ tiêu và cây gia vị khoảng 2.162 tỷ đồng. Đây đều là những ngành hàng xuất khẩu chủ lực, lượng hàng tồn kho lớn, yêu cầu vốn quay vòng nhanh.

Bên cạnh đó, quy định hiện hành cũng tạo ra sự bất bình đẳng giữa hàng hóa trong nước và hàng nhập khẩu. Nông sản, thủy sản nhập khẩu không chịu thuế giá trị gia tăng khi vào Việt Nam, trong khi hàng nội địa lại phải chịu thuế ở khâu thương mại. Điều này làm tăng chi phí của doanh nghiệp trong nước, tạo lợi thế cho hàng nhập khẩu và gây tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp trong nước vốn đang chịu nhiều ảnh hưởng từ thiên tai.

Một bất cập không kém phần nghiêm trọng là chính sách thuế áp dụng với thức ăn chăn nuôi. Do thức ăn chăn nuôi thuộc đối tượng không chịu thuế nên không được khấu trừ, không được hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào, dẫn đến doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi bị tăng chi phí, tăng giá bán, qua đó sẽ ảnh hưởng đến người chăn nuôi. Bên cạnh đó, quy định này chưa bảo đảm công bằng và có thể làm giảm khả năng cạnh tranh với sản phẩm thức ăn chăn nuôi nhập khẩu do thức ăn chăn nuôi nhập khẩu không chịu thuế giá trị gia tăng điều này gây bất lợi không nhỏ cho các doanh nghiệp trong nước.

Một vướng mắc lớn khác mà doanh nghiệp phản ánh là điều kiện hoàn thuế giá trị gia tăng yêu cầu người mua chỉ được hoàn thuế khi người bán đã kê khai, nộp thuế. Trong thực tiễn, các doanh nghiệp khi xuất khẩu được hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào, nhưng lại bị chậm do phải chờ xác định người bán hàng cho mình đã kê khai, nộp thuế, gây khó khăn và rủi ro cho doanh nghiệp đề nghị hoàn thuế. Bởi vì doanh nghiệp đề nghị hoàn thuế không có công cụ pháp lý hay kỹ thuật để kiểm tra tình trạng tuân thủ thuế của người bán tại thời điểm lập hồ sơ hoàn thuế. Quy định này cũng đã có một số tổ chức, cá nhân phản ánh là chưa phù hợp với nghĩa vụ chịu trách nhiệm của từng chủ thể, do người mua và người bán là các chủ thể khác nhau và phải chịu trách nhiệm riêng rẽ, độc lập với nhau.

Việc xử lý các hồ sơ hoàn thuế bị chậm kéo theo nhiều hệ lụy: dòng tiền bị đọng lại, kế hoạch kinh doanh bị gián đoạn và doanh nghiệp gặp khó khăn khi thực hiện các hợp đồng xuất khẩu. Trong bối cảnh xuất khẩu nông sản đang cần sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Nhà nước để duy trì tăng trưởng và mở rộng thị trường, việc tiếp tục duy trì quy định này có thể khiến nhiều doanh nghiệp mất cơ hội cạnh tranh.

Sửa luật theo thủ tục rút gọn với 3 nhóm sửa đổi trọng tâm.

Trước những vướng mắc nêu trên, trên cơ sở lắng nghe, nghiêm túc nghiên cứu kỹ lưỡng phản ánh, kiến nghị của các Hiệp hội, doanh nghiệp và Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cùng

với tác động nghiêm trọng của mưa bão, lũ lụt đối với sản xuất nông nghiệp ở nhiều khu vực, Bộ Tài chính nhận định cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Luật Thuế Giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 để góp phần khắc phục hậu quả, bảo đảm hoạt động sản xuất-kinh doanh được duy trì ổn định.

Khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho phép trình luật tại kỳ họp Quốc hội đang diễn ra nếu vấn đề phát sinh từ thực tiễn có tính cấp bách. Việc áp dụng thủ tục rút gọn trong trường hợp này thể hiện sự linh hoạt, kịp thời của Chính phủ trong xử lý các vấn đề chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế-xã hội.

Ngày 26/11/2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, đã ký Tờ trình số 1090/TTr-CP gửi Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị xem xét, thông qua Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng. Việc sửa luật được xác định nhằm bảo đảm mục tiêu kép: tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đồng thời bảo đảm sự tương thích, thống nhất giữa các văn bản pháp luật hiện hành.

Dự thảo Luật lần này tập trung vào 3 nội dung cốt lõi. **Thứ nhất**, đưa lại quy định không phải kê khai, tính nộp thuế nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường mua bán qua khâu thương mại.

Với quy định này doanh nghiệp không phải trả thuế giá trị gia tăng 5% đầu vào đối với hàng hóa là các sản phẩm nông nghiệp mua bán ở khâu thương mại, khắc phục tình trạng số thuế giá trị gia tăng thu rồi lại hoàn thuế cho những mặt hàng mà phần lớn sản lượng sản xuất ra được dành để xuất khẩu như cá da trơn, hồ tiêu, cà phê,... vốn là vốn đang là thế mạnh xuất khẩu của Việt Nam, giúp giảm áp lực tài chính và tăng hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

Thứ hai, điều chỉnh chính sách thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi để thực hiện theo quy định của pháp luật về thức ăn chăn nuôi. Với việc sửa đổi quy định này cơ sở sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi không phải trả thuế giá trị gia tăng 5%, doanh nghiệp sẽ giảm được chi phí sản xuất từ đó tăng khả năng cạnh tranh với sản phẩm thức ăn chăn nuôi nhập khẩu

Thứ ba, bỏ điều kiện yêu cầu người mua chỉ được hoàn thuế khi người bán đã kê khai, nộp thuế. Việc loại bỏ quy định này sẽ góp phần rút ngắn thời gian hoàn thuế, việc hoàn thuế đối với cơ sở xuất khẩu được thực hiện theo quy định mà không phải chờ, xác định được là người bán đã kê khai, nộp thuế

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng là bước đi mang tính chiến lược, thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc hoàn thiện chính sách thuế theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp, bảo đảm công bằng giữa hàng hóa trong nước và nhập khẩu, đồng thời tạo điều kiện để sản xuất nông nghiệp phục hồi sau thiên tai. Việc sửa đổi lần này cũng thể hiện tinh thần chủ động của cơ quan quản lý trong nắm bắt thực tiễn, kịp thời điều chỉnh chính sách để phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế trong giai đoạn nhiều biến động.

Nguồn: nhandan.vn

TẠO ĐỘT PHÁ TRONG CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰA TRÊN DỮ LIỆU

Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2026. Việc ban hành Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP đánh dấu bước tiến mới trong cải cách thủ tục hành chính, thay thế nhiều loại giấy tờ bằng dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia. Đây là yêu cầu quan trọng nhằm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Chính phủ số, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đơn giản hóa gần 800 thủ tục dựa trên dữ liệu

Nghị quyết đã điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương ban hành để thay thế, cắt giảm các thành phần hồ sơ trong gần 800 thủ tục hành chính đối với nhiều loại giấy tờ được cắt giảm, thay thế bằng khai thác hoặc sử dụng thông tin tương ứng từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Việc thay thế hoặc cắt giảm thành phần hồ sơ trong các thủ tục hành chính được thực hiện theo mức độ đáp ứng việc khai thác, sử dụng của các cơ sở dữ liệu; không yêu cầu cung cấp thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính mà các thông tin trong thành phần hồ sơ đã có dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố.

Nghị quyết quy định rõ cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời, đề nghị cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc thay thế, cắt giảm thành phần hồ sơ bằng thông tin được khai thác trên các cơ sở dữ liệu khi giải quyết thủ tục hành chính cho công dân Việt Nam sinh sống ở nước ngoài, cá nhân, tổ chức nước ngoài sinh sống, hoạt động tại Việt Nam được thực thi trên cơ sở mức độ đáp ứng của cơ sở dữ liệu.

Cá nhân đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) đề nghị giải quyết thủ tục hành chính thì không phải thực hiện ký số biểu mẫu điện tử tương tác.

Nghị quyết quy định thay thế các loại giấy tờ là thành phần hồ sơ thủ tục hành chính bằng các thông tin tương ứng được khai thác từ các cơ sở dữ liệu đối với 786 thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực quản lý của 14 Bộ và 1 cơ quan ngang Bộ: Bộ Công Thương; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Nội vụ; Bộ Tài

chính; Bộ Tư pháp; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Xây dựng; Ngân hàng Nhà nước; Bộ Y tế; Bộ Ngoại giao; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Có quy định “mở” để thay thế các loại giấy tờ

Tại cuộc họp đầu tiên của Tổ công tác xây dựng Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính ngành tư pháp, ngày 21/11/2025, thông tin về những điểm mới của Nghị quyết, ông Lê Tuấn Phong, Phó Vụ trưởng Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp) cho biết: Nghị quyết có một quy định rất mới. Đó là liên quan đến việc khi cá nhân, tổ chức đăng nhập bằng Cổng Dịch vụ công hoặc VNeID có nghĩa đã được xác thực thông tin, thì không cần phải ký số vào biểu mẫu tương tác điện tử

“Hiện nay, nhiều thủ tục cũng đã quy định vấn đề này, nhưng rất nhiều thủ tục ở biểu mẫu tương tác điện tử vẫn yêu cầu phải ký số vào biểu mẫu. Bây giờ tất cả các trường hợp đều không phải ký số vào biểu mẫu tương tác điện tử nếu như đăng nhập bằng Cổng Dịch vụ công hoặc VNeID”, ông Lê Tuấn Phong cho hay.

Tại Điều 4 của Nghị quyết có quy định rất cụ thể các loại giấy tờ được thay thế bằng dữ liệu. Đồng thời, Nghị quyết cũng có quy định “mở” để các loại giấy tờ khác ngoài khi đã có thông tin trong các cơ sở dữ liệu được liệt kê hoặc các cơ sở dữ liệu khác đã đáp ứng đầy đủ, thì cũng sẽ được công bố và thực hiện việc thay thế, cắt giảm theo yêu cầu.

Tại Điều 5 của Nghị quyết quy định cá nhân, tổ chức được khai thác thông tin để yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin theo quy định. Quy định này theo ông Lê Tuấn Phong có sự kiểm soát chéo, nghĩa là cá nhân, tổ chức có thể biết được là dữ liệu của mình trong các cơ sở dữ liệu đã có chưa? Trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính vẫn đề nghị bản giấy thì có thể chỉ ra, trong cơ sở dữ liệu của tôi đã có, tại sao lại vẫn yêu cầu cung cấp bản giấy?

Theo Nghị quyết, đối với các cơ sở dữ liệu (9 loại cơ sở dữ liệu trước mắt quy định tại Điều 4) thì phải hoàn thành việc rà soát, khắc phục sai sót để bảo đảm tính nhất quán của dữ liệu - tức là dữ liệu sạch, đúng nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung và phải chia sẻ, công bố thông tin được khai thác sử dụng trước ngày 01/01/2026.

Tuy nhiên, ông Lê Tuấn Phong cho biết, trong công văn Công văn số 7422/BTP-CTXDVBQPPL để triển khai Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP một cách toàn diện, Bộ trưởng Tư pháp Nguyễn Hải Ninh, Tổ trưởng Tổ công tác có đề nghị các bộ, ngành liên quan đến các cơ sở dữ liệu quy định tại Điều 4 phần đầu công bố trước ngày 10/12/2025. Điều này để các bộ ngành, địa phương có thêm thời gian ít nhất tầm khoảng 15-20 ngày để tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính, đưa lên Hệ thống thông tin thủ tục hành chính của các bộ, ngành để thực hiện từ ngày 01/01/2026.

Việc tái cấu trúc quy trình là do Trung ương thực hiện

Ông Lê Tuấn Phong nêu rõ: Ở Nghị quyết này có một điểm rất mới, khác với quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính hiện tại. Trước đây, theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, sau khi Trung ương đã công bố thủ tục hành chính, về địa phương tiếp tục công bố lại, nếu Trung ương tái cấu trúc quy trình ở trên hệ

thống của Trung ương thì ở địa phương cũng phải tái cấu trúc hệ thống quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cấp tỉnh.

Tuy nhiên, theo Nghị quyết này và theo chủ trương mới, các hệ thống đều tập trung ở các bộ, ngành Trung ương và việc tái cấu trúc quy trình là do Trung ương thực hiện. Địa phương chỉ phải thực hiện tái cấu trúc quy trình đối với những thủ tục hành chính do địa phương ban hành hoặc được giao quy định chi tiết. Đối với địa phương, chỉ những văn bản nào ban hành các thủ tục hành chính đặc thù tới đây sử dụng được dữ liệu để thay thế cho thành phần hồ sơ, các địa phương rà soát và sửa đổi theo yêu cầu tại Công điện số 201/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Nguồn: nhandan.vn

ĐỔI MỚI TƯ DUY, ĐỘT PHÁ THỂ CHẾ ĐƯA NGHỊ QUYẾT SỐ 66-NQ/TW VÀO CUỘC SỐNG

Nghị quyết số 66-NQ/TW về “Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” đòi hỏi các cấp, các ngành, sự chung tay của toàn xã hội. Với ngành Công Thương, việc đổi mới tư duy, đột phá trong chính sách và thể chế góp phần đưa Nghị quyết số 66-NQ/TW vào cuộc sống.

Cụ thể hóa tư duy để thành công

Cùng với các bộ ngành, địa phương, ý thức của cộng đồng doanh nghiệp, thời gian qua, Bộ Công Thương đã có nhiều giải pháp quyết liệt, hiệu quả trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật, tạo đột phá về thể chế để thúc đẩy sản xuất kinh doanh, mở ra không gian phát triển mới cho đất nước. Đây cũng là những tiền đề quan trọng trong quá trình thực hiện các nội dung, giải pháp của Nghị quyết số 66-NQ/TW, đưa Nghị quyết gắn với thực tiễn đời sống.

Tại Tọa đàm “Bộ Công Thương đổi mới tư duy, đột phá thể chế pháp luật: Đưa Nghị quyết số 66-NQ/TW vào cuộc sống” do Tạp chí Công Thương tổ chức, các ý kiến nhấn mạnh, việc chuyển đổi tư duy, pháp luật không chỉ là công cụ quản lý mà còn là động lực đổi mới và cạnh tranh; ngành công thương phải cụ thể hóa tư duy để vừa quản lý hiệu quả, vừa tạo môi trường thuận lợi cho phát triển bền vững.

Bà Bùi Thị Bình Giang - Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế (Bộ Công Thương) nhấn mạnh, mục tiêu là đưa công tác pháp chế của Bộ chuyển từ mức “đáp ứng yêu cầu” sang “dẫn dắt, kiến tạo phát triển”, tạo nền tảng pháp lý ổn định, minh bạch cho tăng trưởng kinh tế - xã hội và hội nhập sâu rộng. Trong giai đoạn 2021 - 2025, Bộ Công Thương đã chủ trì xây dựng và trình ban hành hơn 250 văn bản pháp luật (gồm 5 luật, 51 nghị định) và hơn 20 chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của Bộ. Năm 2025 cũng là năm có số lượng văn bản ban hành và trình ban hành lớn nhất trong nhiều nhiệm kỳ trở lại đây. Trong đó, nhiều văn bản có phạm vi điều chỉnh rộng, ảnh hưởng trực

tiếp đến các ngành, lĩnh vực kinh tế và đời sống Nhân dân, kịp thời thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Trong đó, Bộ Công Thương đã tham mưu, trình Quốc hội ban hành: Luật Dầu khí, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Điện lực, Luật Hóa chất (sửa đổi), Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (sửa đổi); Nghị định trong các lĩnh vực thương mại điện tử, kinh doanh xăng dầu và khí, xuất nhập khẩu, quản lý thị trường, điện lực, hóa chất, cạnh tranh, kinh doanh đa cấp, phát triển ngoại thương... Hiện tại, Bộ Công Thương đang khẩn trương xây dựng Luật Công nghiệp trọng điểm, Luật Thương mại điện tử... để tạo lập khung pháp lý cho phát triển các ngành, lĩnh vực mới và ưu tiên của đất nước.

Cùng với đó, Bộ Công Thương đã bãi bỏ 95 thủ tục hành chính, sửa đổi bổ sung 347 thủ tục hành chính và phân cấp hàng trăm thủ tục hành chính, giúp Bộ duy trì vị trí cao trong nhóm các bộ, ngành dẫn đầu cả nước về cải cách hành chính. Công tác xây dựng và triển khai Chính phủ điện tử của Bộ Công Thương với 100% thủ tục hành chính cung cấp ở cấp độ 3, 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, cung cấp 267 dịch vụ công trực tuyến trong các lĩnh vực như quản lý xuất nhập khẩu, năng lượng và thương mại điện tử giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

Tháo gỡ điểm nghẽn để phát triển

Dù đạt nhiều kết quả, công tác xây dựng và thi hành pháp luật của ngành công thương vẫn đối mặt thách thức. Để triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW, bà Bùi Thị Bình Giang nhấn mạnh, các mục tiêu trọng tâm được Bộ Công Thương thực hiện trong thời gian tới là tập trung hoàn thành việc rà soát và tháo gỡ các điểm nghẽn pháp luật trong năm 2025, thực hiện nghiêm kỷ luật “rõ người, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”. Bộ cũng sẽ đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; cắt giảm tối thiểu 30% thủ tục hành chính, thời gian xử lý và chi phí tuân thủ; tăng cường giải thích, hướng dẫn để văn bản thực sự đi vào cuộc sống; đầu tư mạnh cho nhân lực pháp chế cũng như ứng dụng công nghệ, dữ liệu lớn trong xây dựng và quản lý văn bản.

Dưới góc độ của mình, ông Trần Hữu Linh - Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước (Bộ Công Thương) cho hay, năm 2026, Cục Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước đã đăng ký 2 pháp lệnh. Thứ nhất, đăng ký xây dựng Pháp lệnh sửa đổi Pháp lệnh quản lý thị trường và sẽ trình Quốc hội vào năm 2026. Bởi công tác kiểm tra, giám sát thị trường cũng cần phải thay đổi. Đặc biệt, chúng tôi vừa chủ động tham mưu cho Bộ và Bộ cũng đã trình sang Bộ Tư pháp để đưa vào chương trình xây dựng Luật Giao dịch hàng hóa phái sinh và chúng tôi đăng ký Quốc hội thông qua trong năm 2026.

Theo bà Trần Thị Mai Hương - Phó Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia (Bộ Công Thương) khuyến nghị tăng cường phối hợp liên ngành; Hợp tác chặt chẽ với tổ chức xã hội, hiệp hội doanh nghiệp, cộng đồng người tiêu dùng trong tuyên truyền và phổ biến pháp luật; Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống tiếp nhận, xử lý nhanh khiếu nại của người tiêu dùng; Nâng cao năng lực đội ngũ làm bảo vệ người tiêu dùng, khuyến khích vai trò Hội bảo vệ người tiêu dùng ở địa phương; Bố trí đủ

nguồn lực, kinh phí và nhân lực, nhất là tại cấp xã, để bảo đảm triển khai đồng bộ các hoạt động đổi mới thể chế.

Để triển khai được những nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 66/NQ-TW, bà Nguyễn Thị Phương Liên - Phó Vụ trưởng Vụ Công tác Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp) chỉ ra, các bộ, ngành và địa phương cần triển khai đồng bộ giải pháp theo Nghị quyết 66, trọng tâm là: rà soát, đơn giản hóa hệ thống pháp luật, bãi bỏ quy định gây cản trở sản xuất kinh doanh để tạo môi trường thông thoáng cho doanh nghiệp.

Nhấn mạnh yêu cầu nâng cao chất lượng chính sách và đánh giá tác động chính sách phải rõ ràng, khách quan, thực chất để chính sách đi vào cuộc sống; đồng thời tăng cường lấy ý kiến người dân và doanh nghiệp, nhất là nhóm chịu tác động trực tiếp. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong xây dựng pháp luật, coi đây là xu thế tất yếu giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả hoàn thiện thể chế. Cơ chế phối hợp liên ngành là yếu tố then chốt bảo đảm tiến độ và chất lượng văn bản quy phạm pháp luật; khó khăn lớn nhất không phải số lượng văn bản mà là phối hợp hiệu quả giữa các bộ, ngành.

Nguồn: kinhtedothi.vn

QUY ĐỊNH VỀ THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG VIỆN TRỢ CỦA VIỆT NAM CHO NƯỚC NGOÀI

Ngày 25/11/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 305/2025/NĐ-CP về viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài.

Nghị định gồm 7 chương 82 điều quy định về cung cấp và quản lý viện trợ không hoàn lại của Việt Nam cho bên tiếp nhận viện trợ thuộc nhiệm vụ chi viện trợ của ngân sách trung ương và ngân sách địa phương quy định tại Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 và Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15. Đối tượng áp dụng Nghị định là các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động cung cấp, triển khai và quản lý viện trợ của Việt Nam cho bên tiếp nhận viện trợ.

Nghị định này không quy định về các khoản niên liễm, các khoản đóng góp có tính tự nguyện, nghĩa vụ hoặc có tính niên liễm của Việt Nam cho tổ chức, khuôn khổ, diễn đàn hợp tác quốc tế và khu vực mà Việt Nam là thành viên; các khoản viện trợ cho nước ngoài trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Nghị định quy định 5 hình thức viện trợ gồm: Đầu tư xây dựng; hỗ trợ kỹ thuật; cung cấp hàng hoá; viện trợ bằng tiền; hình thức khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Phương thức viện trợ thông qua các chương trình; dự án; hoặc phi dự án.

Nguyên tắc cung cấp và quản lý viện trợ cho nước ngoài

Theo Nghị định, viện trợ cho nước ngoài nhằm thực hiện chính sách đối ngoại của Việt Nam và là một bộ phận của dự toán chi ngân sách nhà nước, được Chính phủ quản lý thống nhất trên cơ sở công khai, minh bạch, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan. Đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại, Hiến pháp và pháp luật của Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, ưu tiên của bên tiếp nhận viện trợ; mục tiêu, lợi ích, khả năng cân đối nguồn lực, ngân sách, năng lực triển khai, điều kiện thực tế của Việt Nam và bên tiếp nhận viện trợ.

Việc cung cấp và quản lý viện trợ cho nước ngoài được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Ưu tiên Việt Nam trực tiếp thực hiện và chuyển giao kết quả cho bên tiếp nhận viện trợ; sử dụng hàng hoá, dịch vụ, kỹ thuật, nhân lực và nhà thầu của Việt Nam. Việc sử dụng hàng

hoá, dịch vụ, kỹ thuật, nhân lực và nhà thầu của nước ngoài chỉ áp dụng trong trường hợp Việt Nam không thể đáp ứng hoặc để đảm bảo hiệu quả và an toàn về chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh, kinh tế - xã hội và con người.

Đảm bảo tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và phòng chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí, tiêu cực trong cung cấp, quản lý viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài.

Bên tiếp nhận viện trợ có trách nhiệm chi trả các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến hàng hoá, dịch vụ, hoạt động viện trợ và chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư của chương trình, dự án, phi dự án thực hiện trên lãnh thổ, địa bàn của bên tiếp nhận viện trợ, trừ trường hợp được phía Việt Nam đồng ý chi trả.

Ngân sách viện trợ năm nào được sử dụng trong năm đó. Việc chuyển nguồn, kéo dài ngân sách viện trợ sang năm tiếp theo tuân thủ quy định pháp luật về quản lý ngân sách của Việt Nam.

Đối với viện trợ sử dụng ngân sách địa phương cấp tỉnh, đáp ứng thêm những nội dung sau đây:

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sử dụng ngân sách địa phương cấp tỉnh để viện trợ cho các địa phương có thỏa thuận hợp tác của nước ngoài (trừ trường hợp viện trợ đột xuất) và không thuộc phạm vi thỏa thuận hợp tác quốc tế giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Chính phủ nước ngoài.

Tổng mức viện trợ của địa phương Việt Nam cho địa phương nước ngoài trong một năm không vượt quá 10% dự phòng ngân sách địa phương cấp tỉnh.

Nội dung viện trợ gồm: Thực hiện đầu tư trên địa bàn; hỗ trợ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nghiêm trọng.

Phương thức thực hiện viện trợ

Nghị định quy định phương thức viện trợ được thực hiện như sau:

1. Phía Việt Nam trực tiếp thực hiện chương trình, dự án, phi dự án và chuyển giao kết quả cho bên tiếp nhận viện trợ.
2. Phía Việt Nam chuyển tiền cho bên tiếp nhận viện trợ tự thực hiện dự án, phi dự án.
3. Việc áp dụng phương thức chuyển tiền từ ngân sách trung ương cho bên tiếp nhận viện trợ tự thực hiện quy định tại khoản 2 nêu trên phải được cấp có thẩm quyền cho phép tại bước phê duyệt danh mục Báo cáo đề xuất cấp viện trợ hoặc nêu trong điều ước quốc tế, thỏa thuận về viện trợ với bên tiếp nhận viện trợ.

Điều kiện để dự án, phi dự án được áp dụng phương thức chuyển tiền cho bên tiếp nhận viện trợ:

- a) Phía Việt Nam không có đủ điều kiện trực tiếp thực hiện dự án, phi dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả và an toàn.
- b) Phi dự án viện trợ bằng tiền hoặc cấp bù chênh lệch lãi suất.

Thẩm quyền quyết định chủ trương viện trợ

Theo Nghị định, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương viện trợ sử dụng ngân sách trung ương trong những trường hợp sau đây:

- a1) Chương trình;
- b1) Dự án, phi dự án có quy mô viện trợ từ 500 tỷ đồng trở lên;
- c1) Trường hợp khác được Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Nghị định quy định các trường hợp không phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương viện trợ gồm:

- a2) Dự án, phi dự án thuộc chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương viện trợ;
- b2) Phi dự án đào tạo theo kế hoạch năm;
- c2) Viện trợ sử dụng ngân sách địa phương;
- d2) Những trường hợp không quy định tại các điểm a1, b1, c1 và các điểm a2, b2, c2 nêu trên.

Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương viện trợ

Nghị định quy định trình tự, thủ tục quyết định chủ trương viện trợ được thực hiện như sau:

Căn cứ Danh mục Báo cáo đề xuất cấp viện trợ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; nội dung thể hiện tại điều ước quốc tế, thoả thuận về viện trợ hoặc biên bản các cuộc họp Ủy ban hỗn hợp, Ủy ban liên chính phủ, các cuộc họp cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ với bên tiếp nhận viện trợ và tình hình thực tế, cơ quan chủ quản chủ trì, phối hợp với bên tiếp nhận viện trợ lập Báo cáo chủ trương viện trợ và gửi Bộ Tài chính. Bộ Tài chính chủ trì thẩm định trên cơ sở lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan hoặc tổ chức hợp thẩm định.

Căn cứ kết quả thẩm định, cơ quan chủ quản hoàn thiện Báo cáo chủ trương viện trợ gửi Bộ Tài chính. Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo kết quả thẩm định và Báo cáo chủ trương viện trợ. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương viện trợ.

Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định Báo cáo chủ trương viện trợ

- 1. Hồ sơ thẩm định bao gồm: Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản; báo cáo chủ trương viện trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Nghị định này; các tài liệu liên quan khác (nếu có).
- 2. Số lượng hồ sơ thẩm định gửi Bộ Tài chính: 10 bộ.
- 3. Nội dung thẩm định Báo cáo chủ trương viện trợ:
 - a) Sự cần thiết, không trùng lặp và phù hợp về lợi ích đối với Việt Nam và bên tiếp nhận viện trợ;
 - b) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, thương mại - đầu tư, bảo đảm quốc phòng, an ninh, văn hóa, phát triển bền vững và quan hệ chính trị, ngoại giao của Việt Nam và bên tiếp nhận viện trợ;

c) Sự tuân thủ, phù hợp với điều ước quốc tế, thỏa thuận về viện trợ (nếu có), chính sách, quy định pháp luật của Việt Nam và chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, quy định pháp luật của bên tiếp nhận viện trợ;

d) Tính khả thi về phương thức, quy mô, phạm vi; địa điểm, thời gian; giải pháp, công nghệ áp dụng; tác động môi trường; năng lực quản lý, triển khai của các cơ quan, đơn vị có liên quan của Việt Nam và bên tiếp nhận viện trợ;

đ) Khả năng cân đối, bố trí ngân sách, nguồn lực của Việt Nam và bên tiếp nhận viện trợ;

e) Phương thức thực hiện viện trợ;

g) Các rủi ro có thể phát sinh, nội dung cần lưu ý do đặc trưng của bên tiếp nhận viện trợ và giải pháp xử lý;

h) Tính bền vững và khả năng tiếp tục phát huy tác dụng, hiệu quả của khoản viện trợ sau khi hoàn thành;

i) Các hoạt động chuẩn bị trước và bổ sung kế hoạch viện trợ (nếu có);

k) Những nội dung cần thiết khác (nếu cần).

Thời gian thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét Báo cáo chủ trương viện trợ: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung trong Báo cáo chủ trương viện trợ không phù hợp với các quy định tại khoản 3 nêu trên, Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản đề nghị cơ quan chủ quản hoàn thiện nội dung Báo cáo chủ trương viện trợ trong vòng 05 ngày làm việc.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT MỘT SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THIẾT BỊ Y TẾ

Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Thông tư 44/2025/TT-BYT quy định việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ, giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực thiết bị y tế thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và quy định về mẫu văn bản, báo cáo thực hiện quản lý thiết bị y tế.

Theo Thông tư quy định, phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ, giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực thiết bị y tế thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế cho Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế:

1. Cấp mới số lưu hành thiết bị y tế thuộc loại C, D theo quy định tại Điều 32, Điều 32a Nghị định số 98/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP.

2. Kiểm tra sau khi cấp số lưu hành đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 32 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP.

3. Đình chỉ lưu hành đối với lô thiết bị y tế, chấm dứt đình chỉ lưu hành lô thiết bị y tế theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP.

4. Thu hồi lô thiết bị y tế theo quy định tại Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP.

5. Ban hành văn bản về việc cho phép hay không cho phép tiếp tục lưu hành thiết bị y tế theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP.

6. Thu hồi số lưu hành thiết bị y tế theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP.

7. Cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị y tế theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP.

8. Cấp mới, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận lưu hành tự do thiết bị y tế theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP.

9. Cấp mới, cấp bổ sung và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định thiết bị y tế theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP.

10. Quyết định việc xử lý thiết bị y tế không đạt yêu cầu kiểm định theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP.

11. Kiểm tra chuyên ngành đối với tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động: phân loại thiết bị y tế; sản xuất, lưu hành, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, cung cấp dịch vụ thiết bị y tế; thông tin, quảng cáo thiết bị y tế; quản lý, sử dụng thiết bị y tế tại các cơ sở y tế theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/11/2025. Thông tư số 19/2021/TT-BYT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mẫu văn bản, báo cáo thực hiện Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2023/TT-BYT hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Đối với các hồ sơ đã nộp cho cơ quan quản lý trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà có sử dụng các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2023/TT-BYT: Nếu văn bản, báo cáo đó hết hiệu lực hoặc có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì tổ chức, cá nhân khi cập nhật, sửa đổi, bổ sung hồ sơ phải thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với Giấy ủy quyền và Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo hành thiết bị y tế được chủ sở hữu thiết bị y tế ký ban hành theo mẫu quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2023/TT-BYT trước ngày Thông tư này có hiệu lực và đang còn hiệu lực thì được tiếp tục sử dụng.

Nguồn: moh.vn

TIÊU CHÍ NHẬP KHẨU THIẾT BỊ, MÁY MÓC ĐÃ QUA SỬ DỤNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN, SẢN XUẤT CHIP BÁN DẪN

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ký Thông tư 30/2025/TT-BKHCN ban hành tiêu chí đối với dây chuyền công nghệ, thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng được nhập khẩu phục vụ trực tiếp dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn và hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp tham gia và có liên quan đến hoạt động nhập khẩu dây chuyền công nghệ, thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; phục vụ trực tiếp dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn.

Tiêu chí đối với dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng được nhập khẩu

Theo Thông tư quy định, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng được phép nhập khẩu khi đáp ứng các tiêu chí sau:

- Không thuộc Danh mục dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, lạc hậu, chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường do nước xuất khẩu công bố.
- Công nghệ của dây chuyền công nghệ không thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao, hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.
- Được sản xuất theo tiêu chuẩn: Phù hợp với quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường; trường hợp không có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) liên quan đến dây chuyền công nghệ nhập khẩu, thì dây chuyền công nghệ phải được sản xuất theo tiêu chuẩn phù hợp với chỉ tiêu kỹ thuật của tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.
- Công suất (tính theo số lượng sản phẩm được tạo ra bởi dây chuyền công nghệ trong một đơn vị thời gian) hoặc hiệu suất còn lại phải đạt từ 85% trở lên so với công suất hoặc hiệu suất thiết kế.
- Mức tiêu hao nguyên, vật liệu, năng lượng không vượt quá 15% so với thiết kế.

6- Đối với trường hợp dây chuyền công nghệ được nhập khẩu phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật Công nghiệp công nghệ số không phải áp dụng các tiêu chí quy định tại khoản 4 và 5 nêu trên.

Tiêu chí đối với thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng được nhập khẩu

Thông tư quy định, thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng được phép nhập khẩu khi đáp ứng các tiêu chí sau:

1- Không thuộc Danh mục máy móc, thiết bị, công cụ đã qua sử dụng, lạc hậu, chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường do nước xuất khẩu công bố.

2- Công nghệ của máy móc, thiết bị, công cụ không thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao, hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

3- Được sản xuất theo tiêu chuẩn:

a) Phù hợp với quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường;

b) Trường hợp không có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) liên quan đến thiết bị, máy móc, công cụ nhập khẩu, thì thiết bị, máy móc, công cụ phải được sản xuất theo tiêu chuẩn phù hợp với chỉ tiêu kỹ thuật của tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

4- Tuổi thiết bị (thời gian tính theo năm được xác định từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu của máy móc, thiết bị, công cụ đã qua sử dụng) không vượt quá 20 năm. Năm nhập khẩu là năm hàng hóa về đến cửa khẩu Việt Nam.

5- Đối với trường hợp máy móc, thiết bị, công cụ được nhập khẩu phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật Công nghiệp công nghệ số không phải áp dụng các tiêu chí quy định tại khoản 4 nêu trên.

Nguồn: mst.gov.vn

QUY CHẾ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA VỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP BÁN DẪN

Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng - Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn vừa ký Quyết định số 172/QĐ-BCĐPTCNBD ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn.

Quy chế quy định nguyên tắc, chế độ làm việc; trách nhiệm của thành viên, cơ quan thường trực; chế độ thông tin, báo cáo; kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn (gọi tắt là Ban Chỉ đạo).

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thành viên Ban Chỉ đạo

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thành viên Ban Chỉ đạo được quy định tại Quyết định số 2265/QĐ-TTg ngày 14/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo quốc gia về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn.

Theo Quyết định số 2265/QĐ-TTg, Ban Chỉ đạo là tổ chức liên ngành, có chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo giải quyết những công việc quan trọng, liên ngành liên quan đến thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam.

Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ nghiên cứu, tư vấn, khuyến nghị, đề xuất phương hướng, giải pháp để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam. Đồng thời, chỉ đạo, phối hợp giữa các bộ, cơ quan, tổ chức liên quan để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam.

Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai

Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và các Ủy viên của Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, thảo luận công khai, đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất, đề cao trách nhiệm của Trưởng ban; Trưởng ban là người quyết định cuối cùng đối với các vấn đề của Ban Chỉ đạo; Phó Trưởng ban được quyết định một số vấn đề cụ thể theo phân công, ủy quyền của Trưởng ban; các Ủy viên Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm triển khai công việc được phân công và chủ động chỉ đạo cơ quan chức năng triển khai các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, đề án phát triển ngành công nghiệp bán dẫn.

Trưởng ban chủ trì các cuộc họp định kỳ theo kế hoạch và triệu tập các cuộc họp đột xuất khi cần thiết. Trưởng ban có thể ủy quyền cho Phó Trưởng ban chủ trì các cuộc họp để thảo luận, quyết định một số vấn đề cụ thể thuộc nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

Các Ủy viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo, trường hợp do bận công tác quan trọng khác không thể tham dự họp, phải báo cáo Trưởng ban và ủy quyền cho người đại diện có trách nhiệm dự họp; ý kiến của người dự họp là ý kiến chính thức của Ủy viên Ban Chỉ đạo.

Ban Chỉ đạo phân công từng thành viên chịu trách nhiệm: Đôn đốc, kiểm tra các bộ, ngành, địa phương thực hiện các cơ chế, chính sách đã ban hành; kiến nghị bổ sung, sửa đổi hoặc xây dựng cơ chế, chính sách, những giải pháp để phát triển ngành công nghiệp bán dẫn trên phạm vi toàn quốc.

Ban Chỉ đạo họp định kỳ ít nhất 2 lần/năm và họp đột xuất khi cần thiết theo yêu cầu của Trưởng ban.

Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo định kỳ trước ngày 31/12 hằng năm hoặc đột xuất về tình hình hoạt động, gửi Bộ Nội vụ và Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Bộ Khoa học và Công nghệ là Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo

Bộ Khoa học và Công nghệ là Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo; có trách nhiệm tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo, cụ thể:

Giúp Ban Chỉ đạo, Trưởng ban tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo; tổng hợp nội dung nhiệm vụ, kết quả, đề xuất của các thành viên để đưa ra báo cáo Trưởng ban tại các cuộc họp.

Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan đề xuất với Ban Chỉ đạo, Trưởng ban các chủ trương, định hướng, kiến nghị bổ sung, sửa đổi hoặc xây dựng mới cơ chế, chính sách, những giải pháp để thúc đẩy triển khai các nội dung triển khai phát triển ngành công nghiệp bán dẫn nằm ngoài phạm vi các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra.

Trong trường hợp cần thiết, đề xuất Ban Chỉ đạo, Trưởng ban về các giải pháp cụ thể để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai phát triển ngành công nghiệp bán dẫn.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo được làm việc với các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức quốc tế, đối tác phát triển tham gia triển khai phát triển ngành công nghiệp bán dẫn và các hoạt động liên quan khác.

Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; trường hợp cần bổ sung, sửa đổi Quy chế, trên cơ sở đề xuất của các thành viên Ban Chỉ đạo quốc gia, cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia xem xét, quyết định và thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chỉ đạo, Trưởng ban giao.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG XÂY DỰNG

Ngày 27/11/2025, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà ký Quyết định số 2597/QĐ-TTg phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng xây dựng (gọi tắt là Đề án).

Theo đó, mục tiêu tổng quát của Đề án nhằm thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động xây dựng, quản lý và khai thác kết cấu hạ tầng xây dựng, nhằm đổi mới căn bản phương thức quản lý, điều hành, nâng cao hiệu quả đầu tư, chất lượng công trình và năng lực khai thác vận hành. Tạo lập hệ sinh thái kết cấu hạ tầng số thông minh, đồng bộ, kết nối liên thông giữa các lĩnh vực, lấy dữ liệu làm nền tảng, người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, qua đó

góp phần xây dựng nền kinh tế số, xã hội số, bảo đảm phát triển bền vững, hiện đại hóa lĩnh vực hạ tầng và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Đến năm 2026, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về kết cấu hạ tầng xây dựng, bảo đảm kết nối, chia sẻ với hệ thống các bộ, ngành và địa phương

Đề án đặt ra mục tiêu đến năm 2026, hoàn thiện khung pháp lý hỗ trợ chuyển đổi số trong xây dựng, quản lý và khai thác kết cấu hạ tầng; ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu, nền tảng số, mô hình thông tin công trình (BIM), IoT, và quản lý hạ tầng thông minh.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về kết cấu hạ tầng xây dựng, bảo đảm kết nối, chia sẻ với hệ thống của các bộ, ngành và địa phương; tích hợp với nền tảng phân tích dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) để phục vụ dự báo, lập quy hoạch và ra quyết định chính sách.

Xây dựng kho dữ liệu mô hình thông tin công trình (BIM) quốc gia, áp dụng BIM bắt buộc đối với các công trình cấp II trở lên của các dự án đầu tư xây dựng mới sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư bắt đầu thực hiện các công việc chuẩn bị dự án.

Đến năm 2030, hình thành hệ sinh thái kết cấu hạ tầng số thông minh, kết nối liên thông giữa các cấp quản lý từ trung ương đến địa phương

Đến năm 2030, 100% các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng mới áp dụng công nghệ AI, IoT, GIS, BIM trong thiết kế, giám sát, quản lý chất lượng và vận hành công trình; dữ liệu quản lý công trình hạ tầng được số hóa, chuẩn hóa và liên thông; triển khai các nền tảng số dùng chung phục vụ quản lý đầu tư, vận hành, bảo trì công trình hạ tầng. Hình thành hệ sinh thái kết cấu hạ tầng số thông minh, kết nối liên ngành, liên vùng và liên thông giữa các cấp quản lý từ trung ương đến địa phương; 100% quy trình quản lý được chuyển đổi từ thủ công sang điện tử, sử dụng hồ sơ điện tử, dữ liệu trực tuyến trong công tác quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng xây dựng;

Hình thành được nguồn nhân lực dân đáp ứng làm chủ, khai thác, vận hành hiệu quả những ứng dụng công nghệ AI, IoT, GIS, BIM trong quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng xây dựng; bảo đảm 100% hệ thống số hóa trong lĩnh vực hạ tầng có biện pháp bảo vệ an toàn thông tin theo cấp độ; áp dụng các tiêu chuẩn an toàn thông tin, bảo mật trong việc khai thác, chia sẻ dữ liệu kết cấu hạ tầng và thông tin người dùng.

Mục tiêu đến năm 2035, hoàn thành 100% chuyển đổi số toàn diện trong các hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng xây dựng; áp dụng rộng rãi BIM trong hoạt động xây dựng và quản lý vận hành công trình hạ tầng, hướng tới mục tiêu thực hiện tiết kiệm về chi phí quy đổi tổng hợp từ các chủ thể có liên quan thực hiện áp dụng BIM, tăng cường tính minh bạch và thuận lợi trong quản lý, kiểm soát chất lượng.

07 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

Để có thể thực hiện thành công các mục tiêu nêu trên, Đề án đưa ra 07 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau: Hoàn thiện cơ chế, chính sách và thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng xây dựng; chuyển đổi số trong quản lý kết cấu hạ tầng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của ngành xây dựng; xây dựng, hoàn thiện hạ tầng

kỹ thuật, làm nền tảng phát triển các hệ thống ứng dụng phục vụ công tác quản lý trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng xây dựng; chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đô thị; chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông; phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số phục vụ công tác xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng xây dựng; tăng cường hợp tác quốc tế về xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng xây dựng.

Bộ Xây dựng được giao chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án; đề xuất, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Đề án trong trường hợp cần thiết. Trong trường hợp cần điều chỉnh các nội dung chi tiết mang tính chuyên ngành, giao Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chỉnh (sau khi có sự thống nhất với các Bộ, cơ quan liên quan); cụ thể hóa các nội dung của Đề án trong các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số trung hạn và hàng năm của Bộ Xây dựng; chủ trì xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật quy định về chính sách và hướng dẫn triển khai chuyển đổi số trong các hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng và cung cấp các dịch vụ liên quan.

Trong quá trình triển khai Đề án nghiên cứu phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng điều chỉnh, bổ sung những vấn đề liên quan đến mục tiêu tổng quát, kinh phí thực hiện và các thay đổi chi tiết mang tính chuyên ngành (sau khi có sự thống nhất với các Bộ, cơ quan liên quan).

Bên cạnh đó, Quyết định cũng quy định rõ nhiệm vụ cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong việc tổ chức triển khai Đề án này.

Nguồn: baochinhphu.vn

KHÂN TRƯỞNG GIẢI QUYẾT CHÍNH SÁCH, CHI TRẢ BẢO HIỂM CHO NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP CHỊU ẢNH HƯỞNG BỞI LŨ LỤT

Ngày 25/11/2025, Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc vừa ký Công điện số 228/CD-TTg về việc giải quyết chính sách, chi trả chế độ bảo hiểm đối với người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi mưa lũ đặc biệt lớn tại khu vực Trung Bộ.

Công điện nêu: Trong mấy ngày qua, khu vực Trung Bộ đã xảy ra mưa, lũ đặc biệt lớn, kết hợp với thủy triều dâng cao, đặc biệt trên một số sông có mức lũ vượt mức lịch sử trong nhiều năm đã gây ngập lụt nghiêm trọng cho nhiều khu dân cư, làm thiệt hại nặng nề về người, tài sản, cây trồng, vật nuôi, hạ tầng kinh tế - xã hội; ảnh hưởng rất lớn đến đời sống vật chất, tinh thần và hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhân dân.

Trước tình hình đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã bám sát diễn biến tình hình, khẩn trương tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt công tác phòng, chống, ứng phó với mưa lũ từ sớm, từ xa; các bộ, địa phương, người dân và cộng đồng doanh nghiệp đã chủ động triển khai các giải pháp để hạn chế tối đa mức độ thiệt hại và khẩn trương khắc phục hậu quả thiên tai. Để tiếp tục triển khai đồng bộ, có hiệu quả việc giải quyết chính sách, chi trả chế độ bảo hiểm đối với người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi mưa lũ đặc biệt lớn tại khu vực Trung Bộ, góp phần hỗ trợ người dân và doanh nghiệp nhanh chóng ổn định tình hình, đẩy mạnh khôi phục sản xuất kinh doanh sau lũ lụt, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Chi trả kịp thời, đầy đủ chế độ bảo hiểm

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, địa phương liên quan:

a) Yêu cầu và đôn đốc các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm khẩn trương có phương án giải quyết nhanh, dứt điểm việc chi trả, bồi thường thiệt hại cho các khách hàng tham gia bảo hiểm là người dân, doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi lũ lụt, với thủ tục nhanh chóng, thuận lợi nhất, bảo đảm kịp thời, đầy đủ, đúng quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và quy định pháp luật có liên quan.

b) Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi trả kịp thời, đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế với thủ tục nhanh chóng, thuận lợi, bảo đảm theo đúng quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

c) Kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền các phương án, giải pháp để hỗ trợ khắc phục hậu quả bão, lũ của các địa phương theo đúng quy định của pháp luật.

Giải quyết quyền lợi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với thủ tục nhanh chóng, thuận lợi

2. Bộ Y tế theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các địa phương liên quan chỉ đạo việc giải quyết quyền lợi về khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với người tham gia bảo hiểm y tế chịu ảnh hưởng bởi lũ lụt với thủ tục nhanh chóng, thuận lợi, bảo đảm kịp thời, đầy đủ, đúng quy định pháp luật về bảo hiểm y tế và quy định pháp luật có liên quan.

3. Bộ Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các địa phương liên quan chỉ đạo việc giải quyết quyền lợi về bảo hiểm thất nghiệp đối với người tham gia bảo hiểm thất nghiệp chịu ảnh hưởng bởi lũ lụt với thủ tục nhanh chóng, thuận lợi, bảo đảm kịp thời, đầy đủ, đúng quy định pháp luật về việc làm và quy định pháp luật có liên quan.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng chủ động, tích cực phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp.

5. Văn phòng Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, đôn đốc thực hiện Công điện này, báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề vượt thẩm quyền.

Nguồn: baочinhphu.vn

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 34/2025/TT-BKHCN quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Thông tư này quy định chi tiết Khoản 1 Điều 31 Luật Công nghiệp công nghệ số về các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định tại Thông tư này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi

Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi là sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng đồng thời các quy định sau:

1. Sản phẩm công nghệ số được thiết kế và sở hữu, dịch vụ công nghệ số được sở hữu hoặc được quyền cung cấp bởi một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam quy định tại Thông tư này là doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và có trụ sở chính tại Việt Nam; và không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư. Trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định mới được ban hành.

b) Cá nhân là người Việt Nam.

2. Có phương án, cam kết về hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành, bảo trì, nâng cấp và các dịch vụ hậu mãi.

Sản phẩm phần cứng được hưởng ưu đãi

1. Sản phẩm phần cứng được hưởng ưu đãi khi đáp ứng đồng thời quy định sau:

a) Thiết kế sản phẩm phần cứng (bao gồm đặc tả yêu cầu, kiến trúc hệ thống, thiết kế chi tiết, sơ đồ nguyên lý, bố trí mạch in, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn và các tài liệu kỹ thuật liên quan) thuộc sở hữu của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam. Trong đó, quyền sở hữu được thiết lập thông qua việc tự thực hiện việc thiết kế hoặc thuê người khác trong đó có người Việt Nam thực hiện việc thiết kế hoặc mua thiết kế đó từ các chủ thể khác.

b) Nhãn hiệu gắn trên sản phẩm phần cứng phải thuộc sở hữu của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam.

2. Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam chứng minh quyền sở hữu của mình đối với thiết kế phân cứng nêu tại khoản 1 trên bằng một trong những tài liệu sau đây:

a) Bằng độc quyền sáng chế, bằng độc quyền giải pháp hữu ích, bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn do cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp của Việt Nam cấp hoặc do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

b) Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả do cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan cấp.

c) Tài liệu khác để chứng minh quyền sở hữu đối với các đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp và quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam chứng minh quyền sở hữu của mình đối với nhãn hiệu nêu tại khoản 1 trên bằng một trong các tài liệu sau đây:

a) Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu do cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp cấp;

b) Quyết định chấp nhận bảo hộ đăng ký quốc tế nhãn hiệu tại Việt Nam;

c) Tài liệu hợp pháp khác chứng minh quyền sở hữu nhãn hiệu theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Sản phẩm phần mềm được hưởng ưu đãi

1. Sản phẩm phần mềm được hưởng ưu đãi khi đáp ứng một trong các quy định sau:

a) Thiết kế, phát triển sản phẩm phần mềm (bao gồm kiến trúc, thiết kế chi tiết, mã nguồn và các tài liệu kỹ thuật liên quan) thuộc sở hữu của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam. Trong đó, quyền sở hữu trí tuệ đối với thiết kế, mã nguồn và sản phẩm phần mềm được thiết lập thông qua việc tự thực hiện việc thiết kế, xây dựng mã nguồn hoặc thuê người khác trong đó có người Việt Nam thực hiện việc thiết kế, xây dựng mã nguồn hoặc mua thiết kế, mã nguồn đó từ các chủ thể khác.

b) Thiết kế, phát triển sản phẩm phần mềm (bao gồm kiến trúc, thiết kế chi tiết, mã nguồn và các tài liệu kỹ thuật liên quan) được phát triển dựa trên mã nguồn mở và do tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân người Việt Nam sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc được khai thác hoặc sử dụng thiết kế, mã nguồn đó.

2. Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam chứng minh quyền sở hữu của mình đối với thiết kế, mã nguồn sản phẩm phần mềm nêu tại khoản 1 trên bằng một trong những tài liệu sau đây:

a) Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả do cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan cấp.

b) Tài liệu khác để chứng minh quyền sở hữu, quyền khai thác, quyền sử dụng đối với các đối tượng của quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

Nguồn: msst.gov.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư

Quyết định đề ông Nguyễn Đức Trung, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và thôi giữ chức Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội; điều động ông Nguyễn Đức Trung giữ chức Phó Trưởng Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương.

Quyết định về việc thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đối với ông Vũ Đại Thắng; điều động, phân công, chỉ định ông Vũ Đại Thắng tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội, giữ chức Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Quyết định 2587/QĐ-TTg phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Hồng Vinh.

Quyết định số 2588/QĐ-TTg phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Võ Trọng Hải, Phó Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Quyết định số 2589/QĐ-TTg phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Văn Lương, Phó Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Quyết định số 2590/QĐ-TTg phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Minh Phú, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên.

Quyết định số 2580/QĐ-TTg phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Thành Đô.

Quyết định số 2579/QĐ-TTg phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Phạm Đức Toàn.

Quyết định số 2578/QĐ-TTg ngày 23/11/2025 phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Văn Hân, Phó Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Quyết định số 2576/QĐ-TTg ngày 23/11/2025 phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Văn Út.

Quyết định số 2596/QĐ-TTg ngày 27/11/2025 phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Hồng Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị nhiệm kỳ 2025 - 2030

Quyết định số 2592/QĐ-TTg ngày 26/11/2025 phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Văn Bảo, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Trị.

Quyết định số 2595/QĐ-TTg ngày 27/11/2025 phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Phạm Thành Ngại, Phó Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Quyết định số 2598/QĐ-TTg ngày 27/11/2025 phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trần Trí Quang, Phó Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long nhiệm kỳ 2025 - 2030.

***Kiện toàn thành viên Ban chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia 2021 – 2025**

Quyết định số 2594/QĐ-TTg ngày 26/11/2025 về việc kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025.

Theo đó, ông Trần Đức Thắng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tham gia Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương thay ông Đỗ Đức Duy.

Ông Võ Văn Hưng, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham gia Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương thay ông Trần Thanh Nam.

Ông Lê Đức Luận, Thứ trưởng Bộ Y tế, tham gia Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương thay ông Đỗ Xuân Tuyên.

Bà Nguyễn Thị Hà, Thứ trưởng Bộ Nội vụ tham gia Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương thay ông Cao Huy.

Ông Nguyễn Ngọc Cảnh, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tham gia Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương thay ông Đào Minh Tú.

*** Tỉnh Cao Bằng**

Ông Vũ Hồng Quang, Phó Bí thư Tỉnh ủy giữ chức Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

Ông Vũ Khắc Quang, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy giữ chức Phó Chủ tịch Thường trực.

*** Tỉnh Quảng Trị**

Ông Lê Vĩnh Thế, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị được điều động, phân công, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Tỉnh ủy

*** Thành phố Đà Nẵng**

Tiếp nhận ông Nguyễn Minh Đức, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy kiêm thư ký Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị đến nhận công tác tại Văn phòng Thành ủy và bổ nhiệm giữ chức Phó Chánh Văn phòng Thành ủy kiêm Thư ký Bí thư Thành ủy Đà Nẵng.

Điều động ông Lê Tấn Dũng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Ban Tổ chức Thành ủy đến nhận công tác tại Văn phòng Thành ủy và bổ nhiệm giữ chức Phó Chánh Văn phòng Thành ủy.

Điều động ông Phạm Mạnh Hùng, Phó Chánh Văn phòng Thành ủy đến nhận công tác tại Ban Tổ chức Thành ủy và bổ nhiệm giữ chức Phó Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy.

Điều động ông Nguyễn Tấn Hải, Phó Giám đốc Sở Công Thương đến nhận công tác tại Sở Y tế và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Y tế.

Điều động bà Lê Thủy Trinh, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường đến nhận công tác tại Sở Khoa học và Công nghệ và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.

*** Tỉnh Cà Mau**

Tại Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, Đại hội đã hiệp thương, cử ông Hồ Thanh Thủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy Cà Mau làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Cà Mau.

*** Tỉnh Đồng Tháp**

Ông Trần Ngô Minh Tuấn, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Hồng Ngự được bổ nhiệm giữ chức Chánh Thanh tra tỉnh Đồng Tháp.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn/vov.vn